MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Bước vào thế kỉ XXI, dưới sự bùng nổ của cuộc Cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, nhiều phát minh và ngành nghề mới được ra đời để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Do đó người lao động có thêm nhiều cơ hội trong việc lựa chọn lĩnh vực nghề nghiệp phù hợp với sở thích, nhu cầu, khả năng của mình. Lựa chọn nghề nghiệp là một vấn đề mang tính quyết định đối với cuộc sống của mỗi người. Để việc chọn lựa nghề nghiệp được thuận lợi và có hiệu quả, người lao động cần phải có kỹ năng trong việc định hướng nghề nghiệp.

Kỹ năng định hướng nghề nghiệp là một kỹ năng quan trọng của mỗi cá nhân trong xã hội. Có kỹ năng định hướng nghề nghiệp tốt giúp người lao động chọn lựa được công việc phù hợp, phát huy được năng lực của bản thân, đóng góp cho sự phát triển ngành nghề và xã hội. Trái lại, thiếu kỹ năng định hướng nghề nghiệp sẽ dẫn đến hậu quả như chọn lựa sai ngành nghề, thay đổi nghề nghiệp thường xuyên, giảm năng xuất lao động, hao tổn chi phí, mất nhiều thời gian đào tạo…

Học sinh Trung học phổ thông là lực lượng lao động tương lai của xã hội. Ngoài việc trau đồi những tri thức, kỹ năng trong học tập tại nhà trường phổ thông, học sinh còn cần phải có kỹ năng định hướng nghề nghiệp như là công cụ giúp chọn lựa và gắn bó với nghề sau khi ra trường. Theo số liệu điều tra của sở Lao Động – Thương binh – Xã hội thành phố Hồ Chí Minh cho biết: tỉ lệ học sinh, sinh viên tốt nghiệp muốn được làm việc với nghề lâu dài chỉ chiếm 30%; có 30 % học sinh, sinh viên muốn đổi nghề khác vì không phù hợp với năng lực, có đến 40 % học sinh, sinh viên chưa xác định được mục tiêu nghề nghiệp. Trong số lao động trẻ của thành phố có 40 % sinh viên

chọn lựa sai ngành học, học nghề không phù hợp với bản thân. Từ những số liệu thống kê trên cho thấy kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh, sinh viên vẫn còn hạn chế.

Việc nghiên cứu về kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông sẽ làm rõ được hệ thống khái niệm cơ bản đồng thời xác định được mức độ các mặt biểu hiện của kĩ năng trên. Từ đó, đề xuất ra một số giải pháp giúp nâng cao kĩ năng định hướng nghề nghiệp cho học sinh Trung học phổ thông. Đặc biệt là ở thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, vẫn chưa có nghiên cứu nào về kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông.

Từ những cơ sở trên, người nghiên cứu chọn đề tài: ***"Kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu".***

2. Mục đích nghiên cứu

Tìm hiểu kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.2. Khách thể nghiên cứu

Học sinh các trường Trung học phổ thông Chuyên Lê Quí Đôn, Trung học phổ thông Vũng Tàu, Trung học phổ thông Nguyễn Huệ tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Phạm vi nghiên cứu

4.1. Về nội dung

Đề tài tập trung nghiên cứu về mức độ biểu hiện của kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4.2. Về phương pháp

Phạm vi đề tài này chỉ sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, không sử dụng phương pháp thực nghiệm phát hiện để nghiên cứu kỹ năng.

4.3. Về khách thể

Đề tài nghiên cứu trên mẫu 450 học sinh của các trường Trung học phổ thông Chuyên Lê Quí Đôn, Trung học phổ thông Vũng Tàu, Trung học phổ thông Nguyễn Huệ tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Giả thuyết nghiên cứu

Kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông bao gồm kỹ năng tìm hiểu bản thân, kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp và kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp. Kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông tại thành phố Vũng Tàu nằm ở mức trung bình.

6. Nhiệm vụ nghiên cứu

6.1. Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông.

6.2. Tìm hiểu thực trạng kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

6.3. Đề xuất biện pháp hỗ trợ nâng cao kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp phân tích - tổng hợp tài liệu

7.1.1. Mục đích nghiên cứu

Xây dựng hệ thống cơ sở lý luận về kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông.

7.1.2. Nội dung nghiên cứu

- Tìm hiểu lịch sử nghiên cứu vấn đề trên thế giới và ở Việt Nam về kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông.

- Xây dựng các khái niệm kỹ năng, định hướng, nghề nghiệp, định hướng nghề nghiệp, kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông.

7.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

7.2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu mức độ biểu hiện kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

7.2.2. Cấu trúc bảng hỏi

- Phần I. Thông tin chung

- Phần II. Nội dung chi tiết về mức độ kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông

7.3. Phương pháp thống kê toán học

Đề tài sử dụng phần mềm thống kê SPSS for Window 20.0 để xử lý kết quả

7.4. Phương pháp phỏng vấn

7.4.1. Mục đích nghiên cứu

Tìm hiểu sâu về kết quả khảo sát thực trạng để phục vụ cho việc bình luận kết quả.

7.4.2. Nội dung nghiên cứu

Quan điểm của học sinh THPT về kỹ năng định hướng nghề nghiệp của bản thân.

8. Đóng góp của đề tài

- Đề tài nghiên cứu đóng góp cách định nghĩa mới về kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông.

- Kết quả nghiên cứu làm rõ thực trạng kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đề tài cũng đề xuất một số biện pháp nâng cao kỹ năng định hướng nghề nghiệp cho học sinh Trung học phổ thông.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. Lịch sử nghiên cứu

1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài có liên quan đến đề tài

1.1.1.1. Vấn đề hướng nghiệp và tham vấn hướng nghiệp cho học sinh

Trên thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề hướng nghiệp và tham vấn nghề nghiệp cho thanh niên học sinh. Cụ thể:

Năm 1908, tại Đại học Pensylvania, Giáo sư Frank Parson là người đặt nền móng các khái niệm cơ bản cho hoạt động tư vấn hướng nghiệp (career counseling) hay tư vấn nghề (vocational guidance) ngày nay. Đồng thời năm 1908, ông cũng thành lập hội đồng hướng nghiệp ở Boston (Mỹ) với nhiệm vụ nghiên cứu các yêu cầu của nghề đối với con người, tìm hiểu chi tiết về năng lực của người học để giúp họ có được sự định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực và hứng thú cá nhân.

Một năm sau cũng chính Frank Parson là người đầu tiên trình bày khái niệm hướng nghiệp trong cuốn sách "Lựa chọn một nghề nghiệp" (Choosing a vocation, 1909). Những khái niệm này đã trở thành lý luận cơ sở cho những lý thuyết có liên quan đến đặc điểm tính cách của con người (trait) và yếu tố nghề (factor) - (trait and factor theory: lý thuyết đặc điểm người - nghề). Nhìn chung, cuốn sách là công trình nền tảng trình bày cơ sở Tâm lý học của hướng nghiệp và chọn nghề, cũng như các tiêu chí về sự phù hợp nghề của mỗi cá nhân để từ đó lựa chọn nghề cho phù hợp.

Vào những năm 1940, nhà Tâm lí học người Mỹ J. L. Holland (1919 - 2008) đã nghiên cứu và thừa nhận sự tồn tại của các loại nhân cách và sở thích nghề nghiệp. Tác giả đã chỉ ra tương ứng với mỗi kiểu nhân cách là một

trong số những nghề nghiệp tương xứng có thể chọn để đạt được kết quả làm việc và thành công nghề nghiệp cao nhất. Lý thuyết này của J. L. Holland đã được sử dụng rộng rãi nhất trong thực tiễn hướng nghiệp trên thế giới.

Đến năm 1948, cuốn sách "Hướng dẫn chọn nghề" xuất bản ở Pháp được xem là cuốn sách đầu tiên nói về định hướng nghề nghiệp. Nội dung của cuốn sách đề cập đến sự phát triển đa dạng của các ngành nghề trong xã hội do sự phát triển của công nghiệp. Từ đó rút ra những kết luận coi giáo dục hướng nghiệp là một vấn đề quan trọng không thể thiếu khi xã hội loài người càng ngày càng có những bước tiến vượt bậc.

Tiếp tục phát triển đến năm 1970, 1980 ở Mỹ đã kết hợp chặt chẽ việc tư vấn nghề với chương trình công nghệ và dạy nghề. Những nhà nghiên cứu ở đây cũng đã đưa môn "Hướng dẫn chọn nghề - Career Guidance" vào giảng dạy ở trường Trung học. Sau đó là từ bậc Trung học đến Đại học đều có các cố vấn học tập hay cố vấn tâm lí làm việc. Đây cũng là những cơ sở ban đầu rất quan trọng của việc tham vấn hướng nghiệp như: tìm hiểu bản thân, xác định khả năng, tìm hiểu về nghề để tìm ra những định hướng chọn nghề trong tương lai sao cho thật phù hợp [40, 7 - 8].

1.1.1.2. Vấn đề về tự định hướng nghề nghiệp của học sinh

Về nhận thức nghề nghiệp, nhà nghiên cứu N. D. Levitop, V. A. Kruchetxki, A. V Petrotxki đã đề cập đến ý nghĩa của sự hiểu biết nghề định chọn đối với học sinh. Vì học sinh chưa có quan niệm rõ ràng về đa số các nghề nên không thể định hướng đúng đắn các nghề đó [40, 6].

Dự định chọn nghề của học sinh cũng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm (V. V. Votzinxkaia, V. S. Supkin, V. P. Gribanop, X. N. Tritaicova, N. N. Dakhop, A. A. Barbinova,....) và nhận xét phần lớn học sinh Trung học phổ thông mong muốn sau khi tốt nghiệp được tiếp tục học cao hơn. Các em

không thích đi làm ngay. Những nghề các em chọn cũng mang màu sắc giới tính và lứa tuổi [40, 7].

Về động cơ chọn nghề, nghiên cứu của các tác giả V. A. Kruchetxki đã nêu ra những động cơ bên ngoài và động cơ bên trong trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp của học sinh. V. A. Detropxki chỉ ra sự hấp dẫn của nghề là do tính sáng tạo, ý nghĩa xã hội của nghề nghiệp, qui mô tiền lương... chi phối [40, 7].

1.1.2. Những nghiên cứu ở Việt Nam có liên quan đến đề tài

1.1.2.1. Vấn đề hướng nghiệp và tham vấn hướng nghiệp cho học sinh

Ở Việt Nam, đầu tiên phải kể đến những nhà khoa học đi tiên phong trong lĩnh vực nghiên cứu về định hướng nghề nghiệp và lĩnh vực khác như Giáo sư Phạm Tất Dong, Giáo sư Phạm Huy Thụ, Phó giáo sư Đặng Danh Ánh, Giáo sư Nguyễn Văn Hộ,....và một số tác giả trẻ khác.

Trong số đó có thể nói Giáo sư Phạm Tất Dong là người có đóng góp rất nhiều cho giáo dục hướng nghiệp tại Việt Nam, ông đã dày công nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn cho giáo dục hướng nghiệp như: xác định mục đích, ý nghĩa, vai trò của hướng nghiệp, hứng thú, nhu cầu, động cơ nghề nghiệp, hệ thống các quan điểm, nguyên tắc hướng nghiệp, các nội dung, phương pháp, biện pháp giáo dục hướng nghiệp,... Điều này được thể hiện ở rất nhiều bài báo cáo, sách, giáo trình của ông như bài "Hướng nghiệp cho thanh niên", đăng trên tạp chí Thanh Niên (số 8, 1982), báo cáo "Một con đường hình thành lí tưởng nghề nghiệp cho học sinh lớn", các tác phẩm như: "Nghề nghiệp tương lai – giúp bạn chọn nghề" hay cuốn "Tư vấn hướng nghiệp – sự lựa chọn cho tương lai – giúp bạn chọn nghề" hoặc cuốn "Giúp bạn chọn nghề" (2005) đưa ra những cơ sở khoa học lựa chọn nghề nghiệp phù hợp [40, 11].

Vào những năm 1980 đã có các tài liệu hướng dẫn hướng nghiệp cho học sinh cuối cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Vào đầu những năm 1990, hoạt động hướng nghiệp được khôi phục, các trung tâm hướng nghiệp được thành lập với tài liệu "Tư vấn nghề cho học sinh phổ thông" cũng đã được biên soạn.

Liên quan đến vấn đề tham vấn hướng nghiệp cho học sinh, đề tài "Nghiên cứu một số giải pháp khả thi trong việc ứng dụng triển khai công tác tham vấn hướng nghiệp cho học sinh phổ thông cấp 2, 3 ở thành phố Hồ Chí Minh - Tư vấn hướng nghiệp, thực trạng và giải pháp", tác giả Nguyễn Toàn (chủ nhiệm đề tài), trung tâm hướng nghiệp kĩ thuật ở Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, năm 1998 khảo sát về thực trạng chọn nghề của học sinh với kết quả phần lớn các em chọn nghề theo cảm tính, nêu một số sai lầm của học sinh khi chọn nghề. Theo đó, ngành Giáo dục cần phải định hướng các em thông qua công tác tư vấn hướng nghiệp, dựa vào cơ sở của việc xác định yêu cầu nghề nghiệp.

Tác giả Hoàng Trung Học với luận văn nghiên cứu thực trạng nhận thức của giáo viên trường Trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành về tham vấn học đường (2005) đã có nhận định: Đa số giáo viên có nhận thức hạn chế về bản chất của quá trình tham vấn, với những giáo viên nhận thức đúng mức độ, nhận thức cũng chỉ dừng lại ở nhận biết về những biểu hiện cụ thể của vấn đề, sự tồn tại của khó khăn tâm lí được nhận thức, đặc biệt, họ cũng chỉ ra rằng nhu cầu tham vấn nghề nghiệp của học sinh là rất lớn. Các giáo viên cũng tự nhận thức được hiệu quả tham vấn còn hạn chế, khẳng định vai trò của các chuyên gia tham vấn chuyên nghiệp trong nhà trường là cần thiết.

1.1.2.2. Vấn đề tự định hướng nghề nghiệp của học sinh

Về động cơ chọn nghề, tác giả Nguyễn Ngọc Bích trong luận án Phó tiến

sĩ năm 1979 đã nghiên cứu động cơ chọn nghề của thanh niên học sinh, động cơ bên trong nổi bật hơn động cơ bên ngoài, được sắp xếp theo thứ tự (khả năng của bản thân, tính chất quan trọng của nghề nghiệp, khả năng đáp ứng được yêu cầu công việc).

Về xu hướng chọn nghề, năm 2005, tác giả Nguyễn Ngọc Tài chủ nhiệm đề tài "Xu hướng chọn nghề của học sinh Trung học phổ thông hiện nay và các giải pháp giáo dục có định hướng". Đề tài cho thấy thực trạng lựa chọn nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông cũng như các yếu tố thúc đẩy việc chọn nghề và khẳng định học sinh vẫn rất lúng túng khi lựa chọn nghề nghiệp vì thiếu thông tin chính thống.

Hai tác giả Nguyễn Thạc và Nguyễn Thị Ngọc Liên nghiên cứu xu hướng chọn nghề của học sinh Trung học phổ thông có kiểu nhân cách khác nhau ở 3 khía cạnh: nhận thức của học sinh về yêu cầu nghề lựa chọn, thái độ của học sinh đối với nghề được chọn và thực trạng chọn nghề của học sinh có kiểu nhân cách khác nhau [30, 11].

Năm 2008, tác giả Trần Đình Chiến với nghiên cứu "Xu hướng lựa chọn nghề nghiệp của học sinh lớp 12 trường Trung học phổ thông dưới ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường" (khảo sát tại tỉnh Phú Thọ, Thái Nguyên) đã phản ánh thực trạng chọn nghề của học sinh nơi đây. Học sinh chọn nghề theo địa vị, danh tiếng trong xã hội, chưa quan tâm đến sự phù hợp giữa nghề nghiệp với bản thân mình [38].

Tác giả Nguyễn Quang Uẩn cùng đồng nghiệp đã nghiên cứu đặc điểm về xu hướng nghề của học sinh thành phố theo các chỉ số: mức độ nhận thức nghề, tính ổn định của thái độ đối với nghề, qua đó cho thấy đặc điểm chung về xu hướng nghề của học sinh Trung học, xác định được những nghề mà học sinh biết nhiều nhất cũng như thái độ đánh giá của học sinh về các nghề [30, 9].

Trong công trình nghiên cứu về khả năng tự định hướng nghề nghiệp và cuộc sống tương lai của các học sinh Trung học phổ thông, tác giả Đặng Hoàng Minh và các cộng sự kết luận như sau: Trong các dự định về nhiều vấn đề khác nhau, vấn đề học tập - nghề nghiệp được quan tâm hàng đầu. Nghiên cứu cũng chỉ ra mối quan hệ mật thiết giữa xu hướng hành động, các mức độ chuẩn bị cho kế hoạch tương lai và các dự định cụ thể [32, 15].

Ngoài ra còn có nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả khác theo hướng này như:

- Tác giả Phạm Mạnh Hà với nghiên cứu thực trạng chọn nghề của học sinh lớp 12 trường Trung học phổ thông Bát Xát, Lào Cai ” vào năm 2003.

- Tác giả Đào Thị Oanh, với đề tài “Nghiên cứu xu hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học” đăng trên Tạp chí Tâm lí học, số 7, năm 2004.

- Tác giả Nguyễn Công Khanh và Nguyễn Văn Lê với đề tài nghiên cứu “ Định hướng nghề nghiệp của học sinh lớp 12 trường Trung học phổ thông dưới ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường ” thực hiện vào năm 2004.

- Đề tài cấp nhà nước (năm 2003 - 2004) của Viện Khoa học Lao động và Xã hội: “Nghiên cứu thị trường lao động và định hướng nghề nghiệp của thanh niên Việt Nam hiện nay” do Tiến sĩ Nguyễn Hữu Dũng làm chủ nhiệm.

- Tác giả Trần Thị Dịu với luận văn nghiên cứu “Định hướng nghề nghiệp - Ảnh hưởng của gia đình, bạn bè và nhà trường đến học sinh khối 12” (Nghiên cứu trường hợp tại thành phố Hồ Chí Minh)...

Nhìn chung đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề định hướng nghề nghiệp trên thế giới và ở Việt Nam. Đây chính là nguồn tài liệu quí báu để người nghiên cứu tham khảo, kế thừa những thành quả của các tác giả đi trước khi xem xét về các vấn đề liên quan đến đề tài. Mặc dù đã có rất nhiều các đề tài về nhu cầu, động cơ, xu hướng chọn nghề, nhu cầu tham vấn hướng nghiệp, hay thực trạng chọn nghề, thực trạng tham vấn hướng nghiệp

nhưng hầu như chưa có nghiên cứu nào về kỹ năng định hướng nghề nghiệp. Hơn nữa, dựa vào kết quả của các nghiên cứu đi trước về vấn đề tự định hướng nghề nghiệp của thanh niên học sinh, người nghiên cứu nhận thấy đa phần học sinh Trung học phổ thông chọn nghề vẫn còn cảm tính, chọn theo số đông mà chưa có kỹ năng trong việc định hướng nghề nghiệp cho bản thân. Điều đó càng thúc đẩy người nghiên cứu thực hiện đề tài này.

1.2. Lý luận về kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông

1.2.1. Kỹ năng

1.2.1.1. Định nghĩa về kỹ năng

Có nhiều cách định nghĩa khác nhau về kỹ năng của các tác giả trong và ngoài nước. Ở đề tài này, người nghiên cứu tập trung vào hai quan điểm chính về kỹ năng:

a. Quan điểm thứ nhất coi kỹ năng là mặt kỹ thuật của thao tác, hành động, hoạt động.

- Từ điển Tâm lý học của Mỹ do tác giả J. P. Chaplin chủ biên (1968) định nghĩa kỹ năng là *"thực hiện một trật tự cho phép chủ thể tiến hành hành động một cách trôi chảy và đúng đắn"* [36, 24].

Từ định nghĩa này cho thấy tác giả nhìn nhận kỹ năng ở cả hai góc độ gồm thứ tự thực hiện hành động của một cá nhân và tính chất của những hành động đó.

- Từ điển Tâm lý học (1983) của Liên Xô (cũ) định nghĩa: *"Kỹ năng là giai đoạn của việc nắm vững một phương thức hành động mới - cái dựa trên một qui tắc (tri thức) nào đó và trên quá trình giải quyết một loạt các nhiệm vụ tương ứng với tri thức đó, nhưng còn chưa đạt đến mức độ kỹ xảo"* [36,

25].

Từ cách định nghĩa này có thể hiểu rằng, khi đề cập đến kỹ năng của một ai đó tức là xem xét người đó có biết rõ những cách hành động mới mà cơ sở của những cách này là sự ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn hay không.

- Tác giả V. A. Kruchetxki thì cho rằng: *"Kỹ năng là phương thức thực hiện hành động đã được con người nắm vững từ trước "*. [17, 21].

Định nghĩa của Kruchetxki xem xét kỹ năng của một cá nhân là cách làm đã được cá nhân đó biết rõ. Cũng có thể hiểu rằng, cách làm của một cá nhân nào đó được gọi là kỹ năng khi và chỉ khi được cá nhân đấy biết rõ.

- Tác giả Trần Trọng Thủy quan niệm rằng kỹ năng là *"mặt kỹ thuật của hành động, con người nắm được hành động tức là có kỹ thuật hành động, có kỹ năng"* [28, 15].

Kỹ thuật ở đây có thể hiểu một cách đơn giản là tổng thể những phương pháp, cách thức được một cá nhân sử dụng trong lĩnh vực hoạt động nào đó. Như vậy, quan điểm trên đã chỉ ra sự tương đồng giữa việc một cá nhân có kỹ năng và việc cá nhân ấy có cách thức làm gì đó. Cũng có thể hiểu khi một người biết làm điều gì ra sao tức là người ấy có kỹ năng.

- Tác giả Nguyễn Hữu Nghĩa, Triệu Xuân Quýnh, Bùi Ngọc Oánh cho rằng: *"Kỹ năng là những hành động được hình thành do sự bắt chước trên cơ sở của tri thức mà có, chúng đòi hỏi sự tham gia thường xuyên của ý thức, sự tập trung chú ý, cần tiêu tốn nhiều năng lượng cơ thể"* [12, 17].

Định nghĩa này đã cung cấp hiểu biết về nguồn gốc hình thành kỹ năng là tri thức. Bên cạnh đó, khi đề cập đến sự hình thành kỹ năng của một người thì phải lưu ý đến yêu cầu về sự hiện diện của ý thức, chú ý và sự hao phí sức lực.

Từ việc tìm hiểu các định nghĩa về kỹ năng theo quan điểm thứ nhất, người nghiên cứu nhận thấy có nét tương đồng trong cách xem xét của các

tác giả về kỹ năng, coi đó như là phương thức thực hiện hành động và dựa trên cơ sở tri thức mà chủ thể đã biết. Các quan niệm trên đã chú ý đến mặt kỹ thuật của kỹ năng, mô tả những kỹ năng đơn giản có thể quan sát được thông qua các thao tác cụ thể, được hình thành do sự bắt chước. Tuy nhiên, khi xem xét khi xem xét mối quan hệ giữa kỹ năng và năng lực theo hướng nghiên cứu này thì khó có thể lý giải sự hình thành năng lực. Bởi vì, nếu chỉ xem xét kỹ năng như mặt kỹ thuật của thao tác thì kỹ năng chưa thể hình thành nên năng lực.

b. Quan điểm thứ hai xem xét kỹ năng là một biểu hiện của năng lực của con người trong hoạt động.

Trong từ điển Tâm lí học của A. M. Colman, kỹ năng được hiểu là: *"Sự thông thạo, hiểu biết chuyên môn sâu, là khả năng đạt được thành tích cao trong một lĩnh vực nhất định; cụ thể là một cách thức thực hiện hành vi có sự phối hợp, có tổ chức, đạt được thông qua sự huấn luyện và thực hành"* [18, 25].

Định nghĩa trên đề cập đến kỹ năng như là sự tổng hợp hai khía cạnh trong khả năng của một cá nhân gồm nắm vững cơ sở lý thuyết của việc gì đó và hoàn thành tốt việc đó trong thực tế. Khi cụ thể hóa khả năng này thì có thể hiểu đây chính là phương pháp làm điều gì đó dựa trên sự huấn luyện và thực hành.

Các tác giả V. S. Cudin và A. G. Covaliop cho rằng: *"Kỹ năng là phương thức thực hiện hành động với mục đích và điều kiện hành động"*. Theo các tác giả, kết quả của hành động phải phụ thuộc vào yếu tố, trong đó quan trọng hơn cả là là năng lực của con người chứ không đơn giản là cứ nắm vững cách thức hành động thì đem lại kết quả tương ứng [17, 22].

Tác giả M. G. Iaroxevky đưa ra định nghĩa *"Kỹ năng là phương thức hành động dựa trên tổ hợp những tri thức và kỹ xảo. Kỹ năng hình thành*

bằng con đường luyện tập, tạo khả năng cho con người thực hiện hành động không chỉ trong điều kiện quen thuộc mà cả trong những điều kiện khác lạ" [19, 25].

Tác giả N. D. Levitov cho rằng: *"Kỹ năng là sự thực hiện có kết quả một động tác nào đó hay một hoạt động phức tạp hơn bằng cách lựa chọn và áp dụng những cách thức đúng đắn có chiếu cố đến những điều kiện nhất định"* [28, 16].

Tác giả Petrovsky xem kỹ năng như là các kỹ năng phức tạp có bản chất nhận thức và giải quyết vấn đề: *"Năng lực sử dụng các dữ kiện, các tri thức hay kinh nghiệm đã có, năng lực vận dụng chúng để phát hiện những thuộc tính bản chất của các sự vật và giải quyết thành công những nhiệm vụ lý luận hay thực hành xác định, được gọi là kỹ năng"* [13, 25].

Bằng sự tổng hợp các quan niệm về kỹ năng theo hướng thứ hai, người nghiên cứu nhận thấy cách xem xét của các tác giả trên có sự nhất trí trong việc cho rằng kỹ năng là khả năng đạt được thành tích khi giải quyết nhiệm vụ hay công việc. Kỹ năng cần dựa trên sự vận dụng tri thức, kinh nghiệm đã biết của chủ thể. Để có được kỹ năng, chủ thể cần có sự luyện tập trong thực tế. Tóm lại, những nghiên cứu theo hướng này xem xét kỹ năng như là sự kết hợp của tri thức, kinh nghiệm nhằm thực hiện một nhiệm vụ nào đó một cách có hiệu quả. Kỹ năng không chỉ là thao tác mà còn là biểu hiện của năng lực. Cách xem xét kỹ năng theo hướng này cũng đã giải thích được mối quan hệ giữa kỹ năng và năng lực của chủ thể, có chú ý đến vai trò của nhận thức và mục đích của hành động.

Kỹ năng định hướng nghề nghiệp là một kỹ năng phức tạp, đòi hỏi sự kết hợp của nhiều yếu tố, không chỉ đơn thuần bởi các thao tác. Người nghiên cứu nhận thấy cần có sự kết hợp trong việc xem xét khái niệm kỹ năng từ cả quan niệm thứ nhất và quan niệm thứ hai. Cũng từ sự phân tích và lập luận

bên trên, người nghiên cứu quan niệm:

Kỹ năng là khả năng vận dụng có hiệu quả những tri thức, kinh nghiệm trong quá trình chủ thể thực hiện một nhiệm vụ, công việc nào đó bằng cách thức đúng đắn nhằm đạt được kết quả mong đợi.

1.2.1.2. Đặc điểm của kỹ năng

Theo tác giả Hoàng Anh, kỹ năng *"vừa có tính ổn định, vừa có tính mềm dẻo, tính linh hoạt, sáng tạo vừa có tính mục đích"* [8, 29]. Trong phạm vi đề tài này, người nghiên cứu tán thành việc xem tính linh hoạt là một đặc điểm của kỹ năng như tác giả trên. Bên cạnh đó, dựa vào sự phân tích định nghĩa về kỹ năng ở phần trước, có thể rút ra ba đặc điểm sau của kỹ năng:

Một là, tính đúng đắn của kỹ năng, tức là chủ thể vận dụng tri thức và kinh nghiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ hay công việc nào đó phải đảm bảo các thao tác, hành động đơn giản hay phức tạp đều có sự chính xác. Để đạt được độ chính xác cao, chủ thể có thể đã mắc rất nhiều lỗi trong giai đoạn đầu. Tuy nhiên, sai phạm giảm dần theo quá trình luyện tập của chủ thể. Dần dần chủ thể sẽ rút được kinh nghiệm qua lần thực hiện kỹ năng trước, mắc ít hoặc rất ít lỗi sai trong những lần sau. Kỹ năng càng đạt tới mức độ hoàn hảo thì chủ thể càng gần như không mắc lỗi sai nào.

Hai là, tính linh hoạt của kỹ năng, tức là năng lực tâm lý mà chủ thể cố gắng thử nhiều cách khác nhau có thể để tổ chức và lập kế hoạch các bước trong tương lai của một vấn đề. Trong quá trình giải quyết vấn đề, chủ thể ít bị tác động về mặt cảm xúc, thích ứng nhanh, tốt với sự thay đổi điều kiện khác nhau. Tính linh hoạt càng cao thì chủ thể càng vận dụng sáng tạo những tri thức, kinh nghiệm sống vào thực tế hiệu quả. Qua việc rèn luyện tính linh hoạt của kỹ năng, chủ thể sẽ hình thành được khả năng phản ứng nhanh chóng trong việc nắm bắt cơ hội giải quyết vấn đề.

Ba là, tính thuần thục của kỹ năng, tức là chủ thể tiến hành nhuần nhuyễn các thao tác, hành động đơn thuần hay phức tạp mà không gặp phải sự lúng túng hay ngắt quãng. Để có được sự thuần thục này, chủ thể cần luyện tập nhiều lần. Thời gian đầu, các thao tác, hành động có thể vấp phải sự ngập ngừng, lúng túng, có nhiều động tác thừa. Dần dần, chủ thể mới có thể thực hiện nhiệm vụ, công việc một cách trôi chảy hơn, bỏ bớt thao tác thừa, thời gian thực hiện hành động được rút ngắn dần. Ngược lại, nếu thiếu đi tính thuần thục, thì các hành động, thao tác của chủ thể gặp gián đoạn, tốn nhiều thời gian để hoàn thành công việc, kết quả khó đạt như mong đợi.

1.2.1.3. Mức độ của kỹ năng

Trong từ điển rút gọn các khái niệm Tâm lí học của Nga và cũng là quan niệm của K. K. Platonov và G. G. Golubev, có năm mức độ hình thành kĩ năng như sau [13, 28]:

Bảng 1.1. Các mức độ kĩ năng theo quan điểm của K. K. Platonov và G. G. Golubev

Thứ tự	Các mức độ	Miêu tả
1	Mức độ 1	Có kĩ năng sơ đẳng, hành động được thực hiện theo cách thử và sai, dựa trên vốn hiểu biết và kinh nghiệm
2	Mức độ 2	Biết cách thực hiện hành động nhưng không đầy đủ
3	Mức độ 3	Có những kĩ năng chung nhưng còn mang tính chất rời rạc, riêng lẻ
4	Mức đô 4	Có những kĩ năng chuyên biệt để hành động
5	Mức độ 5	Vận dụng sáng tạo những kĩ năng trong các tình huống khác nhau

Theo quan điểm của V. B. Bexpalko, có 5 mức độ kĩ năng: từ những kĩ năng ban đầu đến những kĩ năng đạt mức độ hoàn hảo như sau:

Mức độ 1: Kĩ năng ban đầu

Người học đã có những kiến thức về nội dung một dạng kĩ năng nào đó, và trong những tình huống cụ thể khi cần thiết, sẽ có thể tái hiện thành những thao tác, hành động nhất định. Tuy nhiên, mức độ kĩ năng ban đầu này người học thường chỉ thực hiện yêu cầu của kĩ năng này dưới sự hướng dẫn của người dạy.

Mức độ 2: Kĩ năng thấp

Khác với mức độ 1, ở mức độ kĩ năng thấp, người học có thể tự thực hiện các thao tác, hành động cần thiết theo một trình tự đã biết. Song ở mức độ kĩ năng này, người học chỉ thực hiện được những thao tác, hành động trong những tình huống quen thuộc và chưa di chuyển được sang tình huống mới.

Mức độ 3: Kĩ năng trung bình

Người học tự thực hiện thành thạo các thao tác trong tình huống quen thuộc. Tuy vậy, việc di chuyển các kĩ năng sang tình huống mới còn hạn chế.

Mức độ 4: Kĩ năng nâng cao

Một sự khác biệt thể hiện ở mức độ cao là người học đã tự lựa chọn hệ thống các thao tác, các hành động cần thiết trong các tình huống khác nhau. Bên cạnh đó, người học đã biết di chuyển kĩ năng trong phạm vi nhất định.

Mức độ 5: Kĩ năng hoàn hảo

Đây là mức độ cao nhất của kĩ năng. Người học nắm được đầy đủ hệ thống các thao tác, hành động khác nhau, biết lựa chọn những thao tác, hành động cần thiết và ứng dụng chúng một cách thành thạo trong các tình huống khác nhau mà không gặp khó khăn gì [28, 19].

Dựa vào sự phân tích cách phân chia mức độ kỹ năng của các tác giả trên, người nghiên cứu chọn cách phân chia của tác giả V. B. Bexbalco làm nền

tảng cho việc xét mức độ kỹ năng trong đề tài này.

1.2.1.4. Quá trình hình thành kỹ năng

Tác giả M. G. Iarosevxki cho rằng: "Để có thể hoạt động hiệu quả, con người phải có kĩ năng và kĩ năng chỉ có thể phát triển thông qua thực tiễn hoạt động". Đồng ý với quan điểm này, nhà nghiên cứu người Đức W. Hussy khẳng định *"Kĩ năng được hình thành trong hoạt động và thông qua hoạt động" và tác giả Robert J. Sternberg (2003) ở Đại học Yale nhìn nhận: "Thực chất của sự hình thành kĩ năng là tạo điều kiện để chủ thể nắm vững một hệ thống phức tạp các bước, các thao tác và làm sáng tỏ những thông tin chứa đựng trong các tình huống, các nhiệm vụ và đối chiếu chúng với những hành động cụ thể"* [36, 28].

Theo từ điển Tâm lý học do tác giả Nguyễn Văn Lũy - Lê Quang Sơn (Chủ biên), *"điều kiện chung đảm bảo hiệu quả cao nhất của việc hình thành kỹ năng là: a/ sự lĩnh hội của người học các qui luật (qui định) đã được khái quát hóa, b/ mối quan hệ ngược trong quá trình giải quyết nhiệm vụ mới"* [34, 226].

Theo tác giả Vũ Dũng thì kỹ năng hình thành qua 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Người học cần làm quen với vận động và lần đầu lĩnh hội nó. Sự học vận động bắt đầu từ việc phát hiện các thành phần của vận động – tập hợp các thành tố của vận động, trình tự thực hiện và mối liên kết của chúng. Việc làm quen này diễn ra trên cơ sở người học được xem trình diễn lại, thuật lại, giảng bài và quan sát một cách trực quan quá trình thực hiện vận động. Pha tiếp theo của giai đoạn thứ nhất đòi hỏi nhiều nỗ lực. Người học phải lặp lại vận động nhiều lần để nắm được bức tranh bên trong của vận động. Đồng thời học bản mã hóa những tín hiệu từ các mệnh lệnh. Việc tích lũy "những từ điển chuyển mã" là một trong những sự kiện quan trọng nhất của giai đoạn

này. Cần phải lặp đi lặp lại nhiều lần để người học có thể tìm được "bảng mã" trong bất kì phương án nào của vận động, kể cả khi có sự lệch chuẩn.

Giai đoạn 2 – giai đoạn tự động hóa vận động: Ở đây các thành phần chủ đạo của vận động được giải phóng từng phần hoặc hoàn toàn khỏi sự quan đến nó, thoát khỏi sự kiểm soát của ý thức và sự "thoát khỏi" này có thể và cần có sự trợ giúp.

Giai đoạn 3: diễn ra sự "mài móng" kĩ năng nhờ quá trình ổn định hóa và tiêu chuẩn hóa. Trong quá trình ổn định hóa, kĩ năng đạt được tính bền vững và không bị phá hủy trong bất kì tình huống nào. Trong quá trình tiêu chuẩn hóa, kĩ năng dần được định khuôn nhờ lặp đi lặp lại vận động nhiều lần [42, 400 - 401].

Như vậy, các tác giả trên đây đều có điểm chung khi đề cập đến quá trình hình thành kỹ năng, cụ thể: con đường hình thành kỹ năng cũng chính là con đường hoạt động trong thực tiễn của chủ thể. Để hình thành nên kỹ năng chủ thể cần có sự cọ xát với thực tế để nắm vững hệ thống các thao tác, hành động, làm sáng tỏ thông tin liên quan đến nhiệm vụ hay công việc. Kỹ năng được hình thành và củng cố bằng sự luyện tập lặp đi lặp lại để chủ thể có được khả năng tự động hóa trong giải quyết vấn đề, thậm chí có sự linh động, mềm dẻo và thích nghi tốt ngay cả khi có sự thay đổi về điều kiện. Kỹ năng đã được hình thành và thường xuyên được củng cố có nghĩa là có sự bền vững và khó phá hủy.

1.2.2. Khái niệm định hướng nghề nghiệp

1.2.2.1. Định nghĩa về định hướng

Định hướng theo cách hiểu thông thường là sự lựa chọn, quyết định hướng đi, cách hành động sao cho phù hợp với bản thân và xã hội.

Theo từ điển Tâm lí học của Vũ Dũng (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam,

2008), định hướng là *"khuynh hướng của một hoạt động cụ thể, thể hiện sự am hiểu, thông thạo vấn đề và gắn liền với những kỹ năng nắm bắt, làm chủ trong một hoàn cảnh hay bối cảnh nào đó"* [42, 161].

Từ định nghĩa trên có thể thấy, tác giả Vũ Dũng xem xét định hướng cũng gắn liền với kỹ năng. Chủ thể có khuynh hướng hành động, giải quyết công việc ra sao còn tùy thuộc vào kỹ năng nắm bắt và giải quyết, làm chủ hoàn cảnh của chủ thể như thế nào.

Từ sự phân tích các định nghĩa trên, người nghiên cứu quan niệm về định hướng như sau:

Định hướng là khuynh hướng của hoạt động cụ thể, thể hiện tri thức, kinh nghiệm của chủ thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ hay công việc.

1.2.2.2. Định nghĩa về nghề nghiệp

Viện chủ nghĩa Xã hội khoa học cũng xác định: *"Nghề nghiệp là một lĩnh vực mà trong đó con người sử dụng sức lao động của mình để tạo ra những cái cần thiết cho xã hội, nhờ đó con người có thể thỏa mãn những nhu cầu cần thiết cho việc tồn tại và phát triển của mình"* [30, 21].

Theo quan điểm của Tâm lý học, nghề nghiệp là một lĩnh vực hoạt động lao động mà trong đó nhờ được đào tạo, con người có được những tri thức, những kỹ năng để làm ra các loại sản phẩm vật chất hay tinh thần nào đó, đáp ứng được những nhu cầu xã hội [29, 24].

Theo tác giả E. A. Klimov: *"Nghề là một lĩnh vực sử dụng sức lao động vật chất, tinh thần của con người một cách có giới hạn, cần thiết cho xã hội (do sự phân công lao động mà có), nó tạo ra khả năng cho con người sử dụng lao động của mình để thu lấy những phương tiện cần thiết cho việc tồn tại và phát triển"* [39, 12].

Ngoài những quan điểm trên, còn có những quan điểm xem xét nghề

nghiệp như là chuyên môn. Theo nhận định của Viện sĩ X. G. Xtrumilin: *"Chuyên môn là nghề hẹp, nhưng nó hoàn toàn qui định hình thức của một dạng hoạt động lao động và mang tên gọi đặc trưng trong nghề đó"* [40, 18].

Tóm lại, khi xem xét những định nghĩa trên, người nghiên cứu nhận thấy quan niệm của tác giả E. A. Climov có tính toàn diện hơn cả, bởi vì có sự bao hàm việc giải thích về nghề nghiệp, tiềm năng của nghề nghiệp trong việc mang lại cho con người khả năng sử dụng sức lao động đáp ứng nhu cầu của bản thân và xã hội, nguồn gốc hình thành nghề nghiệp và quan tâm đến tính có giới hạn trong việc con người cống hiến sức lao cho ngành nghề, tức là quan tâm đến phương diện sức khỏe thể chất và tinh thần của con người, lao động phải hợp lí, tránh lạm dụng sức lực.

Bên trên là những quan niệm của các tác giả khác nhau về nghề nghiệp. Người nghiên cứu nhận thấy cần có sự tiếp thu từ những cách xem xét về nghề nghiệp đi trước để đưa ra định nghĩa về nghề nghiệp phù hợp với đề tài. Do đó, người nghiên cứu quan niệm về nghề nghiệp như sau:

Nghề nghiệp là lĩnh vực sử dụng sức lao động thể chất và tinh thần của con người một cách có giới hạn theo sự phân công lao động của xã hội. Nghề nghiệp tạo cơ hội phát triển khả năng, tích lũy kinh nghiệm và đáp ứng nhu cầu tồn tại cho mỗi cá nhân và xã hội.

1.2.2.3. Định nghĩa về định hướng nghề nghiệp

Theo Từ điển Tâm lí học do tác giả Vũ Dũng chủ biên, khái niệm "định hướng nghề nghiệp" được hiểu là: "hệ thống những biện pháp tâm lí – giáo dục và y học hướng vào việc giúp cho thanh niên lựa chọn nghề phù hợp với nguyện vọng, niềm say mê, năng lực, khả năng rèn luyện của họ và tất nhiên là phù hợp với nhu cầu đòi hỏi của nền kinh tế quốc dân và toàn xã hội. Giáo dục định hướng nghề nghiệp một cách hệ thống là một phần không thể thiếu

được trong công tác giáo dục ở trường Đại học. Định hướng nghề nghiệp đòi hỏi:

1. Cung cấp kiến thức nghề nghiệp, thông tin các nghề.

2. Giáo dục nghề nghiệp, rèn luyện những phẩm chất nghề nghiệp quan trọng cho cá nhân (như khả năng làm việc, tinh thần trách nhiệm).

3. Tư vấn nghề nghiệp.

Người ta đã xác định hai hình thức định hướng nghề nghiệp:

- Thứ nhất, ở mức độ hẹp làm cho học sinh trong trường học hiểu rõ tất cả những đặc trưng của các nghề trong tương lai, chỉ cho các em thấy những cách thức làm quen với các nghề…

- Thứ hai, ở mức độ rộng giúp cho thanh niên – những người chưa lựa chọn được việc làm làm quen với thế giới việc làm" [42, 162 - 163].

Từ quan điểm của Vũ Dũng có thể thấy ông xem trọng vai trò của giáo dục trong việc giúp đỡ học sinh, sinh viên chọn nghề nghiệp phù hợp với cá nhân và cả nhu cầu xã hội. Theo tác giả này, cần phải có sự cung cấp thông tin về nghề nghiệp, có sự giáo dục để rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp và những tác động bên ngoài như tư vấn nghề nghiệp. Quan điểm trên cũng đã đề cập đến các hình thức định hướng nghề nghiệp cho thanh niên học sinh.

Theo từ điển Tâm lý học của nhóm tác giả Nguyễn Văn Lũy và Lê Quang Sơn (chủ biên), định hướng nghề nghiệp được hiểu là "hệ thống các biện pháp giúp thanh thiếu niên làm quen với thế giới nghề nghiệp. Định hướng nghề nghiệp tạo điều kiện cho việc chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực và thiên hướng cá nhân cũng như với những nhu cầu mà xã hội đặt ra cho con người. Định hướng nghề nghiệp bao gồm:

1. Tuyên truyền nghề - đảm bảo cung cấp cho thanh thiếu niên những thông tin về thế giới nghề nghiệp, những cơ sở dạy nghề, những khả năng thăng tiến trong nghề nghiệp.

2. Giáo dục nghề - hình thành ở thanh thiếu niên lòng yêu lao động, khả năng lao động, trách nhiệm, năng lực và thiên hướng nghề nghiệp.

3. Tư vấn nghề nghiệp cho học sinh và các bậc phụ huynh theo những vấn đề lựa chọn nghề, nơi làm việc, khả năng tiếp nhận sự đào tạo nghề.

4. Phát triển mặt nghề nghiệp của nhân cách và giúp đỡ cho sự thăng tiến nghề nghiệp bao gồm việc lựa chọn lại nghề nghiệp và đào tạo lại nghề nghiệp" [34, 112 - 113].

Quan điểm của nhóm tác giả trên cũng xem định hướng nghề nghiệp như là phương pháp hỗ trợ thanh niên lựa chọn nghề nghiệp. Các tác giả đã quan tâm đến cấu trúc của định hướng nghề nghiệp, ở đây có sự tương đồng với tác giả Vũ Dũng khi cho rằng cần có thông tin về nghề nghiệp, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, có quan tâm đến đặc điểm của cá nhân, cần có tư vấn hướng nghiệp nhưng có nét mới ở chỗ đề cập tới định hướng nghề nghiệp mang lại cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp.

Từ việc học hỏi và rút kinh nghiệm của các tác giả đi trước cũng như kết hợp với định nghĩa về "định hướng" và định nghĩa về "nghề nghiệp", người nghiên cứu quan niệm về "định hướng nghề nghiệp" trong đề tài này như sau:

Định hướng nghề nghiệp là khuynh hướng hoạt động của chủ thể trong việc tìm hiểu về bản thân; tìm hiểu về nghề nghiệp nhằm lựa chọn nghề nghiệp một cách phù hợp với bản thân và xã hội.

1.2.2.4. Đặc điểm của định hướng nghề nghiệp

Dựa vào định nghĩa về "định hướng nghề nghiệp", người nghiên cứu cho rằng định hướng nghề nghiệp có những đặc điểm chính như sau:

Thứ nhất, định hướng nghề nghiệp phải đảm bảo cung cấp hệ thống thông tin đa diện về con người, thế giới nghề nghiệp và nhu cầu của xã hội đối với nghề nghiệp. Hệ thống thông tin được mỗi cá nhân lĩnh hội thông qua việc tự tìm hiểu của bản thân và hoạt động tư vấn hướng nghiệp, giáo dục phẩm chất

nghề nghiệp từ phía nhà trường và các tổ chức có chuyên môn về hướng nghiệp.

Thứ hai, định hướng nghề nghiệp có mục đích chính là hướng vào việc lựa chọn nghề nghiệp một cách phù hợp. Điều này có nghĩa là việc tìm hiểu các thông tin liên quan đến bản thân chủ thể, thông tin về nghề nghiệp và nhu cầu của xã hội, công tác tư vấn hướng nghiệp và hoạt động giáo dục phẩm chất nghề nghiệp.... nhằm hỗ trợ các cá nhân có những tri thức cần thiết và dựa trên nền tảng đó để đưa ra quyết định đúng đắn trong việc chọn lựa nghề nghiệp sao cho phù hợp với đặc điểm tâm lý của bản thân và thỏa mãn nhu cầu xã hội đặt ra.

1.2.3. Khái niệm học sinh Trung học phổ thông

1.2.3.1. Định nghĩa về học sinh Trung học phổ thông

Học sinh Trung học phổ thông là những người ở độ tuổi đầu thanh niên (từ 15 đến 18 tuổi), do đó họ còn được gọi là những người thuộc giai đoạn lứa tuổi thanh niên học sinh, tham gia hoạt động học tập tại trường Trung học phổ thông. Học sinh Trung học phổ thông là những người đạt dự trưởng thành về mặt cơ thể nhưng chưa đạt sự trưởng thành về mặt xã hội [21, 86].

1.2.3.2. Một vài đặc điểm cơ bản của học sinh Trung học phổ thông

a. Một vài đặc điểm sinh lý

Lứa tuổi học sinh Trung học phổ thông là thời kỳ đạt được sự trưởng thành về mặt phát triển thể chất cả về phương diện cấu tạo lẫn chức năng:

- Nhịp độ tăng trưởng về chiều cao và cân nặng đã chậm lại.

- Các yếu tố thể lực khác như sức mạnh, sức bền, sự dẻo dai,...được tăng cường

- Hệ tuần hoàn của tuổi này hoạt động bình thường. Sự phát triển của tim

và mạch máu bình thường làm cho sức chịu đựng của các em kéo dài hơn, sự tập trung của các em tốt hơn.

- Sự phát triển của hệ thần kinh có những thay đổi quan trọng do cấu trúc bên trong của não phức tạp và các chức năng não phát triển. Cấu trúc của tế bào bán cầu đại não có những cấu trúc như tế bào não của người lớn. Số lượng dây thần kinh liên hợp tăng lên, liên kết các phần khác nhau của vỏ đại não lại, điều đó tạo tiền đề cho sự phức tạp hóa hoạt động phân tích, tổng hợp....của vỏ bán cầu đại não trong quá trình học tập.

- Đây là thời kỳ trưởng thành về giới tính, đa số các em đã vượt qua thời kỳ phát dục, những khủng hoảng tuổi dậy thì chấm dứt để chuyển sang thời kỳ ổn định hơn, cân bằng hơn, xét cả trên các mặt hoạt động hưng phấn, ức chế của hệ thần kinh cũng như các mặt phát triển khác của cơ thể về thể chất [15, 34 - 35].

b. Một vài đặc điểm tâm lý

- Hoạt động nhận thức

+ Có thể nói rằng tuổi thanh niên học sinh có trí tuệ linh hoạt, có óc nhạy bén, có khả năng lập luận logic, có ngôn ngữ khá mạch lạc, rõ ràng, đủ sức diễn đạt một cách chính xác, gợi cảm tư tưởng của mình.

+ Lứa tuổi thanh niên học sinh có khuynh hướng đi sâu vào bản chất của sự vật hiện tượng. Tư duy phát triển tích cực và độc lập, đặc biệt tư duy trừu tượng phát triển mạnh mẽ. Nhờ vậy trình độ nhận thức có sự biến đổi lớn về số lượng và chất lượng.

+ Thanh niên bắt đầu có sự vận dụng những phẩm chất trí tuệ của mình vào những lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là những công việc mới mẻ [15, 36].

- Đời sống xúc cảm, tình cảm

+ Đời sống xúc cảm, tình cảm ở lứa tuổi này rất phong phú và đa

dạng. Xúc cảm của thanh niên học sinh có tính ổn định, những nguyên nhân làm cho xúc cảm của lứa tuổi này có tính ổn định là: có nhận thức được những nguyên nhân gây nên xúc cảm của mình, có thể hiểu được tác động của cuộc sống có ý nghĩa gì đối với nhu cầu của bản thân và có thể làm chủ được cảm xúc. Ngay cả trong những tình huống có thể làm mất bình tĩnh như sự thất bại trong học tập, mâu thuẫn với bạn bè, mâu thuẫn với cha mẹ hay bị người khác làm tổn thương,...học sinh Trung học phổ thông cũng có thể làm chủ được mình và làm chủ được tình huống.

+ Thanh niên học sinh có tình cảm đặc biệt với cha mẹ và những người thân trong gia đình của mình. Sự phát triển khả năng nhận thức về vị trí và vai trò của từng thành viên trong gia đình, sự mở rộng quyền hạn và vai trò người lớn, sự mở rộng phạm vi giao tiếp ra ngoài xã hội có ảnh hưởng đến tình cảm của học sinh Trung học phổ thông đối với gia đình.

+ Học sinh Trung học phổ thông có nhu cầu kết bạn thân tình. Phẩm chất quan trọng hàng đầu cần có của một người bạn ở tuổi này là: chân thành, tôn trọng lẫn nhau và biết chia sẻ. Ở tuổi này, học sinh Trung học phổ thông phải đối diện với nhiều vấn đề như: thành công trong học tập, xây dựng tình cảm và nhân cách của mình, thể hiện bản thân, giúp đỡ người thân trong gia đình, tìm hiểu ý nghĩa của cuộc sống. Để đạt được những điều đó, họ cần có người bạn thân để cùng trao đổi. Tình bạn của thanh niên học sinh khá bền vững và có thể kéo dài rất lâu.

+ Cùng với sự phát triển cơ thể của thanh niên học sinh gần đạt đến mức hoàn thiện như người lớn, sự mở rộng phạm vi giao tiếp ra xã hội, sự gia tăng tính độc lập và tính người lớn trong quan hệ với cha mẹ và thầy cô giáo, ý thức về sự trưởng thành của bản thân là những nguyên nhân chính làm xuất hiện nhu cầu yêu đương ở tuổi thanh niên học sinh. Tình cảm yêu đương thường xuất phát từ tình bạn khác giới. Các yếu tố thúc đẩy tình yêu của học

sinh Trung học phổ thông xuất hiện là: sự gặp nhau trong tìm kiếm về ngoại hình, sự ngưỡng mộ tài năng, sự rung động trước những hành vi và cử chỉ hay cách nói đáng yêu trong giao tiếp, những phẩm chất đáng quí của bạn khác giới [21, 104 - 107].

c. Hoạt động học tập - hướng nghiệp của học sinh Trung học phổ thông

So với lứa tuổi học sinh Trung học cơ sở thì lứa tuổi học sinh Trung học phổ thông có sự khác biệt nhiều về tính chất và nội dung của hoạt động học tập. Hoạt động học tập ở lứa tuổi này yêu cầu tính năng động, độc lập, đòi hỏi khả năng nhận thức cao, tư duy lý luận sắc bén, suy đoán logic, sự phát triển của khả năng trừu tượng hóa, khái quát hóa...

Bên cạnh hoạt động học tập, ở lứa tuổi học sinh Trung học phổ thông còn xuất hiện hoạt động liên quan đến việc chọn nghề. So với học sinh Trung học cơ sở, học sinh Trung học phổ thông đứng trước thúc bách đối với việc chọn nghề.

Hoạt động học tập, hướng nghiệp chi phối mạnh mẽ sự hình thành và phát triển nhân cách của thanh niên học sinh, hình thành và phát triển xu hướng nghề nghiệp của các em. Xu hướng nghề nghiệp của thanh niên học sinh bộc lộ qua hứng thú nghề nghiệp và việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai.

Chọn nghề là một nét tâm lý đặc trưng của tuổi thanh niên học sinh. Nó có tác dụng thúc đẩy thanh niên học sinh nỗ lực học tập, tìm kiếm những phương pháp rèn luyện bản thân để thực hiện được mục tiêu nghề nghiệp của mình. Thanh niên học sinh thường quan tâm đến những vấn đề như: công việc của bản thân trong tương lai, nghề nghiệp phù hợp với mình, sự thành công của bản thân trong nghề nghiệp; so sánh các phẩm chất và yêu cầu của mình với những tính chất và yêu cầu của công việc mình quan tâm. Thanh niên học sinh chủ động tìm hiểu thông tin về nghề nghiệp bằng nhiều cách: trao đổi với người thân, tìm hiểu thông qua các phương tiện truyền thông,

tham gia các ngày hội hướng nghiệp [21, 97].

1.2.4. Kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông

1.2.4.1. Định nghĩa kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông

Dựa trên sự kết hợp định nghĩa "định hướng nghề nghiệp" và định nghĩa "kỹ năng" người nghiên cứu xây dựng nên định nghĩa "kỹ năng định hướng nghề nghiệp" như sau:

Kỹ năng định hướng nghề nghiệp là khả năng vận dụng có hiệu quả những tri thức, kinh nghiệm có được vào việc tìm hiểu về bản thân, tìm hiểu về nghề nghiệp nhằm lựa chọn nghề nghiệp một cách phù hợp với bản thân và xã hội.

Như vậy, khi kết hợp định nghĩa "kỹ năng định hướng nghề nghiệp" với định nghĩa "học sinh Trung học học phổ thông", người nghiên cứu có định nghĩa "kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông" như sau:

Kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông là khả năng vận dụng có hiệu quả những tri thức, kinh nghiệm có được vào việc tìm hiểu về bản thân, tìm hiểu về nghề nghiệp nhằm lựa chọn nghề nghiệp một cách phù hợp với bản thân và xã hội của học sinh Trung học phổ thông.

Như vậy, xét theo chức năng, người nghiên cứu chia cấu trúc của kỹ năng định hướng nghề nghiệp thành 3 chức năng chính đó là tìm hiểu bản thân, tìm hiểu nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp. Để thực hiện được 3 chức năng này, học sinh THPT cần có những kỹ năng tương ứng bao gồm kỹ năng tìm hiểu bản thân, kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp, kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp.

1.2.4.2. Biểu hiện kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông

Theo lập luận bên trên, để hoàn thành 3 chức năng tìm hiểu bản thân, tìm hiểu nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp, học sinh THPT cần có 3 kỹ năng: kỹ năng tìm hiểu bản thân, kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp và kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp. Như vậy, có thể hiểu rằng, kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT biểu hiện qua 3 kỹ năng thành phần, đó là: kỹ năng tìm hiểu bản thân, kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp và kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp.

a. Kỹ năng tìm hiểu bản thân của học sinh Trung học phổ thông

Khi muốn tìm hiểu về bản thân, học sinh THPT cần biết được các phương pháp tìm hiểu và biết cần tìm hiểu gì - tức là biết các đặc điểm về bản thân. Như vậy, ***kỹ năng tìm hiểu bản thân của học sinh THPT là khả năng vận dụng các phương pháp tìm hiểu để nắm bắt các đặc điểm về bản thân của học sinh Trung học phổ thông.***

Về phương pháp tìm hiểu:

Ở đề tài này, người nghiên cứu lý luận về phương pháp tìm hiểu dựa trên cơ sở tính khả thi của các phương pháp. Trong đó, người nghiên cứu quan niệm rằng tính khả thi là tính chất có thể thực hiện được trong thực tế của các phương pháp. Các phương pháp tìm hiểu bản thân bao gồm:

Phương pháp 1: Lắng nghe và suy ngẫm ý kiến nhận xét của người xung quanh

Cách tiến hành:

Học sinh THPT lắng nghe phản hồi của người xung quanh về những đặc điểm của bản thân mình (cách nói năng, làm việc hằng ngày của mình, mình có thể làm tốt những gì...)

Học sinh THPT suy ngẫm lại xem người xung quanh phản ánh như vậy có thực sự hợp lý không.

Ý nghĩa:

Phương pháp này tạo cơ hội cho học sinh THPT tiếp thu ý kiến đóng góp từ bên ngoài, từ đó nhận ra những điều về bản thân mà có thể tự mình chưa phát hiện được.

Khó khăn:

Trong quá trình tiếp nhận ý kiến của người khác, có thể có những điều làm học sinh THPT cảm thấy khó chịu.

Không hẳn ai cũng đưa ra ý kiến nhận xét trung thực, mang tính hỗ trợ người khác hiểu rõ và hoàn thiện bản thân, do đó học sinh THPT có thể hiểu sai hoặc bị ảnh hưởng tiêu cực từ ý kiến của người khác.

Phương pháp 2: Phương pháp phân tích SWOT

Cách tiến hành: Học sinh THPT trả lời các câu hỏi về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức như sau:

Về điểm mạnh:

Mình có lợi thế gì? Mình có thể làm tốt hơn người khác điều gì? Cái gì khiến cho mình trở nên đặc biệt nhất? Người xung quanh thấy mình có điểm mạnh gì?

Về điểm yếu:

Điều gì ở bản thân khiến mình cảm thấy cần phải cải thiện? Mình nên tránh những vấn đề nào? Có điều gì mà dường như mọi người cho rằng đó là thế yếu của mình?

Tóm lại, khi đánh giá về điểm mạnh và điểm yếu thì phải xem xét trên hai phương diện gồm tự đánh giá của bản thân và đánh giá khách quan từ người khác.

Về cơ hội:

Đâu là những cơ hội tốt mà mình có thể nắm bắt? Liệu rằng nếu loại bỏ những điểm yếu của bản thân thì mình có thể có thêm nhiều cơ hội mới

không?

Về thách thức:

Những điều đang gây cản trở cho mình? Phải chăng một vài điểm yếu của mình đang đe dọa gây hậu quả nghiêm trọng cho cuộc sống của mình trong tương lai ? Những điều gì mình cần tiến hành ngay để "thu gọn" thách thức?

Ý nghĩa:

Phương pháp này giúp học sinh THPT phát hiện ra những nội dung cơ bản làm nền tảng cho việc phát triển bản thân.

Khó khăn:

Có thể có những điểm mạnh và điểm yếu chưa được tìm ra khiến cho việc xác định cơ hội và thách thức bị ảnh hưởng.

Phương pháp 3: Ghi nhật ký

Ghi nhật ký là một việc làm hết sức quen thuộc hằng ngày của con người. Có nhiều hình thức ghi nhật ký khác nhau như nhật ký công việc của tập thể nào đó, nhật ký thực tập của sinh viên, nhật ký tâm sự cá nhân, nhật ký môn học của học sinh Tiểu học, blog... Mỗi hình thức nhật ký đều có ý nghĩa riêng đối với người viết. Như vậy để tìm hiểu bản thân, học sinh THPT có thể ứng dụng việc ghi nhật ký tâm sự cá nhân để khám phá chính mình.

Cách tiến hành:

Học sinh THPT tự do ghi nhật ký cá nhân về những sự việc, hiện tượng đã xảy ra, cảm xúc của bản thân đối với lời nói và hành động của mọi người xung quanh, cách mọi người phản ứng lại với lối cư xử của mình, nguyên nhân dẫn đến cách cư xử của mình, những công việc nào trong ngày khiến mình thấy thích thú, dễ chịu, những việc nào gây căng thẳng, khiến mình khó chịu, không thể làm tốt, tuýp người mà mình yêu quí và ngược lại.

Học sinh THPT đọc lại nhật ký sau một khoảng thời gian nhất định để nhận ra cách mà mình thường phản ứng với vấn đề xung quanh, hứng thú của

mình thường hướng đến đối tượng nào, những việc nào mình thường nhận được lời khen ngợi hay chê trách.

Ý nghĩa:

Phương pháp này giúp học sinh THPT giải toả căng thẳng.

Lưu giữ được những mốc quan trọng trong cuộc sống để từ từ suy ngẫm và nhận ra sự thay đổi, trưởng thành của bản thân.

Khó khăn:

Chương trình học ở trường phổ thông tương đối nặng nên học sinh ít có thời gian để viết, đọc lại và suy ngẫm nhiều.

Phương pháp 4: Làm trắc nghiệm tâm lý về tính cách, năng lực, sở thích

Cách tiến hành:

Học sinh THPT tìm kiếm cách bài trắc nghiệm tâm lý về tính cách, năng lực, sở thích.

Học sinh THPT làm trắc nghiệm một cách trung thực.

Học sinh THPT kiểm tra đáp án để biết đặc điểm của bản thân.

Ý nghĩa:

Dựa vào kết quả trắc nghiệm, một số đặc điểm hay phẩm chất tâm lý của học sinh được bộc lộ và nhờ đó học sinh hiểu hơn về bản thân mình.

Học sinh có thể phát hiện ra khả năng tiềm ẩn nào đó mà mình chưa từng biết.

Khó khăn:

Học sinh có thể chưa tìm được đúng bài trắc nghiệm có tính tin cậy.

Học sinh chưa nhận được sự huấn luyện về những đặc điểm cơ bản trong lý thuyết Tâm lý học.

Học sinh có thể vô tình chọn phải bài trắc nghiệm chưa đúng độ tuổi làm cho kết quả phản ánh thiếu chính xác đối với nội dung cần đo.

Phương pháp 5: Thử trải nghiệm trong các môi trường khác nhau

Cách tiến hành:

Học sinh THPT lựa chọn môi trường mới sẽ tham gia trải nghiệm. Môi trường mới có thể là lớp học bộ môn văn hóa, ngoại ngữ, thể thao, nghệ thuật (vẽ tranh, đàn, hát, múa, nặn đất sét...), câu lạc bộ với chủ đề sinh hoạt thú vị nào đó tham gia những chuyến du lịch, gặp gỡ và kết bạn với người khác...

Học sinh tham gia tích cực vào những môi trường mà mình đã lựa chọn.

Học sinh lưu ý tới những điều khiến mình cảm thấy thú vị khi tham gia hoạt động, những điều mình có thể làm tốt hơn những người xung quanh, điều làm mình khó chịu ở môi trường mới, kiểu người mình dễ dàng kết bạn, mình thua kém gì so với người xung quanh khi cùng làm chung một hoạt động nào đó...

Sau khi kết thúc quá trình trải nghiệm, học sinh rút ra nhận xét về những điều khiến mình hài lòng và ngược lại.

Ý nghĩa:

Giúp học sinh có thêm nhiều trải nghiệm mới, làm dày thêm kinh nghiệm sống.

Học sinh hiểu được mình phù hợp với môi trường như thế nào sau quá trình trải nghiệm.

Khó khăn:

Học sinh có thể gặp khó khăn về mặt tài chính đề tham gia vào các lớp học mới hay chuyến du lịch - nếu chọn đây là môi trường trải nghiệm.

Hòa nhập vào môi trường mới tức là phải đối diện với những vấn đề mới cần phải giải quyết mà học sinh chưa có kinh nghiệm nên dễ gặp lúng túng, băn khoăn.

Phương pháp 6: Sinh trắc, khám sức khỏe

Cách tiến hành:

Học sinh THPT tham gia vào những đợt khám sức khỏe định kỳ hoặc

kiểm tra kết quả dấu vân tay của bản thân ở những cơ sở đáng tin cậy.

Học sinh ghi chú lại kết quả kiểm tra sức khỏe, kết quả phân tích dấu vân tay của mình để làm tư liệu cho bản thân.

Ý nghĩa: Giúp học sinh phát hiện những năng lực tiềm ẩn, tính cách; tình trạng sức khỏe thể chất lẫn tinh thần.

Khó khăn: học sinh ít có điều kiện tham gia khám sức khỏe, phân tích dấu vân tay.

Nội dung các đặc điểm về bản thân:

Nội dung các đặc điểm về bản thân được lý luận dựa theo cấu trúc nhân cách và một số yếu tố khác như sau:

- Xu hướng: là hệ thống những thúc đẩy qui định tính lựa chọn của các thái độ và tính tích cực của hoạt động cá nhân. Xu hướng được biểu hiện ở các mặt chủ yếu: nhu cầu, hứng thú, lý tưởng, thế giới quan và niềm tin. Cụ thể:

+ Nhu cầu: là những đòi hỏi tất yếu mà con người thấy cần được thỏa mãn để tồn tại và phát triển. Chủ thể cần xác định các nhu cầu liên quan đến nghề nghiệp của bản thân như nhu cầu tự khẳng định, nhu cầu lao động, nhu cầu giao tiếp, nhu cầu tạo nguồn thu nhập...

+ Hứng thú là thái độ đặc biệt của cá nhân với những đối tượng nào đó vừa có ý nghĩa trong đời sống vừa mang lại khoái cảm cho cá nhân trong hoạt động. Hứng thú kích thích hoạt động, khả năng sáng tạo ở mỗi người. Như vậy, có thể thấy hứng thú nghề nghiệp của chủ thể được biểu hiện qua thái độ với một số nghề xác định, mong muốn làm quen, tìm hiểu nghề nào đó, quan tâm tới môi trường làm việc ra sao, tìm kiếm những niềm vui trong nghề nghiệp...

+ Lý tưởng là mục tiêu cao đẹp, một hình ảnh mẫu mực tương đối hoàn chỉnh có sức lôi cuốn con người vào hoạt động trong một thời gian dài

để vươn tới nó.

+ Thế giới quan là hệ thống các quan điểm về tự nhiên, về xã hội và bản thân được hình thành ở mỗi người và xác định phương châm hành động của họ.

+ Niềm tin là một phẩm chất của thế giới quan, là sự kết tinh các quan điểm, tri thức, rung cảm, ý chí đã được con người trải nghiệm trong hoạt động sống của mình, trở thành chân lý bền vững trong họ [14, 195 - 200].

- Tính cách: là sự kết hợp độc đáo các đặc điểm tâm lý ổn định của con người, qui định phương thức hành vi đặc thù của con người trong đó có những điều kiện sống và hoàn cảnh nhất định, thể hiện thái độ của họ đối với thế giới xung quan và bản thân.

- Khí chất: là thuộc tính phức hợp của cá nhân, biểu hiện cường độ, tốc độ, nhịp độ của các hoạt động tâm lý, thể hiện sắc thái hành vi, cử chỉ, cách nói năng của cá nhân [14, 204].

- Năng lực: là tổ hợp những thuộc tính tâm lý độc đáo của cá nhân đáp ứng yêu cầu đặc trưng của hoạt động và đảm bảo cho hoạt động ấy đạt kết quả [14, 207].

Tóm lại, người nghiên cứu chỉ tập trung vào những nội dung như nhu cầu, hứng thú, ước mơ, tính cách, khí chất, năng lực. Cụ thể, trong đề tài này, các khái niệm trên được quan niệm như sau:

- Nhu cầu: là những điều quan trọng không thể thiếu trong cuộc sống của học sinh THPT.

- Hứng thú: là những điều khiến cho học sinh THPT thích thú, muốn làm.

- Ước mơ: là mong muốn nghề nghiệp tương lai hoặc điều tốt đẹp, mang lại niềm vui cho học sinh THPT.

- Tính cách: được nhìn nhận dưới góc độ những nét tính cách tốt và xấu của học sinh THPT.

- Khí chất: là phong thái nói năng, làm việc của học sinh THPT.

- Năng lực: được nhìn nhận qua 2 khía cạnh sở trường - những gì học sinh THPT làm và đạt kết quả cao hơn người khác và sở đoản - những gì học sinh THPT làm và đạt kết quả không cao bằng người khác hoặc kết quả kém.

- Yếu tố khác:

+ Ngoại hình trong đề tài này được hiểu là những đường nét, hình dáng bề ngoài của học sinh THPT (những ưu điểm, nhược điểm).

+ Tình trạng sức khỏe trong đề tài này bao gồm cả đặc điểm về thể lực và hệ thần kinh.

+ Điều kiện kinh tế được xem như mức sống vật chất cao hay thấp, có đủ chi trả cho nhu cầu sinh hoạt, học hành hay không.

b. Kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông

Khi muốn tìm hiểu về nghề nghiệp, học sinh THPT cần biết được các phương pháp tìm hiểu và biết cần tìm hiểu gì - tức là biết các đặc điểm về nghề nghiệp. Như vậy, ***kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp của học sinh Tung học phổ thông là khả năng vận dụng các phương pháp tìm hiểu để nắm bắt các đặc điểm về nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông.***

Về phương pháp tìm hiểu:

Ở đề tài này, người nghiên cứu lý luận về phương pháp tìm hiểu cũng dựa trên cơ sở tính khả thi của các phương pháp. Các phương pháp tìm hiểu nghề nghiệp bao gồm:

Phương pháp 1: Hỏi thăm người xung quanh về nghề nghiệp

Cách tiến hành:

Học sinh THPT liệt kê danh sách những người mình có thể hỏi thăm về nghề nghiệp. Những người này có thể là ông bà, cha mẹ, hàng xóm, bạn bè hoặc chính những người lao động đang làm trong nghề nào đó mà học sinh quan tâm.

Học sinh hỏi thăm những nội dung liên quan đến nghề nghiệp như danh sách các trường đào tạo nghề, phương pháp đào tạo, môi trường làm việc của nghề, yêu cầu của nghề như năng lực, tính cách, mức lương có thể nhận....

Học sinh THPT ghi chú lại những điều đã hỏi thăm được từ mọi người xung quanh. So sánh xem thông tin giữa những người khác nhau cung cấp tương đồng hay khác biệt.

Ý nghĩa: Phương pháp này giúp học sinh THPT được lắng nghe và tiếp nhận nhiều thông tin phong phú từ nhiều đối tượng khác nhau, từ đó có thể so sánh tính chính xác của thông tin.

Khó khăn: Có thể trong quá trình tìm hiểu nghề nghiệp, học sinh THPT gặp và hỏi những người không muốn chia sẻ thông tin, điều này dẫn đến lượng thông tin bị hạn chế hoặc thông tin đã bị người cung cấp cố tình "bóp méo" khiến tính chính xác không đảm bảo.

Phương pháp 2: Tham quan, quan sát những người lao động trong môi trường làm việc của họ

Cách tiến hành:

Học sinh THPT lựa chọn môi trường lao động mình muốn quan sát và có khả năng được cho phép quan sát.

Học sinh THPT quan sát và ghi chú những công việc người lao động làm, giờ giấc, những khó khăn của họ khi làm việc (nếu có).

Ý nghĩa: Phương pháp giúp học sinh THPT có sự quan sát và ghi nhận thông tin một cách trực tiếp, thông tin phản ánh trung thực những gì mà học sinh nhìn thấy.

Khó khăn: Không phải nghề nghiệp nào cũng dễ dàng để quan sát. Đôi khi học sinh THPT cần phải được người lao động, lãnh đạo cơ sở cho phép mới có thể tiến hành tham quan, quan sát.

Phương pháp 3: Lắng nghe ý kiến chuyên gia trong các hội thảo, ngày hội

việc làm tại các câu lạc bộ, nhà văn hóa

Cách tiến hành:

Học sinh THPT tìm kiếm thông tin và thời gian mà các hội thảo, ngày hội việc làm tại các câu lạc bộ, nhà văn hóa sẽ diễn ra.

Học sinh THPT đăng ký và tham gia hội thảo hoặc ngày hội việc làm.

Học sinh THPT lắng nghe và ghi chú những thông tin về nghề nghiệp mình cảm thấy hữu ích để làm tư liệu riêng cho bản thân.

Ý nghĩa:

Phương pháp này giúp học sinh THPT có cơ hội gặp gỡ, trao đổi trực tiếp với những nhà chuyên môn, đại diện của các trung tâm, tập đoàn, cơ sở lao động về thông tin nghề nghiệp.

Khó khăn:

Không phải lúc nào cũng có hội thảo nghề nghiệp hay ngày hội việc làm để học sinh THPT có thể đăng ký tham gia.

Điều kiện về mặt khoảng cách địa lý xa xôi hoặc chi phí tham gia hội thảo cao cũng là khó khăn khi học sinh THPT lựa chọn phương pháp này để tìm hiểu nghề.

Phương pháp 4: Tham khảo sách, báo; truy cập trang web viết về các nghề nghiệp

Cách tiến hành:

Học sinh THPT tìm các sách báo, trang web mà mình có thể tham khảo thông tin về nghề nghiệp.

Học sinh THPT tìm hiểu và ghi chú những nghề nghiệp và thông tin liên quan mà mình cho là hữu ích, thú vị với bản thân.

Học sinh THPT làm việc này thường xuyên để biết được những thay đổi, cập nhật mới nhất về nghề nghiệp.

Ý nghĩa:

Phương pháp này khuyến khích tính chủ động của học sinh THPT trong việc tìm hiểu nghề nghiệp.

Học sinh THPT có cơ hội tìm hiểu thông tin về rất nhiều nghề - không bị giới hạn về nội dung tìm hiểu.

Khó khăn:

Nhiều thông tin thiếu chính xác được đăng lên Internet khiến học sinh khó phân biệt được nguồn thông tin nào đáng tin cậy.

Tốn thời gian vì học sinh phải tự đọc tất cả để tìm hiểu.

Nội dung các đặc điểm về nghề nghiệp:

Hiện nay trên thế giới và cả ở Việt Nam có rất nhiều nghề nghiệp. Để tìm hiểu về nghề nghiệp là điều không dễ dàng. Học sinh THPT cần phải biết mình nên tìm hiểu những gì về nghề nghiệp để không vướng vào tình trạng bối rối, không xác định được mình đang tìm kiếm gì, những điều mình tìm hiểu đã đủ hay chưa. Ở đề tài này, người nghiên cứu lý luận về nội dung tìm hiểu dựa theo các vấn đề liên quan đến ngành nghề bao gồm:

- Mô tả về nghề nghiệp
    + Khó khăn trong nghề
    + Phẩm chất cần có của người lao động
    + Năng lực chuyên môn để phục vụ cho nghề
    + Công việc phải thực hiện hằng ngày của nghề nào đó
    + Đặc điểm môi trường làm việc của nghề
    + Nơi có thể xin việc sau khi ra trường
    + Điều kiện hành nghề: Học sinh THPT cần tìm hiểu xem với nghề nghiệp nào đó mình quan tâm thì những kiến thức, bằng cấp nào mình cần bổ sung để xin việc dễ dàng hơn và hỗ trợ cho mình trong quá trình làm việc sau này. Những điều có thể bổ trợ cho nghề nghiệp có thể kể đến là ngoại ngữ, văn bằng Tin học,...

- Danh sách các trường đào tạo nghề

Trong thực tế có rất nhiều trường/ cơ sở đào tạo nghề. Học sinh THPT nên nắm rõ các trường có đào tạo nghề mình quan tâm để từ đó có thể lựa chọn trường/ cơ sở đào tạo nghề nào phù hợp nhất.

- Mục tiêu đào tạo của trường/ cơ sở nghề về nghề nghiệp nào đó

Học sinh THPT phải trả lời được những câu hỏi sau về mục tiêu đào tạo của trường đối với nghề nghiệp họ quan tâm, cụ thể:

+ Mục tiêu đào tạo của trường hoặc cơ sở đào tạo nghề mà mình chọn là gì?

+ Sau khi ra trường mình cần hoàn thành những mục tiêu gì ?

- Phương pháp đào tạo của trường/ cơ sở nghề

Học sinh THPT cần nắm được những phương pháp đào tạo của các trường hoặc cơ sở đào tạo hiện nay đang áp dụng, cụ thể:

+ Phương pháp đào tạo nào tại trường đại học cao đẳng...:

*Đào tạo theo tín chỉ

* Đào tạo theo niên chế

* Đào tạo theo phương thức từ xa (người học tham gia các lớp học trực tuyến, tự học qua giáo trình, CD và VCD, internet... Trong chương trình này người học và người dạy không gặp nhau tại giảng đường mà người học tự sắp xếp thời gian học cho mình)...

+ Phương pháp đào tạo tại các cơ sở dạy nghề:

* Đào tạo kiểu chỉ dẫn (đào tạo trực tiếp tại nơi làm việc, người học sẽ học những kiến thức từ công việc thực tế tại nơi làm việc dưới sự hướng dẫn của công nhân lành nghề).

* Đào tạo theo kiểu phòng thí nghiệm (đào tạo cho người học cách giải quyết các tình huống có thể xảy ra trong thực tế được mô hình hoá qua các bài tập tình huống, diễn kịch, mô phỏng trên máy tính, trò chơi quản

lý…).

* Đào tạo theo phương thức từ xa ....

+ Lợi ích và bất lợi của các phương pháp

- Chi phí đào tạo nghề

Chi phí đào tạo nghề nào đó là khoản tiền cần chi trả trong suốt thời gian người học tham gia học tập và rèn luyện tại trường có đào tạo nghề đó. Học sinh THPT cần tìm hiểu để biết mình có đủ sức chi trả cho việc học ở môi trường đó không.

- Thời gian đào tạo nghề

Thời gian đào tạo nghề bao gồm thời gian người học sẽ bỏ ra để hoàn thành toàn bộ chương trình học, đào tạo về nghề nào đó, thời gian nhập học, thời gian học từng học kỳ.

c. Kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông

Lựa chọn được một nghề nghiệp phù hợp với bản thân và nhu cầu xã hội là vấn đề không hề đơn giản. Để lựa chọn được nghề nghiệp, học sinh THPT phải xem xét độ phù hợp giữa bản thân với nghề nghiệp, tức là trước đó đã phải tiến hành tìm hiểu bản thân, tìm hiểu nghề nghiệp. Sau đó, học sinh THPT cần nắm những nhóm phương pháp để lựa chọn nghề nghiệp. Như vậy, ***kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông là khả năng vận dụng những phương pháp để lựa chọn được nghề nghiệp phù hợp của học sinh Trung học phổ thông.***

Trong phạm vi đề tài này, người nghiên cứu xét thấy có 3 nhóm phương pháp mà cũng giống như cơ sở của những biện pháp tìm hiểu bản thân và tìm hiểu nghề nghiệp, cơ sở của nhóm những phương pháp lựa chọn nghề nghiệp cũng dựa trên tính khả thi. Cụ thể:

Nhóm phương pháp kiểm tra sự phù hợp giữa người và nghề:

Ở đề tài này, người nghiên cứu quan niệm cơ sở của việc xem xét mức độ

phù hợp giữa bản thân và nghề nghiệp dựa trên lý thuyết về sự phù hợp nghề dưới góc độ của Tâm lý học. Theo tác giả Phạm Tất Dong, có 4 mức độ phù hợp nghề như sau:

Không phù hợp: bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân như chủ thể thiếu năng lực chuyên môn, tình trạng sức khỏe không đảm bảo hoặc bị dị tật.

Phù hợp một phần: chủ thể khó trở thành một chuyên gia giỏi trong nghề vì ở họ có nhiều đặc điểm tâm sinh lý không thỏa mãn được hết những yêu cầu của nghề nghiệp.

Phù hợp phần lớn: chủ thể đáp ứng được hầu hết các yêu cầu của nghề nghiệp. Sự phù hợp phần lớn với nghề thể hiện rõ thông qua hứng thú với nghề và khả năng giải quyết những vấn đề phát sinh trong công việc. Đây là lợi thế giúp chủ thể có được sự thuận lợi trong quá trình làm việc và phát triển bản thân để đạt được những vị trí tốt hơn so với những người ít phù hợp với nghề.

Phù hợp hoàn toàn: chủ thể đáp ứng được hết những yêu cầu do nghề nghiệp đặt ra. Họ đạt được năng suất cao trong quá trình làm việc và thể hiện rõ lý tưởng nghề nghiệp [40, 32 - 33].

Phương pháp 1: Đối chiếu những đặc điểm của bản thân với những yêu cầu của nghề nghiệp

Cách tiến hành:

Học sinh THPT liệt kê ra đặc điểm về nhu cầu, hứng thú, ước mơ, tính cách, phong thái, năng lực, ngoại hình, sức khỏe, điều kiện kinh tế...đã tích lũy được trong quá trình tìm hiểu bản thân.

Học sinh THPT liệt kê ra những yêu cầu nghề nghiệp nào đó đòi hỏi mà bản thân đã tích lũy được trong quá trình tìm hiểu nghề nghiệp.

Học sinh THPT tiến hành đối chiếu 2 nội dung lớn vừa liệt kê bên trên và so sánh xem với những đặc điểm như vậy của bản thân liệu sẽ đáp ứng được

bao nhiêu phần trong yêu cầu của nghề nghiệp.

Ý nghĩa:

Giúp học sinh THPT có cơ hội suy xét về bản thân một lần nữa để nắm rõ hơn những đặc điểm thuộc về bản thân mình.

Giúp học sinh THPT kiểm tra lại hiểu biết của mình đối với những điều đã tìm hiểu về nghề nghiệp nào đó để kịp thời bổ sung.

Giúp học sinh THPT rèn luyện khả năng so sánh, đối chiếu hợp lý.

Khó khăn:

Việc tìm hiểu không kỹ lưỡng, đánh giá không chính xác về những những đặc điểm của bản thân cũng như nghề nghiệp có thể làm học sinh THPT bối rối, khó khăn khi tiến hành liệt kê những vấn đề này trước khi đối chiếu.

Việc đối chiếu, so sánh thiếu toàn diện có thể dẫn đến sự thiếu chính xác về mức độ phù hợp nghề của học sinh THPT.

Phương pháp 2: Sử dụng trắc nghiệm hướng nghiệp hoặc mô hình tính điểm để tính độ phù hợp

Cách tiến hành:

Học sinh THPT tìm kiến và lựa chọn trắc nghiệm có nội dung hướng nghiệp, mức độ phù hợp nghề...

Học sinh THPT làm trắc nghiệm một cách trung thực nhất.

Học sinh THPT tính điểm và kiểm tra đáp án của nhà soạn thảo trắc nghiệm đề ra.

Ý nghĩa:

Giúp học sinh THPT có thêm hiểu biết về trắc nghiệm hướng nghiệp.

Giúp học sinh THPT nhận ra nhiều vấn đề mới mà trong quá trình tìm hiểu nghề nghiệp có thể chưa biết đến.

Khó khăn:

Học sinh THPT không biết nên chọn trắc nghiệm nào cho đáng tin cậy.

Kết quả của trắc nghiệm chỉ mang tính chất tham khảo nên đôi khi học sinh THPT cũng khó nhận biết rõ mức độ phù hợp nghề của mình như thế nào.

Phương pháp 3: Làm thử một phần công việc tương lai

Cách tiến hành:

Học sinh THPT xin làm cộng tác viên cho cơ sở nào đó hoặc xin phụ việc theo thời gian ngắn.

Học sinh THPT hoàn thành công việc dưới sự giám sát của người có chuyên môn.

Học sinh THPT tự đánh giá lại toàn bộ quá trình làm việc, ghi chú lại những gì đã làm tốt, chưa tốt.

Kết thúc đợt cộng tác, học sinh THPT tự đánh giá dựa trên ghi chú trong suốt quá trình để xem xét mình có hứng thú và có thể đáp ứng được yêu cầu về năng lực và tính cách của nghề đó không.

Ý nghĩa:

Giúp học sinh THPT có điều kiện cọ xát với thực tế để so sánh sự giống và khác biệt giữa lý thuyết và thực tế về nghề nghiệp.

Giúp học sinh THPT tích lũy được kinh nghiệm xử lý vấn đề trong quá trình làm thử việc.

Khó khăn:

Không có nhiều cơ hội cho học sinh THPT xin làm thử một phần công việc vì thời gian học ở trường phổ thông khá nhiều, khối lượng bài tập lớn.

Vì còn bỡ ngỡ nên học sinh THPT dễ mắc sai phạm trong quá trình làm thử công việc.

Nhóm phương pháp ra quyết định:

Ra quyết định là một phần cực kỳ quan trọng trong quá trình định hướng nghề nghiệp. Để hoàn thành việc ra quyết định cần có những phương pháp

hợp lý. Ở đề tài này, người nghiên cứu đưa ra những phương pháp như sau:

Phương pháp 1: Chọn ra nghề phù hợp nhất

Cách tiến hành:

Từ những kết quả kiểm tra độ phù hợp nghề, học sinh THPT so sánh xem những nghề/ nhóm nghề nào có mức độ phù hợp nhiều nhất với mình. Điều này cũng có nghĩa là học sinh THPT cần nhấn mạnh được những bằng chứng xác minh nhóm nghề nào đó là phù hợp nhất.

Học sinh xác định rõ mục tiêu chính mình muốn đạt được trong nghề nào đó. Nếu chưa thể trả lời mục tiêu chính của mình là gì, học sinh cần phân tích vấn đề thông qua nhiều câu hỏi nhỏ liên quan.

Sau khi xác định được mục tiêu chính mình muốn đạt được trong nghề, sự phù hợp của mình với nghề, kết hợp với nhu cầu xã hội về nghề đó, học sinh THPT chọn 1 nghề/ nhóm nghề phù hợp nhất.

Ý nghĩa: Chọn được một nghề phù hợp giúp học sinh THPT phát huy đúng sở trường của bản thân trong tương lai.

Khó khăn: Sự quyết định trở nên khó khăn khi học sinh THPT gặp phải quá nhiều yếu tố gây ảnh hưởng từ môi trường xung quanh khiến họ do dự, thiếu dứt khoát.

Phương pháp 2: Triển khai phương án nghề nghiệp đã chọn

Ra quyết định chọn nghề gì thôi vẫn chưa đủ, học sinh THPT cần phải vạch ra được phương án thực hiện để có thể đạt được mục tiêu nghề nghiệp. Cụ thể:

Cách tiến hành:

Học sinh THPT xác định nghề nghiệp mình đã chọn yêu cầu cần học vững những môn nào, cần thi tuyển vào khối nào... để tập trung sức lực vào những yêu cầu đó.

Học sinh THPT xác định những kiến thức, bằng cấp nào liên quan bổ trợ

cho nghề nghiệp tương lai, chẳng hạn như trình độ ngoại ngữ, tin học, khả năng thuyết trình, ca hát, kể chuyện....để đầu tư học thêm.

Học sinh THPT lập thời gian biểu rõ ràng cho từng đối tượng cần phải hoàn thành.

Học sinh THPT tự giám sát và đánh giá kết quả đạt được.

Ý nghĩa:

Định hình cho học sinh THPT những việc cụ thể cần hoàn thành, tránh rơi vào tình trạng mông lung, không chủ đích. Điều này giúp tiết kiệm được thời gian trong quá trình thực hiện phương án nghề nghiệp.

Học sinh THPT dễ dàng hơn trong việc kiểm tra, đánh giá cách mình học tập, rèn luyện để theo đuổi nghề nghiệp mà không bỏ sót điều gì.

Khó khăn:

Không hề đơn giản để vạch ra được kế hoạch theo đuổi nghề nghiệp hợp lý. Điều này còn phụ thuộc vào kinh nghiệm tổ chức, sắp xếp công việc của học sinh THPT và cần sự góp ý mang tính hỗ trợ của người xung quanh.

Việc học sinh THPT tự đưa bản thân vào qui trình thực hiện nghiêm túc một thời gian biểu khiến họ đôi khi phải từ bỏ một số thói quen, sở thích. Điều này có thể gây khó chịu cho học sinh THPT và làm nản chí. Ngoài ra, những yếu tố bên ngoài như những cuộc hội họp bạn bè, phim ảnh, trò chơi,...có sức hấp dẫn lớn đòi hỏi ở học sinh THPT phải có sự kiềm chế và kiên định để đạt được mục tiêu.

Nhóm phương pháp vượt qua khó khăn:

Kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp của học sinh THPT không chỉ giới hạn ở nội dung kiểm tra sự phù hợp giữa người - nghề và ra quyết định mà còn ở quá trình vượt qua khó khăn. Lý do giải thích cho điều trên là vì trong thực tế không phải bất kỳ học sinh THPT nào khi lựa chọn nghề nghiệp cũng được suôn sẻ, thuận lợi. Cũng có những người ngay cả khi đã đưa ra được quyết

định nghề nghiệp và phương án nghề nghiệp cho mình rồi vẫn gặp phải những cản trở khiến việc tiến hành phương án nghề nghiệp diễn tra không trọn vẹn. Do đó, cần phải có những phương pháp vượt qua khó khăn. Cụ thể:

Phương pháp 1: Xác định những khó khăn trong quá trình chọn nghề

Đây là một phương pháp hữu ích để học sinh THPT có cái nhìn tổng quát về những khó khăn trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp của bản thân, từ đó tìm cách khắc phục. Cụ thể:

Cách tiến hành:

Học sinh THPT suy ngẫm và liệt kê ra hết những khó khăn hiện tại mình vướng mắc.

Học sinh THPT dự tính trước những khó khăn khác có thể sẽ gặp trong tương lai dựa trên tình hình học tập và chọn nghề của bản thân hiện tại.

Học sinh THPT xác định những khó khăn nào nên ưu tiên giải quyết trước tiên.

Ý nghĩa: Việc xác định được những khó khăn trong quá trình chọn nghề giúp học sinh THPT nhìn nhận rõ mình đang có những cản trở như thế nào và xem xét tính nghiêm trọng của vấn đề, tìm ra nguyên nhân và cách tháo gỡ.

Khó khăn:

Đôi khi chính bản thân học sinh THPT cũng chưa nhận rõ có những khó khăn nào đang cản trở quá trình lựa chọn và triển khai phương án nghề nghiệp của mình.

Dự đoán trước những khó khăn có thể là một việc khá trừu tượng, đòi hỏi ở học sinh THPT khả năng xem xét vấn đề toàn diện và biết liên kết nhiều vấn đề.

Phương pháp 2: Vượt qua khó khăn

Vượt qua khó khăn cũng là một phương pháp cơ bản để giúp học sinh THPT hoàn thành quá trình định hướng nghề nghiệp. Cụ thể:

Cách tiến hành:

Trước tiên học sinh THPT tự đề ra cho mình nhiều giải pháp nhất có thể cho những khó khăn đã xác định cần giải quyết.

Học sinh THPT chọn ra những người có thể sẵn lòng giúp đỡ mình và hội ý với họ về những giải pháp cho khó khăn đang gặp.

Học sinh THPT tiến hành ứng dụng từng giải pháp để kiểm tra tính hiệu quả trong thực tế. Nếu giải pháp được sử dụng không mang lại hiệu quả, học sinh THPT tiến hành giải pháp khác cho tới khi khó khăn được tháo gỡ.

Ý nghĩa: Giúp học sinh THPT tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tế khi đối diện với khó khăn hơn. Ở những lần sau, khi gặp phải khó khăn tương tự, học sinh THPT sẽ đưa ra được giải pháp để giải quyết trơn tru hơn, đỡ tốn thời gian hơn.

Khó khăn: Quá trình vượt qua khó khăn đòi hỏi sự kiên trì rất lớn của học sinh THPT vì không phải khó khăn nào cũng có thể tháo gỡ nhanh chóng và học sinh THPT có thể gặp thất bại trong quá trình vượt qua khó khăn của riêng mình.

1.2.4.3. Một số yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông. Ở đề tài này, người nghiên cứu chỉ tập trung vào các yếu tố sau:

a. Gia đình

Gia đình bao gồm những người thân cùng sinh sống hằng ngày với học sinh Trung học phổ thông. Gia đình vừa là chỗ dựa tinh thần vừa là chỗ dựa tài chính của học sinh. Do đó, gia đình có mối quan hệ mật thiết và có sức ảnh hưởng nhất định đối với học sinh Trung học phổ thông. Ở đây, người

nghiên cứu cho rằng nguyện vọng của cha mẹ và điều kiện kinh tế của gia đình là 2 yếu tố từ phía gia đình ảnh hưởng đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông. Cụ thể:

Cha mẹ: Cha mẹ là người có ơn với học sinh Trung học phổ thông do họ đã sinh ra, chăm sóc và nuôi dưỡng con cái. Cha mẹ là chỗ dựa cho con cái do đó họ cũng có uy quyền nhất định đối với con mình. Lời khuyên, đe dọa hay ý kiến đóng góp của cha mẹ có thể có khả năng gây ảnh hưởng lên suy nghĩ, quyết định của con mình - tức học sinh Trung học phổ thông. Điều này có thể xuất phát từ mong muốn trả ơn cha mẹ, sợ cha mẹ buồn, sợ quyền uy cha mẹ của học sinh Trung học phổ thông.

Điều kiện kinh tế: Điều kiện kinh tế gia đình không ổn định gây ảnh hưởng đến vấn đề chọn trường hoặc cơ sở đào tạo nghề của học sinh Trung học phổ thông. Lý do là bởi sự giới hạn về mặt tài chính dễ khiến học sinh Trung học phổ thông do dự, không đánh giá đúng về nghề nghiệp và có thể sự lựa chọn trường hoặc cơ sở đào tạo nghề của học sinh bị thu hẹp do e ngại mức học phí cao.

b. Nhà trường

Ngoài gia đình thì nhà trường là tổ chức quan trọng thứ hai trong cuộc sống của học sinh Trung học phổ thông. Tại trường học, học sinh tiếp xúc nhiều nhất với giáo viên và bạn bè đồng trang lứa. Do đó, giữa giáo viên - bạn bè và học sinh Trung học phổ thông cũng có mối quan hệ gắn bó với nhau. Điều này dễ dẫn tới việc ý kiến của giáo viên và bạn bè có thể là 2 yếu tố gây ảnh hưởng lên kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông. Cụ thể:

Giáo viên: Là những người trực tiếp giảng dạy, góp phần định hình sự phát triển nhân cách của học sinh. Giáo viên có vị trí quan trọng trong nhà trường phổ thông và là những người có uy tín đối với học sinh. Chính vì giáo

viên là đối tượng có uy tín trong suy nghĩ của học sinh nên có thể những nhận xét, đánh giá hay lời khuyên răn của họ đôi khi chưa thực sự chính xác, toàn diện nhưng vẫn có thể khiến học sinh hoang mang, do dự trong quá trình định hướng nghề nghiệp.

Bạn bè: Bạn bè đồng trang lứa đối với học sinh Trung học phổ thông là những người vô cùng quan trọng vì họ cùng học tập, vui chơi, sẻ chia, gắn bó với nhau trong học tập lẫn cuộc sống. Bạn bè có vị trí quan trọng đối với học sinh Trung học phổ thông nên ý kiến của bạn bè cũng rất được học sinh coi trọng. Điều này dẫn đến nguy cơ học sinh Trung học phổ thông có thể gặp cản trở trong việc tìm hiểu bản thân, tìm hiểu nghề nghiệp vì chưa chắc ý kiến của bạn bè là hoàn toàn đúng, trong khi đó học sinh Trung học phổ thông lại có thể đặt niềm tin rất lớn vào bạn bè.

c. Bản thân nghề nghiệp

Đối với nhóm yếu tố bản thân nghề nghiệp ở đề tài này người nghiên cứu chú trọng vào những khía cạnh nổi bật dễ nhận thấy của nghề nghiệp. Cụ thể:

Mức thu nhập của nghề: Mức thu nhập cao hay thấp dễ làm nảy sinh đánh giá tích cực hay tiêu cực về nghề nghiệp nào đó trong suy nghĩ của học sinh Trung học phổ thông như là: nghề có mức lương cao là nghề được xã hội trân trọng, nghề có lương cao thì làm cuộc sống dễ chịu hơn nhưng lại quên mất áp lực tinh thần đòi hỏi ở những nghề với mức lương cao không hề nhỏ, hoặc những suy nghĩ tiêu cực về nghề có mức lương tương đối thấp như là: nghề có lương thấp thì chỉ bị khinh thường, lương thấp thì sống không hạnh phúc,... Như vậy, quá trình tìm hiểu nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông có thể bị phiến diện, kết quả tìm hiểu không chính xác. Bên cạnh đó, khi tiếp xúc với thông tin về mức lương cao của ngành nghề nào đó học sinh Trung học phổ thông dễ rơi vào trạng thái chỉ quan tâm tới mức lương đó sẽ mang lại lợi ích như thế nào mà quên đi những vấn đề quan trọng khác cần tìm hiểu

về nghề nghiệp.

Tấm gương thành công trong nghề: Tấm gương thành công trong nghề ở đề tài này có nghĩa là những người đạt được những thành tích tiêu biểu, được nhiều người biết đến trong nghề. Sự thành công của những người vào nghề trước có khả năng làm cho học sinh Trung học phổ thông quên không xét đến những khó khăn của nghề.

Điều kiện học nghề: Điều kiện học nghề như mức học phí, vị trí địa lý của cơ sở đào tạo dễ làm cho học sinh Trung học phổ thông phân vân khi chọn nghề vì có thể học sinh e ngại khoảng cách địa lý xa xôi, mức học phí nằm ngoài sức chi trả của gia đình... Vì những lý do trên có thể thấy học sinh Trung học phổ thông có khả năng sẽ bỏ lỡ một số nghề phù hợp với bản thân mình, những cơ hội tốt để phát triển bản thân...

Địa vị và cơ hội thăng tiến trong nghề: Địa vị và cơ hội thăng tiến trong nghề có thể khiến học sinh Trung học phổ thông nhầm lẫn rằng mọi thứ đều dễ dàng và có thể được thăng chức cao khi đi làm trong khoảng thời gian ngắn. Nguyên nhân dẫn đến nhầm lẫn có thể do học sinh Trung học phổ thông chưa tiếp xúc nhiều với thế giới nghề nghiệp, môi trường học tập khác biệt với môi trường sống khi đi làm của người lao động hoặc ít có cơ cơ hội được trao đổi về những khó khăn trong thực tế nghề nghiệp. Vì những điều trên, việc tìm hiểu nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông có thể bị ảnh hưởng.

d. Xã hội

Bên cạnh 3 nhóm yếu tố đã đề cập bên trên, ở đề tài này người nghiên cứu cho rằng nhóm yếu tố về mặt xã hội cũng ảnh hưởng đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông. Cụ thể:

Nhu cầu của xã hội về nghề nghiệp: Nhu cầu xã hội về nghề nghiệp được cho là một yếu tố gây ảnh hưởng đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp là do

khi đứng trước thông tin về các nghề đang được xã hội cần nhiều, học sinh Trung học phổ thông có thể cho rằng đó là những nghề mình nên chọn, cần phải chọn bất chấp những nghề đó thực ra có phù hợp với bản thân hay không.

Phương tiện truyền thông (truyền hình, báo chí, mạng xã hội...): Những thông tin mà phương tiện truyền thông (truyền hình, báo chí, mạng xã hội...) cung cấp hằng ngày rất phong phú, đôi khi không được kiểm duyệt tính chính xác nên dẫn đến sự sai lệch trong quá trình tiếp nhận thông tin. Bên cạnh đó, việc những thông tin sai cứ lặp đi lặp lại trên các phương tiện truyền thông hằng ngày khiến học sinh dễ tin rằng đó là sự thật. Vì vậy, những điều học sinh đọc, xem được và cảm nhận về bản thân, nghề nghiệp bị "méo mó" hoặc tiêu cực đi, từ đó dẫn đến lựa chọn nghề nghiệp không hợp lý.

Các buổi tham vấn, hướng nghiệp do các trường Đại học, Cao đẳng tổ chức: Các buổi tham vấn hướng nghiệp do các trường Đại học, Cao đẳng tổ chức tại trường phổ thông có thể mang lại ảnh hưởng tích cực vì những thông tin truyền đạt với học sinh Trung học phổ thông tương đối đáng tin cậy do những thông tin này được đại diện những nhà trường, chuyên viên tham vấn và các nhà chuyên môn, đại diện của các công ty chính thức phát biểu. Điều này giúp học sinh nắm được cần tiến hành tìm hiểu đặc điểm nào, phương pháp gì để định hướng nghề nghiệp. Tuy nhiên, những buổi giao lưu không phải diễn ra hằng ngày nên thông tin không được thường xuyên củng cố, hoặc trong buổi giao lưu, nếu lỡ chuyên viên tham vấn hay nhà đại diện nào đó đưa ra lời khuyên mang tính chủ quan áp dụng cho học sinh Trung học phổ thông thì có thể quá trình định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông bị ảnh hưởng vì tin tưởng quá mức vào lời khuyên, sự đánh giá của những người được xem là có uy tín.

Tiểu kết chương 1

Trong phần cơ sở lý luận của đề tài, người nghiên cứu đã tập trung làm sáng tỏ các vấn đề cơ bản sau:

Lịch sử nghiên cứu những vấn đề liên quan đến đề tài ở trong và ngoài nước.

Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu: kỹ năng, định hướng, nghề nghiệp, định hướng nghề nghiệp, học sinh Trung học phổ thông.

Kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông là khả năng học sinh Trung học phổ thông vận dụng có hiệu quả những tri thức, kinh nghiệm có được trong việc tìm hiểu về bản thân, tìm hiểu về nghề nghiệp nhằm lựa chọn nghề nghiệp một cách phù hợp với bản thân và xã hội.

Kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông biểu hiện qua 3 kỹ năng thành phần, đó là: kỹ năng tìm hiểu bản thân, kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp, kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp.

Có những nhóm yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT bao gồm: nhà trường, gia đình, xã hội và bản thân nghề nghiệp.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KỸ NĂNG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

2.1. Tổ chức nghiên cứu thực trạng

2.1.1. Mục đích nghiên cứu

Tìm hiểu thực trạng biểu hiện kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông ở thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đánh giá của học sinh về một số yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng. Qua đó, biết được mức độ biểu hiện của kỹ năng định hướng nghề nghiệp và mức độ ảnh hưởng của một số yếu tố qua đánh giá của học sinh.

2.1.2. Mô tả cách thức nghiên cứu thực trạng

2.1.2.1. Công cụ nghiên cứu

a. Giai đoạn 1

Để có cơ sở ban đầu nhằm xây dựng bảng hỏi chính thức cho đề tài, NNC tiến hành soạn bảng câu hỏi mở và thu thập ý kiến của học sinh THPT về những vấn đề có liên quan đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp. Phiếu khảo sát ý kiến ban đầu được phát ra cho 20 học sinh THPT.

b. Giai đoạn 2

- Sau khi thu bảng hỏi mở, NNC phân tích vấn đề, kết hợp với xin ý kiến của giáo viên hướng dẫn và cơ sở lý luận của đề tài để xây dựng nên bảng hỏi chính thức cho học sinh THPT. Nội dung phiếu khảo sát gồm 2 phần chính:

+ Phần I: Thông tin cá nhân của người trả lời: giới tính, khối, năm học , hứng thú nghề nghiệp và có được cha mẹ giúp đỡ hay không của khách thể nghiên cứu.

+ Phần II: Nội dung chính, gồm có 4 câu hỏi về: mức độ biểu hiện và

một số yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông.

* Về mức độ biểu hiện kỹ năng

Câu 1: khảo sát mức độ biểu hiện trong nội dung tìm hiểu và phương pháp tìm hiểu về bản thân của học sinh Trung học phổ thông, gồm 15 câu thành phần.

Câu 2: khảo sát mức độ biểu hiện trong nội dung tìm hiểu và phương pháp tìm hiểu về nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông, gồm 18 câu thành phần.

Câu 3: khảo sát mức độ biểu hiện trong cách lựa chọn nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông, gồm 7 câu thành phần.

* Về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố

Câu 4: khảo sát mức độ ảnh hưởng của một số yếu tố đến việc hình thành kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông gồm 12 câu thành phần. Yếu tố ảnh hưởng từ phía:

Gia đình: các câu 1, 2.

Nhà trường: các câu 3, 4.

Bản thân nghề nghiệp: từ câu 5 đến câu 9.

Xã hội: từ câu 10 đến câu 12.

c. Giai đoạn 3:

- NNC tiến hành phát phiếu điều tra chính thức.

- Trước khi tiến hành điều tra, người nghiên cứu thông báo đầy đủ rõ ràng mục đích, yêu cầu của việc điều tra, hướng dẫn cụ thể, chi tiết, đồng thời đảm bảo sự khéo léo, tế nhị tạo cảm giác thoải mái cho học sinh để có thể thu được số liệu khách quan nhất. NNC sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên. Phiếu khảo sát được phát ra cho 450 học sinh THPT, mỗi trường 150 em, mỗi khối 3 lớp.

- Sau khi thu lại phiếu khảo sát và loại ra những phiếu không hợp lệ (học sinh bỏ trống nhiều câu), người nghiên cứu thống kê được cơ cấu khách thể như sau:

Bảng 2.1. Cơ cấu khách thể nghiên cứu

Tiêu chí phân loại học sinh		**Số lượng**	**Tỷ lệ %**	**Tổng**	
				Số lượng	**Tỷ lệ %**
Trường	Chuyên Lê Quí Đôn	123	33.2	370	100.0
	Vũng Tàu	136	36.8		
	Nguyễn huệ	111	30.0		
Khối	10	126	34.1	370	100.0
	11	124	33.5		
	12	120	32.4		
Giới tính	Nam	174	47.0	370	100.0
	Nữ	196	53.0		

Theo giới tính có 174 học sinh nam, chiếm 47 % và có 196 học sinh nữ, chiếm 53.3 %.

Theo khối học có 126 học sinh khối 10, chiếm 34.1 %; có 124 học sinh khối 11, chiếm 33.5 % và có 120 học sinh khối 12 , chiếm 32.4 %.

Theo trường, có 123 học sinh trường Trung học phổ thông Chuyên Lê Quí Đôn, chiếm 33.2 %, có 136 học sinh trường Trung học phổ thông Vũng Tàu, chiếm 36.8 % và có 111 học sinh trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ, chiếm 30.0 %.

Nhìn chung, cơ cấu khách thể như trên đảm bảo tính đại diện cho dân số.

d. Giai đoạn 4

- Người nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của đề tài và kết quả đã xử lý để soạn ra những câu hỏi phỏng vấn nhằm ghi nhận sự lý giải của học sinh THPT về mức độ biểu hiện kỹ năng định hướng nghề nghiệp.

- Quá trình phỏng vấn được diễn ra trong không gian thân thiện, có sự xin phép của người nghiên cứu đối với 15 học sinh THPT về việc ghi âm câu trả lời và ghi chú trên giấy để không bỏ sót ý kiến của người được phỏng vấn. Thời gian phỏng vấn là 2 tuần/ 15 học sinh.

- Nội dung phỏng vấn xoay quanh những vấn đề trong bảng khảo sát đã phát ra trong giai đoạn thu số liệu.

- Sau mỗi lần phỏng vấn 1 học sinh, NNC suy ngẫm lại về cách thức hỏi, nội dung hỏi để rút kinh nghiệm cho lần phỏng vấn kế tiếp nhằm nâng cao chất lượng phỏng vấn.

2.1.2.2. Xử lý số liệu

a. Cách mã hóa số liệu

- Đối với biến thông tin cá nhân, gán giá trị như sau:

a1. Giới tính: Nam = 1, Nữ = 2

a2. Trường: THPT Chuyên Lê Quí Đôn = 1, THPT Vũng Tàu = 2, THPT Nguyễn Huệ = 3

a3. Khối: Khối 10 = 1, Khối 11 = 2, Khối 12 = 3

a4. Hứng thú: Đã có = 1, Chưa có = 2

a5. Cha mẹ giúp đỡ: Có = 1, Không = 2

- Phần nội dung:

Câu 1: Về kỹ năng tìm hiểu bản thân, có 5 mức như sau:

1 điểm = Không biết

2 điểm = Biết ít

3 điểm = Biết trung bình

4 điểm = Biết khá rõ

5 điểm = Biết rất rõ

Câu 2: Về kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp, có 5 mức như sau:

1 điểm = Không biết

2 điểm = Biết ít

3 điểm = Biết trung bình

4 điểm = Biết khá rõ

5 điểm = Biết rất rõ

Câu 3: Về kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp, có 5 mức như sau:

1 điểm = Không biết

2 điểm = Biết ít

3 điểm = Biết trung bình

4 điểm = Biết khá rõ

5 điểm = Biết rất rõ

- Phần yếu tố ảnh hưởng

Câu 4: Về mức độ của các yếu tố ảnh hưởng, có 5 mức như sau:

1 điểm = Rất ít

2 điểm = Ít

3 điểm = Trung bình

4 điểm = Nhiều

5 điểm = Rất nhiều

- Cách nhập số liệu vào máy tính:

Truong: 1 = Chuyên Lê Quí Đôn, 2 = Vũng Tàu, 3 = Nguyễn Huệ

Sex: 1 = Nam, 2 = Nữ

Khoi: 1 = Khối 10, 2 = Khối 11, 3 = Khối 12

Hứng thú: 1 = Đã có, 2 = Chưa có

CMGĐ: 1 = Có, 2 = Không

C1 đến C15: ghi điểm của kỹ năng tìm hiểu bản thân

D1 đến D18: ghi điểm của kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp

E1 đến E7: ghi điểm của kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp

F1 đến F12: ghi điểm của các yếu tố ảnh hưởng

Tạo biến mới từ lệnh Transform để tính điểm trung bình mức độ biểu hiện kỹ năng định hướng nghề nghiệp:

THBT = (C1 + C2 +...+ C15)/15

ĐĐBT = (C1 +..+ C9)/9

PPTHBT = (C10 +...+ C15)/6

THNN = (D1+ D2+...+D18)/18

ĐĐNN = (D1+...+ D14)/14

PPTHNN = (D15 +...+ D18)/4

LCNN = (E1+ E2 +..+ E7)/7

ĐPH = (E1 + E2 + E3)/3

RQĐ = (E4 + E5)/2

VQKK = (E6 + E7)/2

ĐHNN = (THBT + THNN + LCNN)/3

GĐ: (F1 + F2)/2

NT: (F3 + F4))/2

BTNN: (F5 + ... + F9)/5

XH: (F10 + F11 + F12)/3

b. Cách giải thích ý nghĩa mức độ thang đo

- Phần kỹ năng tìm hiểu bản thân: gồm 15 câu hỏi. Điểm trung bình các câu dựa vào cách chia khoảng trung bình: (5 - 1)/5 = 0.8. Như vậy, các mức điểm kỹ năng tìm hiểu bản thân được giải thích như sau:

+ Từ 4.21đến 5 điểm: Kỹ năng tìm hiểu bản thân của học sinh nằm ở mức rất cao.

+ Từ 3.41 đến 4.2 điểm: Kỹ năng tìm hiểu bản thân của học sinh nằm ở mức cao.

+ Từ 2.61 đến 3.4 điểm: Kỹ năng tìm hiểu bản thân của học sinh nằm ở mức trung bình.

+ Từ 1.81 đến 2.6 điểm: Kỹ năng tìm hiểu bản thân của học sinh nằm ở mức thấp.

+ Từ 1 đến 1.8 điểm: Kỹ năng tìm hiểu bản thân của học sinh nằm ở mức rất thấp.

- Phần kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp: Gồm 18 câu hỏi. Tương tự như trên, các mức điểm kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp được giải thích như sau:

+ Từ 4.21 đến 5 điểm: Kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp của học sinh nằm ở mức rất cao.

+ Từ 3.41 đến 4.2 điểm: Kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp của học sinh nằm ở mức cao.

+ Từ 2.61 đến 3.4 điểm: Kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp của học sinh nằm ở mức trung bình.

+ Từ 1.81 đến 2.6 điểm: Kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp của học sinh nằm ở mức thấp.

+ Từ 1 đến 1.8 điểm: Kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp của học sinh nằm ở mức rất thấp.

- Phần kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp: gồm 7 câu hỏi.Tương tự như trên, các mức điểm kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp được giải thích như sau:

+ Từ 4.21 đến 5 điểm: Kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp của học sinh nằm ở mức rất cao.

+ Từ 3.41 đến 4.2 điểm: Kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp của học sinh

nằm ở mức cao

+ Từ 2.61 đến 3.4 điểm: Kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp của học sinh nằm ở mức trung bình

+ Từ 1.81 đến 2.6 điểm: Kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp của học sinh nằm ở mức thấp

+ Từ 1 đến 1.8 điểm: kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp của học sinh nằm ở mức rất thấp.

- Phần mức độ ảnh hưởng của các nhóm yếu tố: Thang đo mức độ ảnh hưởng được giải thích như sau:

+ Từ 1 đến 1.8 điểm: Các yếu tố ảnh hưởng ở mức rất ít đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh.

+ Từ 1.81 đến 2.6 điểm: Các yếu tố ảnh hưởng ở mức ít đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh.

+ Từ 2.61 điến 3.4 điểm: Các yếu tố ảnh hưởng ở mức trung bình đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh.

+ Từ 3.41 đến 4.2 điểm: Các yếu tố ảnh hưởng ở mức nhiều đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh.

+ Từ 4.21 đến 5 điểm: Các yếu tố ảnh hưởng ở mức rất nhiều đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh.

2.2. Kết quả nghiên cứu thực trạng kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông

2.2.1. Thực trạng kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông

Bảng 2.2. Kết quả thực trạng KN ĐHNN

Kỹ năng	**Biểu hiện**	**ĐTB**	**ĐLC**	**XL**	**Tổng hợp**		
					ĐTB	**ĐLC**	**XL**
Kỹ năng tìm hiểu bản thân	Các đặc điểm về bản thân	3.68	0.64	Cao	3.50	0.56	Cao
	Phương pháp tìm hiểu	3.24	0.60	TB			
Kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp	Các đặc điểm về nghề nghiệp	3.07	0.73	TB	3.09	0.68	TB
	Phương pháp tìm hiểu	3.15	0.75	TB			
Kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp	Phương pháp kiểm tra sự phù hợp	3.22	0.83	TB	2.92	0.82	TB
	Phương pháp ra quyết định	2.74	0.97	TB			
	Phương pháp vượt qua khó khăn	2.56	0.99	TB			
Kỹ năng định hướng nghề nghiệp					**3.17**	**0.55**	**TB**

Kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT nằm ở mức trung bình cho thấy học sinh THPT nắm được một cách tương đối về việc tìm hiểu bản thân, tìm hiểu nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp. Cụ thể:

Xét biểu hiện của ba kỹ năng thành phần thì kỹ năng tìm hiểu bản thân của học sinh THPT có ĐTB mức độ biểu hiện cao nhất trong ba kỹ năng. Kế đến là kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp và cuối cùng là kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp. Như vậy có thể thấy rằng, trong quá trình định hướng nghề nghiệp, học sinh THPT gặp khó khăn nhiều hơn ở việc tìm hiểu nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp. Lý giải về điều này, học sinh THPT cho rằng tìm hiểu bản thân là việc các em làm trong suốt quá trình sống và học tập, các em có sự suy nghĩ, trải nghiệm qua thời gian dài nên kết quả đạt được nhiều và chất lượng nhất. Ngược lại, việc tìm hiểu nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp chỉ mới xuất hiện gần đây khi các em bước vào bậc Trung học phổ thông, sắp phải đối diện với việc chọn ngành nghề nên mới bắt đầu có sự lưu ý đến. Cụ thể đối với việc tìm hiểu nghề nghiệp, học sinh THPT cho rằng nghề nghiệp là lĩnh vực mới mẻ bên ngoài và có nhiều điều cần khám phá, tuy nhiên các em lại mới tìm hiểu trong thời gian chưa lâu, thiếu vắng sự hỗ trợ từ nhiều phía như gia đình, nhà trường nên còn gặp rất nhiều khó khăn. Đối với việc lựa chọn nghề nghiệp, học sinh THPT tỏ ra khá hoang mang khi được phỏng vấn. Nhiều em vẫn chưa suy nghĩ đến việc chọn lựa nghề nghiệp nào cho bản thân. Có những em đã có sự chọn lựa rồi nhưng vẫn bày tỏ sự phân vân không chắc chắn mình chọn lựa như vậy đã hợp lý hay chưa.

Xét mỗi kỹ năng thành phần, NNC phát hiện đối với kỹ năng tìm hiểu bản thân, điểm trung bình mức độ biểu hiện các đặc điểm về bản thân cao hơn phương pháp tìm hiểu cho thấy học sinh THPT nắm vững các đặc điểm về bản thân mình hơn. Lý giải về điều này, học sinh THPT cho rằng điểm trung bình chung của các phương pháp tìm hiểu chưa cao nhưng thực tế nếu

các em nắm chắc của một phương pháp nào đó thì đã có thể tìm hiểu rất nhiều về bản thân, không nhất thiết phải nắm vững tất cả các phương pháp để có thể ứng dụng tìm hiểu những nội dung cần thiết. Đối với kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp, điểm trung bình mức độ biểu hiện các đặc điểm về nghề nghiệp lại thấp hơn so với phương pháp tìm hiểu. Lý giải cho điều này, học sinh THPT cho rằng do thời gian tìm hiểu nghề nghiệp chưa nhiều nên các em chỉ biết một vài các đặc điểm cần tìm hiểu hoặc cho rằng chỉ có một vài đặc điểm liên quan đến nghề nghiệp là nên tìm hiểu. Do đó, các em ít tìm hiểu và không nắm rõ về những đặc điểm khác, bên cạnh đó quá trình tìm hiểu cũng gặp nhiều khó khăn nên mặc dù các em biết nhiều phương pháp tìm hiểu, học sinh THPT thừa nhận mình chưa ứng dụng triệt để các phương pháp trong việc tìm hiểu các đặc điểm. Đối với kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp của học sinh THPT điểm trung bình ở mức độ biểu hiện giữa các nhóm phương pháp cũng không đồng đều. Nhóm *"kiểm tra sự phù hợp"* có điểm trung bình mức độ biểu hiện cao nhất. Kế đến là nhóm *"ra quyết định"* và cuối cùng là nhóm *"vượt qua khó khăn"*. Giải thích cho điều này, học sinh THPT thừa nhận khá ngại ngùng rằng các em vẫn gặp rất nhiều khó khăn khi đưa ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp, thậm chí có em vẫn chưa có quyết định sẽ chọn nghề nào. Do đó phần đông các em chưa triển khai tốt phương án nghề nghiệp cụ thể cho mình.

Xét mức độ biểu hiện các đặc điểm giữa kỹ năng tìm hiểu bản thân và tìm hiểu nghề nghiệp, NNC nhận thấy điểm trung bình các đặc điểm về bản thân cao hơn nhiều so với các đặc điểm về nghề nghiệp. Điều này cho thấy học sinh THPT nắm vững các đặc điểm về bản thân hơn so với các đặc điểm về nghề nghiệp. Lý giải về sự chênh lệch trên, học sinh THPT cho biết các em có sự quan tâm nhiều hơn đến việc tìm hiểu bản thân, tiến hành tìm hiểu những đặc điểm liên quan đến bản thân nhiều hơn do đó cũng biết rõ hơn.

Điều này là hợp lý khi xem xét sự lý giải kết quả chung về kỹ năng tìm hiểu bản thân và kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp.

So sánh phương pháp tìm hiểu giữa kỹ năng tìm hiểu bản thân và kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp, có thể thấy rằng điểm trung bình phương pháp tìm hiểu của kỹ năng tìm hiểu bản thân cao hơn so với kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp. Lý giải về điều này, học sinh THPT cho rằng nhìn chung những phương pháp tìm hiểu về bản thân quen thuộc với các em hơn, dễ tiến hành hơn nên ứng dụng thường xuyên hơn, thuần thục hơn. Do đó, mức độ nắm bắt các phương pháp cũng cao hơn. So sánh giữa kỹ năng tìm hiểu bản thân và kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp, có thể thấy điểm trung bình mức độ biểu hiện phương pháp tìm hiểu của kỹ năng tìm hiểu bản thân cao hơn cả ba nhóm phương pháp lựa chọn nghề nghiệp. Lý giải về điều này, học sinh THPT cho rằng việc áp dụng những phương pháp lựa chọn nghề nghiệp còn khá xa lạ với các em, có những vấn đề các em chưa nghĩ tới, đặc biệt là học sinh khối 10 và 11. So sánh mức độ biểu hiện các phương pháp tìm hiểu giữa kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp và kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp, có thể thấy rằng, điểm trung bình phương pháp tìm hiểu nghề nghiệp cao hơn lựa chọn nghề nghiệp. Giải thích về điều này, học sinh THPT cũng cho rằng phương pháp lựa chọn nghề nghiệp đối với các em còn khá khó khăn để tiến hành.

Tóm lại, kết quả mức độ kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT cho thấy các em vẫn vấp phải những cản trở trong việc xác định và lựa chọn nghề nghiệp tương lai. Học sinh THPT phải tốn nhiều thời gian để chọn lựa được nghề nghiệp phù hợp với bản thân và nhu cầu xã hội.

Nhằm làm rõ và giải thích nguyên nhân mức độ biểu hiện của kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông, người nghiên cứu phân tích kết quả cụ thể biểu hiện từng kỹ năng bộ phận của kỹ năng định hướng nghề nghiệp ở các mục sau.

2.2.2. Thực trạng các kỹ năng thành phần trong kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông

2.2.2.1. Kỹ năng tìm hiểu bản thân của học sinh Trung học phổ thông

Bảng 2.3. Biểu hiện cụ thể của kỹ năng tìm hiểu bản thân

Biểu hiện		ĐTB	ĐLC	XL
Đặc điểm về bản thân	1. Biết về điều kiện gia đình mình	4.01	0.98	Cao
	2. Biết những điều quan trọng nhất đối với mình trong cuộc sống	3.83	0.97	Cao
	3. Biết những nét tính cách tốt và xấu của mình.	3.81	0.94	Cao
	4. Biết ngoại hình của mình có ưu/nhược điểm gì.	3.78	1.10	Cao
	5. Biết về tình trạng sức khỏe của mình.	3.69	1.07	Cao
	6. Biết ước mơ của mình.	3.58	1.26	Cao
	7. Biết mình hứng thú với những lĩnh vực nào.	3.58	1.19	Cao
	8. Biết sở trường và sở đoản của mình.	3.50	1.10	Cao
	9. Biết mình thường hay thể hiện trước mọi người phong thái nói năng, làm việc như thế nào.	3.33	1.12	TB

Phương pháp tìm hiểu	1. Biết tìm hiểu bản thân bằng cách lắng nghe ý kiến nhận xét từ mọi người.	3.63	0.96	Cao
	2. Biết tìm hiểu bản thân bằng phương pháp ghi nhật ký để suy ngẫm lại.	3.60	0.92	Cao
	3. Biết tìm hiểu bản thân bằng phương pháp phân tích Swot (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức).	3.49	1.07	Cao
	4. Biết tìm hiểu bản thân bằng cách làm các trắc nghiệm tâm lý.	3.09	1.24	TB
	5. Biết tìm hiểu bản thân bằng cách thử trải nghiệm trong các môi trường khác nhau.	2.96	1.15	TB
	6. Biết tìm hiểu bản thân bằng phương pháp sinh trắc, khám sức khỏe...	2.66	1.16	TB

Đối với các đặc điểm về bản thân, NNC nhận thấy biểu hiện *"biết gia đình mình có điều kiện kinh tế như thế nào"* có ĐTB cao nhất trong 9 biểu hiện cho thấy học sinh THPT nắm khá rõ về điều kiện kinh tế của nhà mình. Lý do được học sinh THPT giải thích là vì điều kiện kinh tế ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống hằng ngày của các em nên các em biết rõ. Học sinh THPT cũng trả lời thêm rằng phải biết được điều kiện kinh tế của mình ra sao để không tiêu xài phung phí, đòi hỏi quá nhiều về vật chất khiến cha mẹ buồn,

nếu muốn học thêm gì các em cũng cần phải biết nhà mình có đủ sức chi trả không thì mới quyết định. Ví dụ, học sinh N. L. Q trường THPT Chuyên Lê Quí Đôn chia sẻ rằng: *"Mẹ em là lao công, bố là công nhân giàn giáo nên việc nuôi em ăn học ở trường Chuyên tốn nhiều tiền vì phải đầu tư sách ốc nhiều, học thêm nhiều, em còn đứa em nữa học cấp 2 nên bố mẹ em cũng kẹt. Có hôm em bỏ học chuyên đề buổi chiều ở trường đi quét phụ mẹ kiếm thêm".* Khi NNC hỏi sâu hơn về dự định chọn nghề nghiệp sau này, em này cho biết: *"Chắc em chọn Sư phạm cho đỡ tốn tiền chứ thực ra em thích Ngôn ngữ Anh thương mại của Đại học Ngân hàng hơn. Nhưng nghe bảo trường đấy tốn tiền hơn Sư phạm"*. Tóm lại, qua việc phỏng vấn các em học sinh THPT, NNC nhận thấy các em đã quan tâm, tìm hiểu và nắm được gia đình mình có điều kiện kinh tế ra sao để học tập, phấn đấu, tuy nhiên NNC cũng lo ngại rằng mặc cảm về điều kiện khó khăn của gia đình có thể gây cản trở lên việc chọn trường hay ngành nghề sau này, bất chấp hứng thú hoặc năng lực thực tế của mình.

Biểu hiện *"Biết những điều quan trọng với mình trong cuộc sống"* có ĐTB cao thứ hai đã chỉ ra học sinh THPT biết tìm hiểu về những gì quan trọng nhất trong cuộc sống của mình. Lý giải về điều này, học sinh THPT cho rằng mỗi người cần nhận thức rõ cái gì mới là quan trọng, cần thiết nhất với mình để không bỏ lỡ và hối hận. Qua phỏng vấn, học sinh THPT chia sẻ ngoài những nhu cầu thiết yếu như ăn uống, ngủ nghỉ, giải trí đối với các em tình cảm gia đình, tình bạn, được học tập cũng là những điều không thể thiếu. Cụ thể, em N. T. G, học sinh lớp 11, trường Nguyễn Huệ cho rằng: *"Em rất coi trọng tình cảm mẹ con vì bố mẹ em chia tay lâu rồi. Bố em không nhận nuôi em chỉ có mẹ quan tâm, nuôi ăn học nên em không thể sống thiếu tình cảm của mẹ được"*. Một em nam khác trường Vũng Tàu thì cho rằng: *"Vui chơi giải trí với em là quan trọng nhất vì cả tuần đi học căng thẳng, cuối*

tuần cũng phải làm bài đội tuyển, nếu em không tìm gì chơi cho vui chắc em không chịu nổi". Như vậy, nhìn chung, học sinh THPT biết khá rõ ràng mình cần gì trong cuộc sống và làm gì để giữ gìn, duy trì điều đó.

Biểu hiện *"biết những nét tính cách tốt và xấu của mình"* có ĐTB xếp thứ 3 cho thấy học sinh THPT đã tìm hiểu và nhận ra được những nét tính cách nổi bật của mình. Qua phỏng vấn, NNC thu được kết quả chung là học sinh THPT cho rằng cần phải biết những tính tốt và tính xấu của mình để điều chỉnh những tính xấu cho tốt hơn, tính tốt của mình đã có thì cứ thế duy trì vì những nét tính cách tốt sẽ theo sát và mang lại ích lợi cho việc học tập cũng như việc đi làm sau này. Cụ thể, học sinh N. H. P. L, trường THPT Nguyễn Huệ, khi được phỏng vấn đã trả lời rằng: *"Em biết em cũng có những tính xấu mà tụi bạn không ưa. Ví dụ tụi nó bảo em hơi keo với bạn thân, hay xét nét cách nói chuyện của người khác. Em hơi tự ái nhưng nghĩ thấy tụi nó nói cũng có phần đúng, em cũng đang sửa mình"*. Khi được phỏng vấn thêm lý do học sinh này tìm hiểu để biết tính cách của mình, em đã trả lời rằng: *"Em nghĩ cần phải biết mình có tính tốt tính xấu gì thì mới sống hòa hợp với mọi người được, với lại mai mốt chọn nghề cũng phải xem tính mình như vậy làm nghề nào hợp hơn"*. Như vậy, kết quả về ĐTB mức độ biểu hiện của biểu hiện này cũng cho thấy dấu hiệu tích cực khi học sinh THPT đã biết về những nét tính cách tốt và xấu của mình.

Biểu hiện *"biết ngoại hình của mình có ưu/ nhược điểm gì"* có ĐTB cao thứ 4, chứng tỏ học sinh THPT nắm khá rõ về những ưu/ nhược điểm trong ngoại hình của mình. Lý giải về việc này, học sinh THPT cho rằng vẻ bề ngoài là những nét có thể nhìn thấy dễ dàng, do đó cũng dễ nhận ra những ưu hay nhược điểm. Các em biết được những lợi thế về ngoại hình của mình và dựa vào đó tận dụng được nhiều cơ hội như tham gia đội văn nghệ, dễ dàng kết bạn, xin việc làm bán thời gian, chụp ảnh quảng cáo cho một vài

studio trong thành phố...và biết cả những nhược điểm dễ khiến các em "mất điểm" hoặc "trượt mất cơ hội" để tìm cách khắc phục. Ví dụ, em Đ. T. H, trường THPT Vũng Tàu cho rằng: *"Em được cái cao hơn mấy bạn nên hay được chọn vô đội văn nghệ, được nhiều người biết tới và yêu quí hơn. Nếu em không có lợi thế chiều cao chưa chắc em đã được chọn"*, em khác thì phàn nàn: *"Em biết là em mập với đen nên nhiều khi tụi con trai không thích làm bạn với em, em đang tính giảm cân để mình đẹp hơn với dễ kết bạn hơn, sau này đi xin việc nhìn mình sáng sủa tí người ta cũng dễ ưu ái hơn"*. Dù các em hào hứng chia sẻ hay tỏ thái độ bi quan về ngoại hình của mình thì cũng cho thấy ở học sinh THPT đã có sự quan tâm và hiểu biết mình có những ưu hay nhược điểm gì.

Ngoài ra những biểu hiện có ĐTB cũng xếp ở mức độ cao khác bao gồm *"biết sở trường, sở đoản của mình"*, *"biết mình hứng thú với những lĩnh vực nào" và "biết ước mơ của mình là gì"*, *"biết về tình trạng sức khỏe của mình"* cũng chứng tỏ học sinh THPT quan tâm đến việc tìm hiểu và đã nắm khá rõ những nội dung này.

Cuối cùng là biểu hiện *"biết mình thường hay thể hiện trước mọi người phong thái nói năng, làm việc như thế nào"* có điểm trung bình thấp nhất và thấp hơn khá nhiều so với những nội dung khác. Học sinh THPT còn lúng túng khi được hỏi về điều này. Các em chia sẻ rằng hằng ngày cũng không để ý lắm đến vấn đề này nên cũng chưa biết rõ. Ngoài ra các em cũng cho biết bình thường cũng ít nghe ai góp ý về phong thái nói năng, làm việc nên cũng không để tâm đến khía cạnh này nhiều.

Đối với phương pháp tìm hiểu, phương pháp *"lắng nghe ý kiến nhận xét của người khác"* có ĐTB mức độ biểu hiện cao nhất bằng 3.63, chứng tỏ học sinh THPT nắm khá rõ về phương pháp. Lý giải cho điều này, học sinh THPT được phỏng vấn cho rằng đây là phương pháp rất phổ biến, có thể thực hiện

hằng ngày thông qua hoạt động học tập hằng ngày tại trường cũng như tại gia đình. Học sinh THPT có thể trình bày vấn đề với mọi người để họ đóng góp ý kiến hoặc đôi khi mọi người tự phản ánh lại những khía cạnh họ thấy cần phải chia sẻ. Sau khi lắng nghe nhận xét từ mọi người, học sinh THPT suy ngẫm để từ đó tích lũy thêm hiểu biết về đặc điểm của bản thân mình.

Phương pháp *"ghi nhật ký"* có ĐTB mức độ biểu hiện cao nhì bằng 3.60 thể hiện khả năng ứng dụng việc ghi nhật ký để tìm hiểu bản thân khá tốt. Học sinh đã biết cách tiến hành - tức là biết gì, suy ngẫm lại sau một thời gian để nhận ra những vấn đề của bản thân mình. Tuy nhiên, một số học sinh cũng chia sẻ rằng đôi khi số lượng bài tập ở trường nhiều hạn chế thời gian và nội dung ghi chép của các em.

Phương pháp *"phân tích SWOT"* có ĐTB mức độ biểu hiện xếp thứ 3 bằng 3.49. ĐTB khá cao và đây cũng là tín hiệu tích cực cho thấy học sinh THPT đã nắm được phương pháp. Học sinh THPT đã phần nào biết ứng dụng phương pháp này để tìm ra điểm mạnh của mình là gì, thừa nhận những điểm yếu để tìm cách khắc phục, phát hiện ra những cơ hội tốt cho bản thân trong học tập và cơ hội nghề nghiệp tương lai, những thách thức cần đối diện để vượt qua khó khăn.

Ba phương pháp còn lại có ĐTB mức độ biển hiện dao động từ 2.66 đến 3.09. Cụ thể biểu hiện *"biết tìm hiểu bản thân bằng cách làm các trắc nghiệm tâm lý"* có điểm trung bình bằng 3.09, *"biết tìm hiểu bản thân bằng cách thử trải nghiệm trong các môi trường khác nhau"* có điểm trung bình bằng 2.96, *"biết tìm hiểu bản thân bằng phương pháp sinh trắc, khám sức khỏe..."* có điểm trung bình bằng 2.66. Cả 3 phương pháp này đều có biểu hiện nằm ở mức trung bình. Học sinh THPT tuy đã biết qua về các phương pháp nhưng mức độ vận dụng vẫn chưa cao. Các em vẫn gặp khó khăn trong quá trình tiến hành tìm hiểu bản thân bằng những phương pháp này.

2.2.2.2. Kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông

Bảng 2.4. Biểu hiện cụ thể kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp

Biểu hiện		ĐTB	ĐLC	XL
Các đặc điểm về nghề nghiệp	1. Biết tìm ra danh sách các trường có đào tạo nghề mình quan tâm	3.33	1.15	TB
	2. Biết mức học phí của trường/ ngành mình quan tâm.	3.20	1.14	TB
	3. Biết yêu cầu về năng lực của một nghề nào đó.	3.19	1.11	TB
	4. Biết những công việc phải thực hiện hằng ngày của một nghề nào đó.	3.17	1.07	TB
	5. Biết thời gian đào tạo của trường/ ngành nào đó.	3.14	1.14	TB
	6. Biết đặc điểm môi trường làm việc của nghề mình quan tâm	3.13	1.08	TB
	7. Biết mức lương trung bình của nghề nào đó.	3.10	1.08	TB
	8. Biết mục tiêu đào tạo của ngành mình quan tâm.	3.09	1.05	TB
	9. Biết những khó khăn trong một nghề nào đó.	3.03	0.99	TB
	10. Biết chất lượng đào tạo của trường/ ngành mình quan tâm.	3.00	1.12	TB
	11. Biết yêu cầu về tính cách của một nghề nào đấy.	2.98	1.13	TB

	12. Biết phương pháp đào tạo của trường/ ngành nào đó.	2.94	1.13	TB
	13. Biết điều gì sẽ bổ trợ cho nghề mà mình quan tâm.	2.84	1.11	TB
	14. Biết những nơi có thể xin việc của một ngành nghề nào đó sau khi ra trường.	2.83	1.17	TB
Phương pháp tìm hiểu	1. Biết là để tìm hiểu về nghề nghiệp, có thể tham khảo sách, báo; truy cập internet...	3.36	1.06	TB
	2. Biết là để tìm hiểu về nghề nghiệp, có thể hỏi ông bà, cha mẹ, cô chú, bà con, láng giềng xung quanh mình...	3.19	1.00	TB
	3. Biết tìm cách tham quan, quan sát những người lao động trong môi trường làm việc của họ.	3.06	1.11	TB
	4. Biết lắng nghe ý kiến chuyên gia trong các hội thảo, ngày hội việc làm tại các câu lạc bộ/ nhà văn hóa.	2.99	1.06	TB

Đối với các đặc điểm về nghề nghiệp, biểu hiện có ĐTB cao nhất là *"biết tìm ra danh sách các trường có đào tạo nghề mình quan tâm"* cho thấy học sinh THPT đã biết tìm hiểu danh sách về nhiều trường khác nhau nhằm phục vụ cho việc gia tăng cơ hội lựa chọn trường để theo học. Học sinh cho rằng càng biết nhiều trường có đào tạo nghề mình quan tâm, các em càng có được

nhiều sự so sánh, như vậy sẽ không bỏ sót những trường đào tạo nghề phù hợp với mình nhất.

Kế đến, *"biết mức học phí của trường/ ngành mình quan tâm"* có ĐTB mức độ biểu hiện cao thứ hai cho thấy học sinh THPT có sự quan tâm đến khả năng chi trả của gia đình mình đối với ngành nghề mình theo học. Do đó, các em tìm hiểu và biết được đối với việc học tại các trường và cơ sở đào tạo nghề mình sẽ phải tốn mức phí bao nhiêu. Học sinh THPT cũng chia sẻ rằng sở dĩ các em quan tâm tới điều này vì không muốn cha mẹ phải buồn phiền, lo lắng.

Biểu hiện *"biết yêu cầu về năng lực của một nghề nào đó"* có ĐTB xếp cao thứ 3. Có thể thấy rằng học sinh THPT đã nắm được một cách tương đối những yêu cầu về năng lực chuyên môn cần có đối với nghề nghiệp nào đó. Điều này xuất phát từ sự quan tâm của các em về việc liệu bản thân có đủ năng lực để đáp ứng cho nghề nghiệp hay không. Lý giải về điều này, học sinh THPT cho rằng biết được yêu cầu năng lực của nghề nào đó sẽ giúp các em xác định được nên tập trung học môn nào cho giỏi giúp thi Đại học hoặc Cao đẳng dễ đậu hơn. Nhìn chung, ĐTB biểu hiện đã cho thấy mức độ nắm bắt thông tin của học sinh THPT về những năng lực cần phải có để đáp ứng cho nghề nghiệp và cũng tiết lộ phần nào động cơ tìm hiểu của các em.

Biểu hiện *"biết những công việc phải thực hiện hằng ngày của một nghề nào đó"* có ĐTB cao thứ 4 trong các đặc điểm về nghề nghiệp. Mức độ biểu hiện xếp loại trung bình cho thấy học sinh THPT đã biết tương đối về những công việc mà người lao động trong ngành nghề nào đó cần thực hiện. Học sinh THPT đã biết rằng một nghề nào đó có thể đòi hỏi ở người lao động phải thực hiện rất nhiều công việc nhỏ khác nhau để có thể đảm bảo năng suất lao động. Điển hình như em P. N. N. A cho biết: *"Mẹ em làm điều dưỡng, em biết hằng ngày mẹ phải làm những việc gì ở bệnh viện, em cũng thấy mấy thầy cô*

giáo phải làm nhiều việc khác nhau chứ không hẳn mỗi lên lớp giảng bài. Em nghĩ mỗi nghề đều có nhiều việc khác nhau phải làm. Vậy nên em mới tìm hiểu nghề em thích phải làm những việc gì trước rồi mới tính xem có nên theo không được". Nhìn chung, đây là dấu hiệu chứng tỏ được sự quan tâm nghiêm túc của học sinh THPT đối với vấn đề nghề nghiệp.

Những biểu hiện khác có ĐTB dao động từ mức 3.00 đến 3.14 cũng thể hiện được mức độ nắm bắt nội dung đặc điểm về nghề nghiệp của học sinh THPT ở mức trung bình bao gồm *"biết chất lượng đào tạo của trường/ ngành mình quan tâm"* xếp cao thứ 10; *"biết những khó khăn trong nghề nào đó"* xếp cao thứ 9; *"biết mục tiêu đào tạo của ngành mình quan tâm"* xếp cao thứ 8; *"biết mức lương trung bình của nghề nào đó"* xếp cao thứ 7; *"biết đặc điểm môi trường làm việc của nghề mình quan tâm"* xếp cao thứ 6 và *"biết thời gian đào tạo của trường/ ngành nào đó"* xếp cao thứ 5.

"Biết yêu cầu về tính cách của một nghề nào đấy" có mức độ biểu hiện xếp thứ 11 cho thấy học sinh THPT chưa tìm hiểu kỹ về đặc điểm này. Qua phỏng vấn, một số học sinh THPT cho rằng chỉ cần quan tâm đến năng lực mà nghề nào đó yêu cầu là đủ để làm việc và gắn bó lâu dài với nghề. Độ lệch chuẩn của biểu hiện này tương đối cao hơn so với biểu hiện khác cũng lý giải không phải học sinh nào cũng tìm hiểu để biết về những yêu cầu tính cách của nghề nghiệp, có những em quan tâm tìm hiểu và nắm khá rõ nhưng cũng có những em không biết đến vấn đề này.

"Biết phương pháp đào tạo của trường/ ngành nào đó" có mức độ biểu hiện xếp thứ 12 cho thấy học sinh THPT chưa biết nhiều về phương pháp đào tạo ở các trường Đại học/ Cao đẳng/ Cơ sở dạy nghề hiện nay. Các em còn khá bỡ ngỡ với những phương pháp như đào tạo theo tín chỉ, đào tạo từ xa..., ưu cũng như nhược điểm của những phương pháp này. Học sinh THPT lý giải rằng quá trình học phổ thông của các em từ cấp 1 đến cấp 3 đều chỉ được

đào tạo theo niên chế nên đã quen với điều này và không hoặc ít nghe ai nhắc tới phương pháp đào tạo khác. Tuy nhiên, khi phân tích kết quả độ lệch chuẩn của biểu hiện này, NNC nhận thấy độ lệch chuẩn tương đối cao chứng tỏ có sự chênh lệch trong mức độ biểu hiện giữa những học sinh tham gia khảo sát. Như vậy ngoài những em không biết rõ về phương pháp đào tạo của trường/ nghề nào đó vẫn có những em biết khá rõ vấn đề này.

"Biết điều gì sẽ bổ trợ cho nghề mà mình quan tâm" có ĐTB mức độ biểu hiện xếp thứ 13, điều này cho thấy học sinh THPT vẫn chưa biết rõ những tri thức hay bằng cấp sẽ giúp ích cho nghề nghiệp của các em trong tương lai. Lý do được các em cho rằng việc học những môn văn hóa ở trường phổ thông khiến các em mất rất nhiều thời gian nên ít khi quan tâm xem có cần phải bổ trợ thêm điều gì khác cho bản thân. Có em chia sẻ rằng: *"Trước giờ em nghĩ học giỏi Toán Lí Hóa là đủ, tại muốn thi vô kế toán, chuyện học thêm gì khác em chưa nghĩ đến"*.

Xếp cuối cùng về mức độ biểu hiện các đặc điểm về nghề nghiệp là *"biết những nơi có thể xin việc của một ngành nghề nào đó sau khi ra trường"*. Lý giải về điều này, học sinh THPT cho rằng các em chưa có sự quan tâm lắm đến việc tìm hiểu về nơi cụ thể để xin việc làm. Tuy nhiên, học sinh cũng chia sẻ các em mong muốn làm ở những nơi có vị trí gần nhà. Điển hình như em T. T. Đ chia sẻ: *"Em nghĩ giờ còn quá sớm để tính tới chuyện sẽ xin việc ở đâu. Em nghĩ chỉ cần làm gần nhà là được"*. Tuy nhiên, khi phân tích kết quả dựa trên độ lệch chuẩn của biểu hiện này, NNC nhận thấy độ lệch chuẩn là khá cao. Như vậy, có thể thấy không hẳn mọi học sinh THPT đều chưa quan tâm, biết rõ đến nơi có thể xin việc, cũng có những em đã tìm hiểu về vấn đề này.

Đối với phương pháp tìm hiểu, chúng tôi nhận thấy phương pháp *"tham khảo sách, báo; truy cập internet viết về các nghề"* có ĐTB mức độ biểu hiện

cao nhất cho thấy học sinh THPT đã biết ứng dụng phương pháp trên một cách hiệu quả. Học sinh THPT cho rằng đây là 1 phương pháp khá phổ biến mà các em thường dùng trong việc tìm hiểu nghề nghiệp, mang tính chủ động cao, đa dạng về thông tin. Tuy nhiên đôi khi học sinh không biết thông tin tham khảo được là đúng hay sai. Các em chưa tìm ra cách khắc phục nhược điểm của phương pháp này.

Phương pháp *"hỏi ông bà, cha mẹ, cô chú, bà con, láng giềng xung quanh mình..."* có ĐTB mức độ biểu hiện cao thứ nhì. Điều này cho thấy đây là phương pháp học sinh nắm rõ thứ hai sau phương pháp *"tham khảo sách, báo; truy cập internet viết về các nghề"*. Học sinh THPT thường đưa ra những thắc mắc về những nghề mà các em quan tâm với người lớn và bạn bè xung quanh. Nội dung hỏi xoay quanh những vấn đề như danh sách trường đào tạo nghề, học phí đào tạo, môi trường làm việc, yêu cầu về năng lực...Tuy nhiên đôi khi có những vấn đề các em cho rằng quan trọng nhưng lại ngại hỏi như mức lương trung bình của nghề. Một số học sinh khác lại cho rằng lý do phương pháp này của các em chỉ biểu biện ở mức trung bình là do các em cũng chưa biết gì nhiều về những điều cần phải hỏi, các em tiếp nhận thông tin khá thụ động. NNC đã gợi ý cho các em này những nội dung nên hỏi thăm về nghề nghiệp để góp phần hỗ trợ các em.

Phương pháp có ĐTB mức độ biểu hiện cao thứ 3 là *"tham quan, quan sát những người lao động trong môi trường làm việc của họ"* cho thấy học sinh THPT cũng đã biết tìm hiểu nghề nghiệp bằng phương pháp trên ở mức trung bình. Học sinh chia sẻ thông qua phương pháp này các em đã quan sát được cách làm việc, những công việc hằng ngày của người lao động trong nghề các em quan tâm. Học sinh THPT đã so sánh được thông tin nghề nghiệp giữa thực tế quan sát được và lý thuyết về nghề nghiệp đã tìm hiểu bằng những phương pháp khác. Tuy nhiên không phải lúc nào cũng có thời

gian và điều kiện để làm việc đó. Các em vẫn chưa thực hành được phương pháp này nhiều. Điển hình trường hợp của em T. T. Đ trường THPT Nguyễn Huệ, em này chia sẻ: *"Em chỉ có dịp tham quan chỗ làm của bố em khi nào bố em dắt tới đó thôi. Còn bình thường, nếu không có người lớn, người ta sẽ không cho vào"*.

Phương pháp có ĐTB mức độ biểu hiện thấp nhất là *"lắng nghe ý kiến chuyên gia trong các hội thảo, ngày hội việc làm tại các câu lạc bộ, nhà văn hóa"*, chứng tỏ học sinh THPT vẫn chưa vận dụng được tốt phương này để tìm hiểu nghề nghiệp. Lý giải cho việc ĐTB mức độ biểu hiện tương đối thấp như trên học sinh THPT cho rằng khu vực các em sống nhà văn hóa rất ít khi tổ chức ngày hội việc làm nên khi tổ chức thì các em còn bỡ ngỡ, chưa quen với việc tham gia tìm hiểu, trao đổi thông tin bằng cách này. Bên cạnh đó, giờ tổ chức hội thảo lại trùng với giờ học thêm, học bồi dưỡng nên các em khó tham gia. Học sinh THPT cho rằng phương pháp này kém thân thiện với các em. Điều này cũng lý giải tại sao ĐTB mức độ biểu hiện của phương pháp này lại kém hơn so với các phương pháp khác. Ví dụ trường hợp của em H. T. H. N, lớp 10, trường Vũng Tàu chia sẻ: *"Trường em cũng có tổ chức mời các công ty tư vấn du học về giới thiệu về các trường và nghề nghiệp nhưng chủ yếu họ quảng bá về công ty họ, giờ chào cờ lại ngắn nên tụi em cũng không trao đổi được nhiều"*.

2.2.2.3. Kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông

Bảng 2.5. Biểu hiện cụ thể của kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp

Biểu hiện		ĐTB	ĐLC	XL
Phương pháp kiểm tra sự phù hợp giữa người và nghề	1. Đối chiếu để tìm hiểu mức độ tương thích giữa mình và yêu cầu của nghề mình muốn chọn.	3.44	0.97	Cao
	2. Kiểm tra sự phù hợp giữa bản thân với nghề bằng cách sử dụng trắc nghiệm hướng nghiệp hoặc mô hình cho điểm để tính độ phù hợp.	3.18	1.08	TB
	3. Kiểm tra sự phù hợp giữa bản thân với nghề bằng cách làm thử một phần của công việc tương lai.	3.04	1.01	TB
Phương pháp ra quyết định	4. Chọn ra nghề/nhóm nghề tối ưu nhất cho mình.	2.84	1.06	TB
	5. Triển khai phương án nghề nghiệp mà mình đã chọn.	2.64	1.02	TB
Phương pháp vượt qua khó khăn	6. Xác định những khó khăn trong quá trình chọn nghề mà mình đang hoặc sẽ gặp.	2.75	1.05	TB
	7. Vượt qua các khó khăn.	2.56	1.09	Thấp

Ở nhóm phương pháp *"kiểm tra sự phù hợp giữa người và nghề"*, chúng

tôi nhận thấy mức độ biểu hiện *"đối chiếu để tìm hiểu mức độ tương thích giữa mình và yêu cầu của nghề mình muốn chọn"* là cao nhất cho thấy học sinh THPT đã biết nhận ra sự phù hợp giữa bản thân và nghề nghiệp bằng cách đối chiếu những đặc điểm của bản thân với những yêu cầu của nghề nghiệp nào đó. Học sinh THPT cho rằng các em làm khá tốt việc đối chiếu để xác định độ phù hợp vì khi đã tìm hiểu để biết về những đặc điểm của bản thân và nghề nghiệp từ trước đó rồi. Điển hình như em N. T. G chia sẻ: *"Em thấy chỉ cần tìm hiểu bản thân và nghề nghiệp cho tốt trước thì chuyện đối chiếu xem mình có hợp nghề không cũng không có gì khó khăn. Nhưng phải làm tốt hai chuyện kia trước chứ không thì lúc mà mình đối chiếu, so sánh sẽ bị lủng củng, bỏ sót nhiều thứ. Như vậy kiểm tra độ phù hợp không chính xác"*.

Kế đến, mức độ biểu hiện *"kiểm tra sự phù hợp giữa bản thân với nghề bằng cách sử dụng trắc nghiệm hướng nghiệp hoặc mô hình cho điểm để tính độ phù hợp"* xếp thứ nhì. Như vậy có thể thấy rằng sử dụng trắc nghiệm hướng nghiệp hoặc mô hình cho điểm cũng là phương pháp hỗ trợ khá đắc lực cho học sinh THPT kiểm tra độ phù hợp. Học sinh THPT cho rằng đây là phương pháp khá thú vị vì các trắc nghiệm tính độ phù hợp có nội dung phong phú, câu hỏi dễ hiểu do đó mang đến hứng thú cho các em tiến hành làm nhiều bài trắc nghiệm khác nhau.

Cuối cùng, mức độ biểu hiện *"kiểm tra sự phù hợp giữa bản thân với nghề bằng cách làm thử một phần của công việc tương lai"* xếp thứ 3. Thực tế, học sinh THPT cho rằng làm thử một phần công việc nào đó là không hề đơn giản. Các em phải cân bằng giữa giờ học chính khóa trên lớp, học thêm và giờ giấc làm thêm hoặc cân bằng giữa thời gian dành cho việc làm bài tập về nhà và thời gian hoàn thành công việc được giao ở nơi các em xin làm việc. Ví dụ, em N. N. B. T lớp 12, chia sẻ: *"Ngoài giờ học ra em có làm*

người mẫu ảnh cho một studio. Làm việc chung với mấy anh chị lớn nên cũng nghiêm khắc về giờ giấc. Đôi lúc để có hình và bối cảnh đẹp em cũng mệt lắm ạ". Khi được phỏng vấn sâu hơn lý do vì sao cố gắng làm việc, em này cho hay: *"Tuy mệt nhưng làm cũng giúp em biết thêm nhiều. Nghề người mẫu không dễ như em từng nghĩ. Phải biết cách tạo kiểu lúc chụp, phải giữ dáng đẹp, da đẹp, học cách đi đứng, ăn mặc nữa, bối cảnh chụp có khi trong nhà, có khi ngoài trời nên phải di chuyển nhiều. Theo nghề này cũng cần sức khỏe tốt chứ không đơn giản nhưng em lại thấy em hợp nghề này vì tính ra ngoại hình với phong cách em khá hợp, chỉ cần cố gắng giữ dáng với sức khỏe thôi"*. Nhìn chung, không phải bất cứ học sinh THPT nào cũng sử dụng phương pháp làm thử một phần công việc tương lai để tính độ phù hợp giữa người và nghề. Lý do được một số học sinh cho rằng chưa có điều kiện để làm, số khác lại e ngại chưa đủ năng lực. Các em chia sẻ mình hỏi thăm kinh nghiệm từ các bạn có làm việc để suy nghĩ xem nghề nào đó có hợp với mình không.

Ở nhóm "ra quyết định", có thể thấy rằng *"chọn ra nghề/nhóm nghề tối ưu nhất cho mình"* có mức độ biểu hiện cao hơn *"triển khai phương án nghề nghiệp mà mình đã chọn"*. Tuy nhiên, mức độ biểu hiện hai phương pháp này vẫn còn khá thấp. Điều này cho thấy học sinh THPT vẫn chưa biết cách đưa ra quyết định nghề nghiệp cho bản thân mình. Lý giải về điều này, học sinh THPT cho rằng khi phải ra quyết định, các em còn gặp phải nhiều khó khăn, cản trở từ bên ngoài làm cho mình trở nên do dự, phân vân không biết nên quyết định ra sao. Cụ thể, có em chia sẻ rằng: *"Em đã xác định được vài nghề hợp với mình rồi nhưng khi nói ra với bố mẹ thì bố mẹ không chịu, không đồng ý cho em theo nên em vẫn chưa biết tính sao."* Nhìn chung, học sinh cho rằng chính vì các em chưa thể chọn ra nghề tối ưu nhất cho mình nên chưa vạch ra phương án nghề nghiệp rõ ràng. Điều này có nghĩa là học

sinh vẫn chưa lập ra được kế hoạch đầu tư vào những môn học cụ thể nào, cần bổ trợ thêm tri thức gì, thời gian phân bổ cho từng việc ra sao để đạt được mục tiêu nghề nghiệp đã chọn. Cụ thể, một em nam trường Chuyên Lê Quí Đôn chia sẻ rằng: *"Em chưa chọn được nghề nào hết nên giờ hỏi em về lập kế hoạch thì cũng chưa có. Tại chưa biết theo nghề nào thì lập kế hoạch sao được chị."*, học sinh nữ khác cùng lớp với em này trả lời rằng: *"Kế hoạch nghề nghiệp thì cũng có. Nhưng em cũng mới chỉ xác định được sẽ thi khối gì, trường nào, học thêm thầy cô nào thôi. Nói chung cũng kế hoạch của em cũng chỉ liên quan tới vụ thi Đại học"*.

Cuối cùng, đối với nhóm *"vượt qua khó khăn"*, có thể thấy rằng đây là nhóm phương pháp có mức độ biểu hiện thấp nhất trong kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp của học sinh THPT. ĐTB mức độ biểu hiện ở mức trung bình phản ánh thực tế học sinh THPT chưa biết cách để xác định và vượt qua khó khăn gặp phải trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp. Lý giải cho mức độ biểu hiện chỉ nằm ở mức trung bình, học sinh THPT bày tỏ rằng các em ít khi nghĩ đến việc xác định khó khăn đang cản trở mình mà chỉ biết được những điều dễ dàng nhận thấy như khả năng học môn nào đó kém hoặc nghề nào đó cha mẹ không thích. Chính vì không xác định rõ khó khăn nên học sinh cũng không đưa ra được phương án giải quyết khó khăn của mình. Các em chưa lập được kế hoạch cụ thể để tháo gỡ từng khó khăn. Các em cho rằng lý do của việc này là các em không được cha mẹ và các thầy cô hỗ trợ nhiều nên không biết bắt đầu công việc từ đâu. Bên cạnh đó, thông qua phỏng vấn, NNC cũng nhận được sự chia sẻ từ phía học sinh THPT rằng các em mong muốn được thầy cô và cha mẹ song hành cùng mình trong quá trình xác định và vượt qua khó khăn.

2.2.3. So sánh mức độ biểu hiện kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông theo các nhóm khách thể khác nhau

Bảng 2.6. Kết quả so sánh mức độ biểu hiện kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT theo các nhóm khách thể khác nhau

		KN THBT		KN THNN		KN LCNN		KN ĐHNN	
		ĐTB	**MYN**	**ĐTB**	**MYN**	**ĐTB**	**MYN**	**ĐTB**	**MYN**
Giới tính	Nam	3.39	0.007 *	3.09	0.910	2.96	0.481	3.15	0.639
	Nữ	3.55		3.08		2.90		3.18	
Hứng thú	Đã có	3.59	0.000 *	3.19	0.000 *	3.00	0.002 *	3.26	0.000 *
	Chưa có	3.27		2.38		2.71		2.94	
Cha mẹ giúp đỡ	Có	3.20	0.045 *	3.13	0.012 *	2.94	0.355	3.20	0.045 *
	Không	3.06		2.91		2.84		3.06	
Trường	CLQĐ	3.56	0.297	3.13	0.427	3.05	0.963	3.25	0.473
	VT	3.49		3.06		3.04		3.20	
	CLQĐ	3.56	0.088	3.13	0.476	3.05	0.000 *	3.25	0.004 *
	NH	3.45		3.07		2.62		3.05	
	VT	3.49	0.543	3.06	0.914	3.04	0.000 *	3.20	0.035 *
	NH	3.45		3.07		2.62		3.05	
Khối	10	3.38	0.006 *	2.99	0.436	2.54	0.029 *	2.97	0.023
	11	3.57		3.05		2.75		3.12	
	10	3.38	0.005 *	2.99	0.007 *	2.54	0.000 *	2.97	0.000 *
	12	3.57		3.23		3.49		3.43	
	11	3.57	0.981	3.05	0.048 *	2.75	0.000 *	3.12	0.000 *
	12	3.57		3.23		3.49		3.43	

*: Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, mức ý nghĩa là 95%

Về kỹ năng tìm hiểu bản thân:

Có sự khác biệt về mức độ biểu hiện kỹ năng tìm hiểu bản thân theo nhóm *"giới tính"*, mức ý nghĩa bé hơn 0.05. ĐTB mức độ biểu hiện của học sinh nữ cao hơn học sinh nam. Lý giải về điều này học sinh THPT cho rằng các em nữ thường hay tỉ mỉ hơn, quan tâm tìm hiểu bản thân nhiều hơn nên tìm hiểu về bản thân tốt hơn.

Có sự khác biệt về mức độ biểu hiện kỹ năng tìm hiểu bản thân theo nhóm đã có cha mẹ giúp đỡ và nhóm không được cha mẹ giúp đỡ, mức ý nghĩa bé hơn 0.05. ĐTB mức độ biểu hiện của học sinh đã có cha mẹ giúp đỡ cao hơn học sinh không được cha mẹ giúp đỡ. Học sinh THPT cho rằng những em được cha mẹ giúp đỡ thì được hỗ trợ, tạo điều kiện để kỹ năng được phát triển hơn.

Có sự khác biệt về mức độ biểu hiện kỹ năng tìm hiểu bản thân giữa khối 10 và 11, khối 10 và 12, mức ý nghĩa bé hơn 0.05. ĐTB mức độ biểu hiện của học sinh khối 12 và 11 cao hơn khối 10. Lý giải về sự khác biệt trên, học sinh THPT cho rằng học sinh khối 11 và 12 lớn hơn, kinh nghiệm sống nhiều hơn nên cũng tìm hiểu bản thân tốt hơn học sinh khối 10.

Về kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp:

Có sự khác biệt về ĐTB mức độ biểu hiện kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp giữa nhóm học sinh đã có hứng thú với nghề nào đó và học sinh chưa có hứng thú với nghề nào, mức ý nghĩa bé hơn 0.05. ĐTB mức độ biểu hiện kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp của nhóm học sinh đã có hứng thú với nghề nào đó cao hơn học sinh chưa có hứng thú với nghề nào đó. Lý giải về điều này, học sinh THPT cho rằng những em có hứng thú với nghề nào đó trước rồi thì sẽ có động lực tìm hiểu về nghề các em thích và cả những nghề liên quan. Do đó các em có hứng thú sẽ nắm rõ hơn về cả các đặc điểm về nghề nghiệp cũng như các phương pháp tìm hiểu.

Có sự khác biệt về ĐTB mức độ biểu hiện kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp giữa nhóm học sinh được cha mẹ giúp đỡ và nhóm học sinh không được cha mẹ giúp đỡ hướng nghiệp, mức ý nghĩa bé hơn 0.05. ĐTB mức độ biểu hiện kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp của nhóm học sinh được cha mẹ giúp đỡ cao hơn học sinh không được cha mẹ giúp đỡ. Học sinh THPT giải thích rằng những em được cha mẹ giúp đỡ thì sẽ thuận lợi hơn trong quá trình tìm hiểu nghề nghiệp, cha mẹ sẽ nhắc nhở các em và các em cũng nhận được sự gợi ý nhiều hơn.

Có sự khác biệt về ĐTB mức độ biểu hiện kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp giữa học sinh khối 10 và 12 cũng như khối 11 và 12, mức ý nghĩa bé hơn 0.05. ĐTB mức độ biểu hiện kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp của học sinh khối 12 là cao hơn so với khối 11 và khối 10. Lý giải về điều này, học sinh THPT cho rằng học sinh khối 12 ra trường sớm hơn nên cũng phải đối mặt với vấn đề lựa chọn nghề nghiệp nhiều hơn. Do đó, học sinh khối 12 cần có sự tìm hiểu về nghề nghiệp nhiều hơn, nắm rõ thông tin về nghề nghiệp hơn học sinh khối 10 và 11.

Về kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp:

Có sự khác biệt về ĐTB mức độ biểu hiện kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp giữa nhóm học sinh đã có hứng thú với nghề nào đó và học sinh chưa có hứng thú với nghề nào đó, mức ý nghĩa bé hơn 0.05. ĐTB mức độ biểu hiện của học sinh đã có hứng thú với nghề nào đó cao hơn so với ĐTB của hoc sinh chưa có hứng thú. Lý giải cho sự khác biệt trên, học sinh THPT cho rằng những em có hứng thú sẵn với nghề nào đó rồi thì sẽ có xu hướng lựa chọn những nghề này, ít mất thời gian tìm hiểu hay phân vân như những em khác.

Có sự khác biệt về ĐTB mức độ biểu hiện kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp giữa nhóm học sinh trường Chuyên Lê Quí Đôn và Nguyễn Huệ cũng như giữa trường Vũng Tàu và Nguyễn Huệ, mức ý nghĩa bé hơn 0.05. Lý giải về

điều này những học sinh được phỏng vấn của trường Nguyễn Huệ cho rằng các em học sinh trường Chuyên và trường Vũng Tàu có mặt bằng chung học tốt hơn nên biết cách lựa chọn nghề nghề nghiệp tốt hơn. Tuy nhiên, nhóm học sinh được phỏng vấn trường Chuyên Lê Quí Đôn lại không cho rằng như vậy nhưng các em vẫn chưa đưa ra được giải thích cụ thể.

Có sự biệt về ĐTB mức độ biểu hiện kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp giữa học sinh khối 10 và 12 cũng như khối 11 và 12. ĐTB mức độ kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp của học sinh khối 12 cao hơn khối 10 và 11. Lý giải cho điều này, học sinh THPT cho rằng khối 12 sắp phải lựa chọn ngành nghề nên phải rèn luyện kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp nhiều hơn tức là nắm vững các phương pháp lựa chọn nghề nghiệp hơn. Còn khối 11 cũng sắp bước vào năm cuối cấp nên cũng suy nghĩ và bước đầu tiến hành việc lựa chọn nghề nghiệp nghiêm túc hơn so với khối 10.

Tóm lại, có sự khác biệt về mức độ biểu hiện kỹ năng định hướng nghề nghiệp giữa nhóm học sinh đã có hứng thú và chưa có hứng thú với nghề nào đó, giữa học sinh được cha mẹ giúp đỡ và không được cha mẹ giúp đỡ, giữa học sinh trường THPT Nguyễn Huệ và hai trường còn lại, giữa khối 12 và hai khối còn lại, mức ý nghĩa bé hơn 0.05.

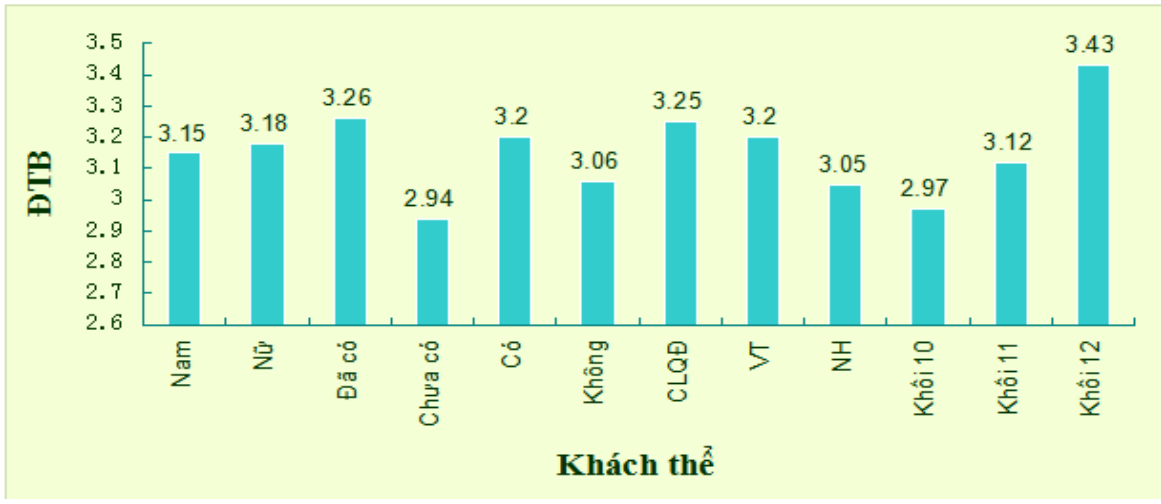

Biểu đồ 2.1: ĐTB kỹ năng định hướng nghề nghiệp theo các nhóm khách thể

2.2.4. Một số yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông

Bảng 2.7. Kết quả tự đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT

Các nhóm yếu tố		**ĐTB**	**ĐTB nhóm**	**Mức độ**
Bản thân nghề nghiệp	1. Môi trường, điều kiện làm việc của nghề	3.91	3.69	Nhiều
	2. Điều kiện học nghề (mức học phí, vị trí địa lý của trường đào tạo...)	3.81		
	3. Địa vị và cơ hội thăng tiến trong nghề	3.69		
	4. Mức thu nhập của nghề	3.65		
	5. Tấm gương thành công trong nghề	3.40		
Gia đình	6. Điều kiện kinh tế	3.58	3.33	TB
	7. Nguyện vọng của cha mẹ	3.08		
Xã hội	8. Nhu cầu của xã hội về nghề nghiệp đó	3.82	3.31	TB
	9. Phương tiện truyền thông	3.12		
	10. Các buổi tham vấn hướng nghiệp do các trường Đại học, Cao đẳng tổ chức tại trường phổ thông	2.97		
Nhà trường	11. Lời khuyên của thầy cô	2.98	2.83	TB
	12. Ý kiến của bạn bè	2.69		

Nhóm yếu tố có ĐTB mức độ ảnh hưởng cao nhất theo đánh giá của học sinh là *"bản thân nghề nghiệp"*. Kết quả này cho thấy nhóm yếu tố trên ảnh hưởng nhiều đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT. Cụ thể:

Yếu tố có mức độ ảnh hưởng cao nhất là *"môi trường, điều kiện làm việc của nghề"*. Học sinh THPT cho rằng thông tin về một môi trường làm việc thân thiện, thoải mái, người lãnh đạo và đồng nghiệp lý tưởng của một nghề nào đó sẽ khiến các em có hứng thú tìm hiểu thêm về nghề nghiệp đó và những nghề có liên quan để so sánh. Như vậy, phạm vi tìm hiểu về nghề nghiệp sẽ được mở rộng hơn.

Yếu tố có mức độ ảnh hưởng cao nhì là *"điều kiện học nghề"*. Điểm trung bình mức độ ảnh hưởng của yếu tố cho phép kết luận về sự quan tâm của học sinh THPT đến mức học phí, vị trí địa lý của trường đào tạo,... là khá cao. Các em cho rằng mức học phí có ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn trường hoặc cơ sở đào tạo nghề vì nó liên quan đến khả năng chi trả của gia đình, vị trí địa lý quá xa xôi hình thành tâm lý e ngại trong quá trình tìm hiểu nghề nghiệp.

Hai yếu tố có mức độ ảnh hưởng cao thứ ba và thứ tư theo đánh giá của học sinh THPT là *"địa vị và cơ hội thăng tiến trong nghề"* và *"mức thu nhập của nghề"*. Điểm trung bình như trên phản ảnh mong muốn của học sinh THPT đối với việc được thăng chức trong công việc tương lai và nguồn thu nhập mà công việc mang lại cho các em. Học sinh THPT cho rằng làm ở cấp bậc cao, tiền lương nhiều thì sẽ đáp ứng đầy đủ cho cuộc sống, suy nghĩ này phần nào ảnh hưởng đến việc tìm hiểu và lựa chọn nghề nghiệp của học sinh.

Yếu tố có ĐTB thấp nhất trong nhóm "bản thân nghề nghiệp" là "tấm gương thành công trong nghề". Lý giải về điều này học sinh THPT cho rằng sự nổi tiếng, giàu có và những thành tích mà những người đi trước đạt được

đôi khi làm các em muốn theo nghề mà quên mất khả năng và tính cách của mình có phù hợp với nghề đó hay không.

Nhóm yếu tố có ĐTB mức độ ảnh hưởng cao thứ nhì là *"gia đình"* và gây ảnh hưởng ở mức trung bình đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT. Cụ thể:

Yếu tố *"điều kiện kinh tế gia đình"* có ĐTB mức độ ảnh hưởng cao hơn yếu tố "nguyện vọng của cha mẹ". Lý giải về điều này, học sinh THPT cho rằng tuy rằng nguyện vọng của cha mẹ có thể khác với quyết định chọn nghề của các em nhưng các em có thể tìm cách thuyết phục họ thay đổi ý kiến dần dần. Tuy nhiên học sinh lại cho rằng, nếu gia đình không đủ tiềm lực về kinh tế sẽ không thể chu cấp cho việc sinh hoạt và học nghề của các em trong nhiều năm.

Như vậy có thể thấy rằng theo đánh giá của học sinh, điều kiện kinh tế có ổn định hay không tác động khá lớn đến việc chọn nghề của học sinh THPT. Bên cạnh đó, ý kiến của cha mẹ cũng góp phần cản trở kỹ năng định hướng nghề nghiệp của các em.

Nhóm yếu tố có ĐTB mức độ ảnh hưởng cao thứ ba là *"xã hội"*, cho thấy theo đánh giá của học sinh THPT thì những tác nhân về mặt xã hội gây ảnh hưởng đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp của các em ở mức trung bình. Cụ thể:

Yếu tố *"nhu cầu của xã hội về nghề nghiệp"* có ĐTB mức độ ảnh hưởng cao hơn "phương tiện truyền thông" và "các buổi tham vấn hướng nghiệp do các trường Đại học, Cao đẳng tổ chức tại trường phổ thông" theo lựa chọn của học sinh. Học sinh THPT vẫn chưa đưa ra được sự lý giải cho sự ảnh hưởng của những yếu tố này.

Nhóm yếu tố có ĐTB mức độ ảnh hưởng thấp nhất theo đánh giá của học sinh THPT là *"nhà trường"*. Trong đó:

Yếu tố *"lời khuyên của thầy cô"* có ĐTB mức độ biểu hiện cao hơn "ý kiến của bạn bè". Giải thích cho sự đánh giá này của mình, học sinh THPT chia sẻ rằng mặc dù bạn bè là những người cùng học, cùng vui chơi với các em, tuy nhiên bạn bè không có kinh nghiệm sống nhiều bằng thầy cô giáo nên lời nói của thầy cô vẫn đáng tin hơn.

Như vậy, dựa vào sự giải thích của học sinh THPT, có thể thấy rằng lời khuyên của thầy cô gây ảnh hưởng đến quá trình định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT hơn ý kiến của bạn bè.

2.3. Đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông

Như lý luận ở chương 1, kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông biểu hiện qua ba kỹ năng thành phần, đó là: kỹ năng tìm hiểu bản thân, kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp và kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp. Do đó, NNC cho rằng thực chất của việc nâng cao kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông là nâng cao ba kỹ năng thành phần nói trên. Tuy nhiên, dựa trên kết quả nghiên cứu thực trạng, NNC nhận thấy mức độ biểu hiện ba kỹ năng thành phần của kỹ năng định hướng nghề nghiệp là không bằng nhau. Kết hợp với thông tin từ việc phỏng vấn sâu, ở đề tài này, NNC đề xuất biện pháp nâng cao từng kỹ năng thành phần để cụ thể hóa được vấn đề cần cải thiện, tránh tình trạng biện pháp mang tính hỗ trợ chung chung, không mang lại hiệu quả cao.

Do giới hạn về mặt thời gian và nội dung phiếu khảo sát dành cho trường phổ thông cần đảm bảo tính súc tích, không làm ảnh hưởng đến thời gian học tập của học sinh theo yêu cầu của lãnh đạo nhà trường, trong phạm vi đề tài này NNC chưa thể tiến hành khảo nghiệm tính thiết thực và tính khả thi cho các biện pháp. Tuy nhiên, NNC cho rằng về mặt lý thuyết vẫn cần phải đề

xuất các biện pháp để có thể tiến hành khảo nghiệm và ứng dụng vào thực tế khi có đầy đủ điều kiện về mặt thời gian cũng như sự cho phép của lãnh đạo các trường phổ thông. Các biện pháp nhằm hỗ trợ học sinh Trung học phổ thông nâng cao kỹ năng định hướng nghề nghiệp được đề ra như sau:

2.3.1. Biện pháp nâng cao kỹ năng tìm hiểu bản thân

Biện pháp 1: Thay đổi cách tổ chức tiết Sinh hoạt lớp với mục tiêu hướng vào việc giúp học sinh rèn luyện việc tìm hiểu về các đặc điểm khí chất của bản thân

Dựa trên kết quả phỏng vấn học sinh THPT của NNC thì cách tổ chức tiết Sinh hoạt lớp tại các trường phổ thông ở thành phố Vũng Tàu tính đến thời điểm phỏng vấn vẫn chưa tận dụng được hết ý nghĩa quĩ thời gian của tập thể. Do đó, biện pháp này giúp học sinh THPT có cơ hội tìm hiểu về các đặc điểm của bản thân qua góp ý của bạn bè.

Cách tiến hành:

Thay vì tổ chức theo lối truyền thống, tức là giáo viên chủ nhiệm yêu cầu Ban cán sự lớp báo cáo lỗi vi phạm của học sinh trong tuần trước cả lớp, khiển trách học sinh phải sửa đổi theo cách giáo viên đề ra, giáo viên cho là tốt hoặc biến tiết Sinh hoạt lớp thành giờ làm bài tập cho môn học khác..., giáo viên chủ nhiệm tổ chức lớp thành nhiều nhóm thành phần. Mỗi nhóm sẽ tự hoạt động với nhau bằng cách góp ý tế nhị qua thư tay về cách nói năng, làm việc, động viên nhau cùng phát triển để các em không bị xấu hổ trước lớp và có cơ hội hiểu nhau hơn. Qua mỗi tiết Sinh hoạt như vậy, chính học sinh sẽ hỗ trợ lẫn nhau, rèn luyện qua thời gian dài để hình thành nên kỹ năng tìm hiểu bản thân mà cụ thể là tìm hiểu về phong thái nói năng, làm việc của chính các em. Giáo viên chủ nhiệm ghi chú sự tiến bộ qua từng tuần của học sinh và trao đổi với phụ huynh qua sổ liên lạc, email, họp phụ huynh hoặc

qua điện thoại.

Biện pháp 2: Tạo ra môi trường mới cho học sinh được thử nghiệm bản thân

Cách tiến hành:

Giáo viên chủ nhiệm hoặc bộ môn trao đổi với nhau để tổ chức những buổi tham quan, du lịch gần hoặc xa; hoạt động ngoài trời như trồng cây trang trí cho trường, trò chơi thể thao có sự giám sát và hướng dẫn của giáo viên bộ môn Thể dục để tránh học sinh tham gia trò chơi không đúng cách dẫn đến chấn thương; soạn đề và tổ chức thi đố vui khoa học có thưởng để khuyến khích học sinh tham gia. Những hoạt động như trên nhằm mục đích tạo ra môi trường mới mẻ để học sinh có cơ hội thử sức, trải nghiệm bản thân, thể hiện năng lực của mình, bộc lộ rõ sở trường hoặc sở đoản của các em. Sau mỗi đợt hoạt động, giáo viên và học sinh cùng điểm lại những thành tích đã đạt được để củng cố lại lần nữa những thành tích tạo nên từ năng lực của học sinh. Như vậy, việc này đồng nghĩa với giúp học sinh nhận diện và phát huy đúng sở trường của mình. Bên cạnh đó, việc tạo ra môi trường mới cho học sinh trải nghiệm cũng là cơ hội rất tốt để học sinh giao lưu, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển vì sở trường của em này có thể là sở đoản của em khác, như vậy tự các em có thể hướng dẫn cho bạn mình những phương pháp để tiến bộ.

Biện pháp 3: Bồi dưỡng cho giáo viên những kiến thức về phương pháp tìm hiểu bản thân

Cách tiến hành:

Nhà trường nên mở những lớp tập huấn cho giáo viên, cung cấp cho các thầy cô giáo những kiến thức và cách thực hành những phương pháp tìm hiểu bản thân, đặc biệt là những phương pháp mà học sinh THPT chưa nắm rõ như phân tích SWOT; làm trắc nghiệm tâm lý; sinh trắc, khám sức khỏe. Chính

thầy cô giáo phải là người nắm rõ những nội dung và phương pháp tìm hiểu bản thân thì mới có thể hỗ trợ học sinh của mình. Qua đợt tập huấn các giáo viên lượng giá lại xem sự ứng dụng những phương pháp đã giúp bản thân tìm hiểu chính mình như thế nào, mình gặp khó khăn gì. Từ đó, giáo viên triển khai hướng dẫn phương pháp cho học sinh.

Biện pháp 4: Kiểm định chất lượng tài liệu tham khảo có nội dung khám phá bản thân của học sinh

Cách tiến hành:

Gia đình và nhà trường khuyến khích tính chủ động của các em trong việc tìm đọc tài liệu có nội dung khám phá, phát triển bản thân của các tác giả và nhà xuất bản đáng tin cậy. Muốn như vậy, trước tiên chính phụ huynh và giáo viên phải là những người đi đầu trong việc tìm hiểu, thẩm định tính hiệu quả của những tài liệu như vậy.

Biện pháp 5: Tuyển dụng chuyên viên tham vấn tâm lý - những người có chuyên môn và khả năng hỗ trợ học sinh trong quá trình tìm hiểu bản thân

Cách tiến hành:

Nhà trường phổ thông cần chú trọng việc tuyển dụng những chuyên viên tham vấn tâm lý học đường về làm việc chính thức, hỗ trợ điều kiện phòng ốc đảm bảo tính bảo mật cho công tác tham vấn để giúp các em tháo gỡ khúc mắc, nhìn ra tiềm lực của bản thân - việc này thường được các nhà trường phổ thông nhầm lẫn với văn phòng Đoàn và chuyên viên tham vấn được đồng nhất với Trợ lý thanh niên của trường.

2.3.2. Biện pháp nâng cao kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp

Biện pháp 1: Bổ sung các tiết học hướng nghiệp chú trọng cung cấp thông tin nghề nghiệp ở trường phổ thông

Cách tiến hành:

Nhà trường phổ thông tăng thêm tiết học hướng nghiệp với chủ đề cung cấp thông tin nghề nghiệp vào những ngày học sinh chỉ có 4 tiết học những môn văn hóa hoặc những buổi chiều học sinh không có lịch học phụ đạo, chuyên đề để không làm ảnh hưởng tới tiết học văn hóa của các em. Tuy nhiên việc tăng tiết học hướng nghiệp có thể làm học sinh chưa quen, dễ gây mệt mỏi vì các em đã phải học nhiều môn khác nên nhà trường cần sắp xếp giờ giấc hợp lý, thời gian không kéo dài quá lâu. Việc bổ sung tiết học như vậy sẽ góp phần hình thành suy nghĩ nghiêm túc về định hướng nghề nghiệp và ý nghĩa của kỹ năng định hướng nghề nghiệp ở học sinh.

Biện pháp 2: Tích cực đổi mới phương pháp cung cấp thông tin các đặc điểm về nghề nghiệp ở từng lớp học

Cách tiến hành:

Vấn đề đổi mới phương pháp cung cấp thông tin các đặc điểm về nghề nghiệp không chỉ nên thực hiện ở những bộ môn văn hóa trong nhà trường phổ thông mà còn cần phải chú trọng ở mảng giáo dục hướng nghiệp. Lý do là vì việc duy trì mãi một phương pháp giáo dục sẽ có khả năng gây nhàm chán cho học sinh THPT. Thay đổi cách thức truyền thụ tri thức nhằm khơi gợi được hứng thú tìm hiểu nghề nghiệp nơi học sinh. Đổi mới ở đây cần có sự đa dạng không chỉ về nội dung truyền đạt mà còn cả về thời gian, địa điểm tổ chức hướng nghiệp (tại lớp học, sân trường, buổi tham quan...), thành phần tham gia (không chỉ có thầy - trò mà có thể mời thêm phụ huynh, người lao động trong nghề, đại diện của cơ sở lao động nào đó)...chứ không nên bó hẹp trong mô hình lớp học chỉ có giáo viên chủ nhiệm và học sinh lớp đó.

Biện pháp 3: Thường xuyên tổ chức các buổi tham vấn hướng nghiệp tại trường và mời các chuyên gia, người đang hành nghề có kinh nghiệm chia sẻ thông tin về nghề nghiệp

Cách tiến hành:

Nhà trường phổ thông cần lập kế hoạch về chủ đề sinh hoạt tập thể của học sinh và thường xuyên tổ chức những buổi tham vấn hướng nghiệp tại trường có sự tham gia, đóng góp ý kiến, chia sẻ kinh nghiệm của những chuyên gia hoặc những người đang công tác trong ngành nghề nào đó để thông tin về nghề nghiệp được cung cấp phong phú hơn, cụ thể hơn.

Biện pháp 4: Tổ chức các buổi giao lưu giữa học sinh THPT và sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng các em quan tâm

Cách tiến hành:

Những buổi giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm về nghề nghiệp giữa học sinh - sinh viên có tác dụng làm cầu nối giữa hai đối tượng trên. Học sinh THPT có điều kiện học hỏi kiến thức từ sinh viên - những người có độ tuổi không quá cách xa, do đó môi trường giao lưu sẽ mang tính gần gũi hơn, giúp các em mạnh dạn đặt câu hỏi nhiều hơn, biết được nhiều thông tin hơn.

Biện pháp 5: Tổ chức tham quan, nghe giới thiệu về các cơ sở lao động, doanh nghiệp

Cách tiến hành:

Nhà trường liên kết với các cơ sở lao động, doanh nghiệp và tổ chức cho học sinh các buổi tham quan cơ sở có người đại diện của nơi đó hướng dẫn và giám sát; học sinh quan sát, chi chép về công việc, môi trường làm việc của người lao động trong thực tế. Sau mỗi đợt tham quan như vậy, nhà trường yêu cầu học sinh viết bài thu hoạch trình bày những nội dung đã tìm hiểu được và cách các em tiến hành phương pháp này trong thực tế ra sao để xem xét kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp của học sinh cải thiện đến đâu.

Biện pháp 6: Khuyến khích học sinh trao đổi với các chuyên viên tham vấn hướng nghiệp về việc tìm hiểu nghề nghiệp

Cách tiến hành:

Khuyến khích học sinh trao đổi với các chuyên viên tham vấn hướng

nghiệp về việc tìm hiểu nghề nghiệp sẽ tạo cho các em cảm giác được ủng hộ và thúc đẩy sự mạnh dạn của học sinh trong việc trình bày những khúc mắc của bản thân với những người có chuyên môn. Biện pháp này khơi gợi tính chủ động của học sinh THPT trong quá trình tìm hiểu và nắm bắt thông tin nghề nghiệp.

Biện pháp 7: Tạo điều kiện cho học sinh tham gia các ngày hội tham vấn hướng nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo, báo Tuổi Trẻ tổ chức để các em học hỏi

Cách tiến hành:

Cả gia đình và nhà trường đều nên tạo điều kiện thuận lợi nhất để học sinh THPT được tham gia vào các ngày hội tham vấn hướng nghiệp. Phía lãnh đạo nhà trường và các thầy cô giáo bộ môn có thể dời khung giờ học phụ đạo, đội tuyển, học thêm để ưu tiên cho các em tham gia vào các ngày hội tham vấn hướng nghiệp. Kết thúc những lần tham gia như vậy, nhà trường nên khuyến khích học sinh chia sẻ thông tin nghề nghiệp với nhau để mọi học sinh, đặc biệt là những em chưa có điều kiện tham gia có thể nắm được những phần mình chưa tìm hiểu rõ.

Biện pháp 8: Giới thiệu cho học sinh những tài liệu về hướng nghiệp để học sinh nắm được những nội dung cần tìm hiểu

Cách tiến hành:

Không phải học sinh nào cũng biết được cần tìm hiểu những gì liên quan đến nghề nghiệp và nắm rõ những phương pháp để tìm hiểu, do đó, cả nhà trường và gia đình đều cần có sự tích cực trong công tác giới thiệu, truyền đạt thông tin về các tài liệu có nội dung hướng nghiệp đáng tin cậy cho học sinh. Có được sự giới thiệu của các bậc phụ huynh và thầy cô giáo các em sẽ đỡ tốn thời gian khi phải tự mình tìm tòi những tài liệu có liên quan.

2.3.3. Biện pháp nâng cao kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp

Biện pháp 1: Khuyến khích học sinh THPT thể hiện tính chủ động trong việc lựa chọn nghề nghiệp

Cách tiến hành:

Nhà trường, gia đình cần có sự khích lệ đối với việc chọn nghề của học sinh THPT. Tức là chỉ gợi ý, không can thiệp quá nhiều, không áp đặt các em trong quá trình xác định độ phù hợp nghề, ra quyết định và vượt qua khó khăn.

Biện pháp 2: Hỗ trợ học sinh THPT xác định những điều tác động đến việc đưa ra quyết định

Cách tiến hành:

Nhà trường, gia đình cần có sự quan tâm đến lý do học sinh chưa thể chưa ra quyết định nghề nghiệp cho mình để giúp các em làm sáng tỏ những yếu tố cản trở, cùng các em lựa chọn công cụ để đưa ra quyết định.

Biện pháp 3: Tạo điều kiện cho học sinh THPT thực hành việc đưa ra quyết định

Không phải mọi học sinh đều có cơ hội ra quyết định như nhau trong cuộc sống hằng ngày. Có những gia đình cha mẹ thường đưa ra quyết định thay các em. Do đó, ở học sinh chưa hình thành được tính dứt khoát khi đối diện với vấn đề cần ra quyết định.

Cách tiến hành:

Để cải thiện sự do dự của học sinh cần tạo điều kiện cho các em có nhiều cơ hội đưa ra quyết định của riêng mình. Sự luyện tập này cần tích lũy dần dần để tạo nền tảng cho việc ra quyết định chọn lựa nghề nghiệp.

Biện pháp 4: Hỗ trợ học sinh tìm hiểu những khó khăn trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp

Học sinh THPT cần xác định được những khó khăn để quá trình lựa chọn

nghề nghiệp được thuận lợi hơn. Tuy nhiên, đây là việc khá mới mẻ với các em, đòi hỏi ở các em sự phân tích và tổng hợp nhiều khía cạnh trong cuộc sống của mình.

Cách tiến hành:

Những người xung quanh, cụ thể là cha mẹ, thầy cô và bạn bè cần tích cực giúp đỡ học sinh THPT xác định những khó khăn của mình, đóng góp ý kiến để học sinh nhìn nhận đúng thực chất những khó khăn của mình, tức là không quan trọng hóa quá mức những khó khăn gặp phải, không đơn giản hóa những vấn đề cần phải giải quyết triệt để.

Biện pháp 5: Giám sát tiến trình vạch kế hoạch giải quyết khó khăn của học sinh THPT

Cách tiến hành:

Giám sát là biện pháp cần được chú trọng vì qua quá trình giám sát việc lập và thực hiện kế hoạch vượt qua khó khăn của học sinh, gia đình và nhà trường nắm được các em còn yếu điểm nào để tích cực hỗ trợ. Bên cạnh đó, không phải ý thức tự giác thực hiện kế hoạch đã đề ra của mọi học sinh đều như nhau nên rất cần có sự nhắc nhở, đốc thúc của phụ huynh và thầy cô để các em thực hiện nghiêm túc những gì đã vạch ra.

Tiểu kết chương 2

Trong phần khảo sát thực trạng của đề tài, người nghiên cứu đã tập trung làm sáng tỏ các vấn đề cơ bản sau:

Mức độ biểu hiện kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông nằm ở mức trung bình.

Mức độ biểu hiện các kỹ năng thành phần trong kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông lần lượt là: kỹ năng tìm hiểu bản thân nằm ở mức cao, kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp và kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp nằm ở mức trung bình, .

Các nhóm khách thể khác nhau có mức độ biểu hiện kỹ năng định hướng nghề nghiệp khác nhau.

Các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp theo đánh giá của học sinh Trung học phổ thông ở mức khác nhau.

Đề xuất một số biện pháp hỗ trợ các kỹ năng thành phần trong kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nằm ở mức trung bình. Trong đó:

a. Kỹ năng tìm hiểu bản thân của học sinh THPT nằm ở mức cao. Cụ thể: Nội dung tìm hiểu nằm ở mức cao và phương pháp tìm hiểu nằm ở mức trung bình. Có sự khác biệt về mức độ biểu hiện kỹ năng tìm hiểu bản thân theo nhóm giới tính, hứng thú, cha mẹ giúp đỡ và theo khối lớp.

b. Kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp của học sinh nằm ở mức trung bình. Cụ thể: Cả nội dung tìm hiểu và phương pháp tìm hiểu đều nằm ở mức trung bình. Có sự khác biệt về mức độ biểu hiện kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp theo nhóm hứng thú, cha mẹ giúp đỡ và khối lớp.

c. Kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông nằm ở mức trung bình. Cụ thể: Cả ba nhóm phương pháp đều nằm ở mức trung bình. Có sự khác biệt về mức độ biểu hiện kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp theo nhóm hứng thú, trường, khối lớp.

d. Theo đánh giá của học sinh Trung học phổ thông, nhóm yếu tố "bản thân nghề nghiệp" ảnh hưởng nhiều nhất đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp của các em. Kế đến lần lượt là nhóm "gia đình", "xã hội". Nhóm yếu tố được cho là ít ảnh hưởng nhất là "nhà trường".

Như vậy, kết quả khảo sát thực trạng cho thấy sự phù hợp của giả thuyết được đặt ra ban đầu.

2. Kiến nghị

Thông qua quá trình nghiên cứu với những kết quả thu được, NNC xin đưa ra một vài kiến nghị như sau:

- Về phía gia đình học sinh:

+ Cha mẹ và những người thân khác cần có sự quan tâm hơn đến vấn đề định hướng nghề nghiệp của các em. Gia đình cần có sự phối hợp với nhà trường trong việc hướng dẫn các em tìm hiểu về bản thân và nghề nghiệp. Tuy nhiên cần tôn trọng sự lựa chọn nghề nghiệp của các em. Không nên áp đặt suy nghĩ của các em, ngược lại khuyến khích học sinh THPT nhìn nhận đúng năng lực, tính cách, hứng thú,...của các em, sẵn sàng tìm hiểu và chia sẻ những thông tin hữu ích về nghề nghiệp với học sinh.

+ Gia đình nên là nơi động viên tinh thần và hỗ trợ các em trong suốt quá trình định hướng nghề nghiệp, cùng các em giải quyết khó khăn gặp phải để việc định hướng nghề nghiệp được thuận lợi.

- Về phía nhà trường THPT:

+ Nhà trường phổ thông ngoài việc truyền thụ kiến thức của các bộ môn văn hóa còn cần có sự quan tâm đúng mức đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp của các em. Tức là cần tăng cường các hoạt động nhằm mục đích hướng nghiệp và không ngừng cải thiện chất lượng của các hoạt động để nâng cao hiệu quả của công tác hướng nghiệp như: thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu hướng nghiệp trong nhà trường vào những giờ sinh hoạt tập thể, tuyển chuyên viên tham vấn hướng nghiệp về công tác tại trường để tiện trong việc tham vấn nghề nghiệp cho học sinh, cử cán bộ là lãnh đạo hay giảng viên của nhà trường đi học các lớp tập huấn nâng cao năng lực hướng nghiệp cho học sinh THPT.

+ Tóm lại, ngoài nỗ lực tích cực tại môi trường học đường, nhà trường cần có sự phối hợp với gia đình các em để tạo nền tảng vững chắc cho kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh có điều kiện phát triển.

- Về phía các cơ quan chức năng thuộc ngành giáo dục:

+ Cần quan tâm hơn trong việc tổ chức và chỉ đạo về vấn đề dạy và rèn luyện kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT thông qua

những văn bản, qui định cụ thể về nội dung chương trình hướng nghiệp, mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nghiên cứu và giảng dạy, hỗ trợ kinh phí, tài liệu và trang thiết bị tốt để hỗ trợ người dạy và học trong quá đình định hướng nghề nghiệp.

+ Các cơ quan chức năng cần có sự liên kết với các trường nghề hay trung tâm việc làm để tạo điều kiện cho học sinh được tham quan, học hỏi từ thực tế nghề nghiệp, đưa bộ môn hướng nghiệp và nâng cao kỹ năng định hướng nghề nghiệp vào trường phổ thông thành môn học chính thức.

- Về phía xã hội:

+ Đầu tư xuất bản thêm nhiều sách, tạp chí, nguyệt san riêng về hướng nghiệp và kỹ năng định hướng nghề nghiệp cho học sinh THPT được soạn thảo bởi các chuyên viên tham vấn hướng nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực tư vấn việc làm và những bên có chuyên môn liên quan để đảm bảo chất lượng thông tin.

+ Tuyên truyền rộng rãi về tầm quan trọng của kỹ năng định hướng nghề nghiệp cho học sinh THPT, gia đình và nhà trường để các bên có liên quan dành sự quan tâm và thái độ đúng đắn đối với việc hình thành kỹ năng định hướng nghề nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Ngọc Oánh, Nguyễn Xuân Nghĩa, Triệu Xuân Quýnh (1992), *Giáo trình Tâm lý học Tập II*, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bùi Thị Hân (2012), *Nhận thức về sự thành đạt trong nghề nghiệp của sinh viên ở một số trường Đại học tại thành phố Hồ Chí Minh*, Khóa luận tốt nghiệp Đại học.

3. Bùi Văn Huệ (2000), *Giáo trình Tâm lý học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Cao Văn Quang (2012), *Kỹ năng sống của trẻ 5 - 6 tuổi ở một số trường mầm non tại thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sỹ Tâm lý họ.

5. Đỗ Thị Hồng Diễm (2015), *Thực trạng nhu cầu tư vấn hướng nghiệp của học sinh lớp 9 quận Thủ Đức thành phố Hồ Chí Minh*, Khóa luận tốt nghiệp Đại học.

6. Đỗ Thị Ngọc Chi (2013), *Định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng (Nghiên cứu trường hợp tại trường Trung học phổ thông Mạc Đĩnh Chi, thành phố Hải Phòng)*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

7. Dương Thiệu Tống (2005), *Phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục và Tâm lý*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

8. Hoàng Anh (2005), *Kỹ năng giải quyết tình huống Sư phạm của sinh viên trường Đại học Sư phạm thể thao Hà Tây*, Tạp chí Tâm lý học, số 11.

9. Hoàng Khuê (Chủ biên) (1992), *Từ điển tiếng Việt*, Trung Tâm ngôn ngữ Hà Nội.

10. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nhà xuất bản Thống kê.

11. Huỳnh Lâm Anh Chương (2014), *Các biểu hiện kỹ năng sống của học sinh Tiểu học*, Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh,

Số 54.
12. Huỳnh Thị Trúc Ly (2015), *Thực trạng kỹ năng giải quyết vấn đề trong thực tập đợt một của sinh viên khoa Tâm lý giáo dục trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh*, Khóa luận tốt nghiệp Đại học.
13. Huỳnh Văn Sơn (2012), *Thực trạng kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh trong thực tập Sư phạm đợt một theo hình thức gửi thẳng*, Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ.
14. Huỳnh Văn Sơn, Lê Thị Hân (Chủ biên), Trần Thị Thu Mai, Nguyễn Thị Uyên Thy, *Giáo trình Tâm lý học Đại cương*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
15. Kiều Thị Thanh Trà (2010), *Biểu hiện tự ý thức của học sinh một số trường Trung học phổ thông tại thành phố Hồ Chí Minh*, Khóa luận tốt nghiệp Đại học.
16. Lại Thế Luyện (2014), *Kỹ năng tìm việc làm*, Nhà xuất bản Thời Đại.
17. Lê Ngọc Huyền (2010), *Kỹ năng hoạt động nhóm trong học tập của sinh viên trường Đại học Sài Gòn*, Luận văn Thạc sỹ Tâm lý học.
18. Lê Tấn Huỳnh Cẩm Giang, *Khảo sát và đánh giá một số kỹ năng tương tác trong tổ chức của sinh viên khoa Sư phạm trường đại học Tiền Giang*, Luận văn Thạc sỹ Tâm lý học.
19. Lê Thị Dung, *Kỹ năng sử dụng Internet trong học tập môn Tâm lý học của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu*, Luận văn Thạc sỹ Tâm lý học.
20. Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thàng (2007), *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học Sư phạm*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
21. Lý Minh Tiên, Nguyễn Thị Tứ (Chủ biên), Bùi Hồng Hà, Huỳnh Lâm Anh Chương (2012), *Giáo trình Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học Sư phạm*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

22. Ngô Đình Qua (2013), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
23. Ngô Hoài Sơn (2009), *Định hướng nghề nghiệp cho giới trẻ*, Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
24. Ngô Minh Duy (2011), *Động cơ chọn nghề của học sinh lớp 12 tại một số trường ở thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sỹ Tâm lý học.
25. Nguyễn Kim Thản (Chủ biên) (2005), *Từ điển Tiếng Việt*, Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn.
26. Nguyễn Ngọc Tài (2008), *Xu hướng chọn nghề của học sinh các trường Trung học phổ thông tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay và giải pháp giáo dục hướng nghiệp*, Nghiên cứu giáo dục.
27. Nguyễn Thị Hoàng Yến (2007), *Thực trạng công tác định hướng nghề nghiệp cho học sinh ở một số trường Trung học phổ thông thành phố Hồ Chí Minh*, Khóa luận tốt nghiệp Đại *học*.
28. Nguyễn Thị Hồng (2014), Kỹ năng giải quyết vấn đề trong hoạt động học tập của sinh viên năm thứ nhất trường Cao đẳng Sư phạm Long An, Luận văn Thạc sỹ Tâm lý học.
29. Nguyễn Thị Như Hồng (2014), *Khả năng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên Sư phạm tại Đại học Qui Nhơn trong đợt thực tập Sư phạm*, Luận văn Thạc sỹ Tâm lý học.
30. Nguyễn Thị Phương Huỳnh (2012), *Xu hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông trên địa bàn huyện gò Công Tây, tỉnh tiền Giang*, Khóa luận tốt nghiệp Đại học.
31. Nguyễn Thị Thúy Dung (2009), *Kỹ năng giải quyết tình huống quản lý của học viên các lớp bồi dưỡng Hiệu trưởng Tiểu học*, Luận án Tiến sỹ Tâm lý học.
32. Nguyễn Thị Trường Hân (2010), *Xu hướng nghề của học sinh và công tác*

tư vấn hướng nghiệp ở các trường Trung học phổ thông quận 12 thành phố Hồ Chí Minh, Luận văn Thạc sỹ Tâm lý học.

33. Nguyễn Văn Hiếu (2013), *Bí quyết tìm việc thành công*, Nhà xuất bản Phụ Nữ.

34. Nguyễn Văn Lũy - Lê Quang Sơn, *Từ điển Tâm lý học*.

35. Như Ý (chủ biên) (1995), *Từ Điển Tiếng Việt thông dụng*, Nhà Xuất Bản Giáo Dục.

36. Phan Trịnh Hoàng Dạ Thy (2010), *Kỹ năng giải quyết vấn đề trong quá trình thực tập nhận thức của sinh viên trường Đại học Hoa Sen*, Luận văn Thạc sỹ Tâm lý học.

37. Shoya Zichi, Ann Bidou, Nguyễn Hồng Tâm (dịch), *Nghề nào cho bạn nghề nào cho tôi*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.

38. Trần Đình Chiến (2008), *Xu hướng chọn nghề của học sinh lớp 12 trường Trung học phổ thông dưới ảnh hưởng củ nền kinh tế thị trường (khảo sát tại tỉnh Phú Thọ)*, Luận án Tiến sỹ Giáo dục học.

39. Trần Phi Hùng (2014), *Hứng thú nghề nghiệp của học sinh ở một số trường Trung học phổ thông tại huyện bến lức, tỉnh Long An*, Luận văn Thạc sỹ Tâm lý học, Thành phố Hồ Chí Minh.

40. Trần Thị Dương Liễu (2014), *Định hướng nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành Tâm lý học ở một số trường Đại học tại thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sỹ Tâm lý học.

41. Trương Quang Vương (2015), *Cái tôi và nghề nghiệp*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

42. Vũ Dũng (2008), *Từ điển Tâm lý học*, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

Các trang web:

43.

http://www.tuvanvala.com/index.php?option=com_content&view=article&id=654:nhung-sai-lam-khi-chon-nghe&catid=109.cam-nang-tu-huong-nghiep&Itemid181.
44. http://jeffdstahl.com/worksfiles/vocguidance(pdf).pdf.
45. https://www.calcareercenter.org/Uploads/Links/careerdevelopmentparenthandbookVietnameser2.pdf

PHỤ LỤC

PHIẾU THĂM DÒ Ý KIẾN

Các bạn học sinh thân mến !

Để có cơ sở đưa ra một số biện pháp nhằm nâng cao kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông, xin bạn vui lòng dành chút thời gian trả lời các câu hỏi dưới đây. Chúng tôi xin cam đoan mọi thông tin của các bạn sẽ được bảo mật. Rất mong sự hợp tác của các bạn !

Phần I. Thông tin chung

Bạn hiện đang là học sinh trường:

☐ THPT Chuyên Lê Quí Đôn

☐ THPT Vũng Tàu

☐ THPT Nguyễn Huệ

2. Giới tính :

☐ Nam

☐ Nữ

3. Bạn đang học khối:

☐ 10

☐ 11

☐ 12

4. Bạn đã có sẵn hứng thú với một nghề nào đó từ trước chưa ?

☐ Đã có

☐ Chưa có

5. Cha mẹ bạn có giúp đỡ bạn trong việc định hướng nghề nghiệp không ?

☐ Có

☐ Không

Phần II. Nội dung chi tiết

Ở các câu dưới đây bạn vui lòng đánh dấu X vào ô bạn cho là phù hợp với mình nhất theo qui ước sau :

5: Biết rất rõ 4: Biết khá rõ 3: Biết trung bình 2: Biết ít 1: Không biết

Câu 1: Kỹ năng tìm hiểu bản thân của bạn nằm ở mức nào ?

Kỹ năng tìm hiểu bản thân		**5**	**4**	**3**	**2**	**1**
Các đặc điểm về bản thân	1. Bạn có biết những điều gì quan trọng nhất với mình trong cuộc sống không ?					
	2. Bạn có biết mình hứng thú với những lĩnh vực nào không ?					
	3. Bạn có biết ước mơ của mình là gì không ?					
	4. Bạn có biết những nét tính cách tốt và xấu của mình là gì không ?					
	5. Bạn có biết mình thường hay thể hiện trước mọi người phong thái nói năng, làm việc như thế nào không ?					
	6. Bạn biết sở trường và sở đoản của mình là gì không ?					
	7. Bạn có biết ngoại hình của mình có ưu/nhược điểm gì không ?					
	8. Bạn có biết về tình trạng sức khỏe của mình không ?					
	9. Bạn có biết gia đình mình có điều kiện kinh tế như thế nào không ?					

Phương pháp tìm hiểu	10. Bạn có biết tìm hiểu bản thân bằng phương pháp phân tích SWOT (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức) không ?					
	11. Bạn có biết tìm hiểu bản thân bằng phương pháp ghi nhật ký để suy ngẫm lại không ?					
	12. Bạn có biết tìm hiểu bản thân bằng cách lắng nghe ý kiến nhận xét từ mọi người không ?					
	13. Bạn biết tìm hiểu bản thân bằng cách làm các trắc nghiệm tâm lý hay không ?					
	14. Bạn biết tìm hiểu bản thân bằng cách thử trải nghiệm trong các môi trường khác nhau hay không ?					
	15. Bạn biết tìm hiểu bản thân bằng phương pháp sinh trắc, khám sức khỏe...hay không ?					

Câu 2: Kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp của bạn nằm ở mức độ nào ?

Kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp		**5**	**4**	**3**	**2**	**1**
	1. Bạn có biết tìm ra danh sách các trường có đào tạo nghề mình quan tâm không ?					
	2. Bạn có biết mục tiêu đào tạo của ngành mình quan tâm là gì không ?					
	3. Bạn có biết tìm hiểu chất lượng đào tạo của trường mình quan tâm không ?					

Các đặc điểm về nghề nghiệp	Bạn có biết về phương pháp đào tạo của trường mình quan tâm không ?					
	5. Bạn có biết về mức học phí của trường mình quan tâm không ?					
	6. Bạn có biết thời gian đào tạo của ngành nghề nào đó là bao nhiêu lâu không ?					
	7. Bạn có biết cách tìm hiểu yêu cầu về năng lực của một nghề nào đấy không ?					
	8. Bạn có biết yêu cầu về tính cách của một nghề nào đấy không ?					
	9. Bạn có biết về những công việc phải thực hiện hằng ngày của một nghề nào đó không ?					
	10. Bạn có biết về đặc điểm môi trường làm việc của nghề mình quan tâm không ?					
	11. Bạn có biết về những khó khăn trong một nghề nào đó không ?					
	12. Bạn có biết về mức lương trung bình của ngành nghề nào đó không ?					
	13. Bạn biết những nơi có thể xin việc của một ngành nghề nào đó sau khi ra trường không ?					
	14. Bạn có biết điều gì sẽ bổ trợ cho nghề mà mình đang quan tâm không ?					

Phương pháp tìm hiểu	15. Bạn có biết là để tìm hiểu về nghề nghiệp, bạn có thể hỏi ông bà, cha mẹ, cô chú, bà con, láng giềng xung quanh mình... không ?					
	16. Bạn có biết là để tìm hiểu về nghề nghiệp, bạn có thể tìm cách tham quan, quan sát những người lao động trong môi trường làm việc của họ không ?					
	17. Bạn có biết là để tìm hiểu về nghề nghiệp, bạn có thể tham gia các hội thảo, ngày hội việc làm tại các câu lạc bộ/ nhà văn hóa không ?					
	18. Bạn có biết là để tìm hiểu về nghề nghiệp, bạn có thể tham khảo sách, báo; truy cập internet viết về các nghề không ?					

Câu 4: Kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp của bạn nằm ở mức độ nào ?

Kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp		**5**	**4**	**3**	**2**	**1**
Kiểm tra sự phù hợp	1. Bạn có biết đối chiếu để tìm hiểu mức độ tương thích giữa mình và yêu cầu của nghề mình muốn chọn không ?					
	2. Bạn có biết kiểm tra sự phù hợp giữa bản thân với nghề bằng cách sử dụng trắc nghiệm hướng nghiệp hoặc mô hình cho điểm để tính độ phù hợp không ?					

	3. Bạn có biết kiểm tra sự phù hợp giữa bản thân với nghề bằng cách làm thử một phần của công việc tương lai không ?					
Ra quyết định	4. Bạn có biết cách chọn ra phương án chọn nghề tối ưu nhất cho mình không?					
	5. Bạn có biết cách triển khai phương án nghề nghiệp mà mình đã chọn không?					
Vượt qua khó khăn	6. Bạn có biết cách xác định những khó khăn trong quá trình chọn nghề mà mình đang hoặc sẽ gặp không ?					
	7. Bạn có biết cách vượt qua các khó khăn đó không?					

Câu 5: Theo bạn, các yếu tố sau ảnh hưởng đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp của mình ở mức nào ?

5: Rất nhiều 4: Nhiều 3: Trung bình 2: Ít 1: Rất ít

Phạm vi	**Yếu tố ảnh hưởng**	**5**	**4**	**3**	**2**	**1**
Gia đình	1. Nguyện vọng của cha mẹ					
	2. Điều kiện kinh tế					
Nhà trường	3. Lời khuyên của thầy cô					
	4. Ý kiến của bạn bè					
Bản thân Nghề nghiệp	5. Mức thu nhập của nghề					
	6. Tấm gương thành công trong nghề					
	7. Môi trường, điều kiện làm việc của nghề					

	8. Điều kiện học nghề, mức học phí, vị trí địa lý của trường đào tạo...)					
	9. Địa vị và cơ hội thăng tiến trong nghề					
Xã hội	10. Nhu cầu của xã hội về nghề nghiệp đó					
	11. Phương tiện truyền thông (truyền hình, báo chí)					
	12. Các buổi tham vấn hướng nghiệp do các trường Đại học, Cao đẳng tổ chức tại trường phổ thông					

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của các bạn !

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1. Lí do chọn đề tài 1
2. Mục đích nghiên cứu 2
3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu 2
4. Phạm vi nghiên cứu 3
5. Giả thuyết nghiên cứu 3
6. Nhiệm vụ nghiên cứu 3
7. Phương pháp nghiên cứu 4
8. Đóng góp của đề tài 5
NỘI DUNG 6
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN 6
1.1. Lịch sử nghiên cứu 6
1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài có liên quan đến đề tài 6
1.1.2. Những nghiên cứu ở Việt Nam có liên quan đến đề tài 8
1.2. Lý luận về kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông 12
1.2.1. Kỹ năng 12
1.2.2. Khái niệm định hướng nghề nghiệp 20
1.2.3. Khái niệm học sinh Trung học phổ thông 25
1.2.4. Kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông 29
Tiểu kết chương 1 54
CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU 55
2.1. Tổ chức nghiên cứu thực trạng 55

2.1.1. Mục đích nghiên cứu 55
2.1.2. Mô tả cách thức nghiên cứu thực trạng 55
2.2. Kết quả nghiên cứu thực trạng kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông 63
2.2.1. Thực trạng kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông 63
2.2.2. Thực trạng các kỹ năng thành phần trong kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông 67
2.2.3. So sánh mức độ biểu hiện kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông theo các nhóm khách thể khác nhau 84
2.2.4. Một số yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông 88
2.3. Đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh Trung học phổ thông 91
2.3.1. Biện pháp nâng cao kỹ năng tìm hiểu bản thân 92
2.3.2. Biện pháp nâng cao kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp 94
2.3.3. Biện pháp nâng cao kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp 98
Tiểu kết chương 2 100
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 101
1. Kết luận 101
2. Kiến nghị 101
TÀI LIỆU THAM KHẢO 104
PHỤ LỤC 109

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Tiến sỹ Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu, người đã tận tình hướng dẫn tôi trong suốt thời gian thực hiện Khóa luận tốt nghiệp.

Xin chân thành cảm ơn quí thầy cô của Khoa Tâm lý học thuộc trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh đã giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong quá trình học tập và thực hiện Khóa luận tốt nghiệp.

Xin cảm ơn Ban giám hiệu, quí Thầy Cô cùng các em học sinh lớp 10, 11, 12 ở ba trường Trung học phổ thông tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: trường Trung học phổ thông Chuyên Lê Quí Đôn, Trung học phổ thông Vũng Tàu, Trung học phổ thông Nguyễn Huệ đã hỗ trợ tôi trong giai đoạn nghiên cứu thực trạng.

Cuối cùng, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến những người thân trong gia đình và bạn bè đã luôn động viên tôi học tập, nghiên cứu và hoàn thành Khóa luận này.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 5 năm 2016

Sinh viên

Phạm Thị Hoàng Yên

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

THƯ TỰ	VIẾT TẮT	VIẾT ĐẦY ĐỦ
1	THPT	Trung học phổ thông
2	ĐTB	Điểm trung bình
3	CLQĐ	Chuyên Lê Quí Đôn
4	VT	Vũng Tàu
5	NH	Nguyễn Huệ
6	NNC	Người nghiên cứu
7	ĐLC	Độ lệch chuẩn
8	MYN	Mức ý nghĩa
9	TB	Trung bình
10	KN THBT	Kỹ năng tìm hiểu bản thân
11	KN THNN	Kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp
12	KN LCNN	Kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp
13	KN ĐHNN	Kỹ năng định hướng nghề nghiệp

DANH MỤC CÁC BẢNG

THỨ TỰ	KÝ HIỆU	TÊN BẢNG	TRANG
1	Bảng 1.1	Các mức độ kĩ năng theo quan điểm của K. K. Platonov và G. G. Golubev	17
2	Bảng 2.1	Cơ cấu khách thể nghiên cứu	57
3	Bảng 2.2.	Kết quả thực trạng kỹ năng định hướng nghề nghiệp	63
4	Bảng 2.3	Biểu hiện cụ thể của kỹ năng tìm hiểu bản thân	67
5	Bảng 2.4	Biểu hiện cụ thể của kỹ năng tìm hiểu nghề nghiệp	73
6	Bảng 2.5	Biểu hiện cụ thể của kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp	80
7	Bảng 2.6	Kết quả so sánh mức độ biểu hiện kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT theo các nhóm khách thể khác nhau	84
8	Bảng 2.7	Kết quả tự đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến kỹ năng định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT	88

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

KÝ HIỆU	TÊN BIỂU ĐỒ	TRANG
Biểu đồ 2.1	ĐTB kỹ năng định hướng nghề nghiệp theo các nhóm khách thể	87

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA TÂM LÝ HỌC

PHẠM THỊ HOÀNG YÊN

KỸ NĂNG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

CHUYÊN NGÀNH: TÂM LÝ HỌC

Thành phố Hồ Chí Minh - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA TÂM LÝ HỌC

PHẠM THỊ HOÀNG YÊN

KỸ NĂNG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

CHUYÊN NGÀNH: TÂM LÝ HỌC

Người hướng dẫn khoa học:
TS. Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu

Thành phố Hồ Chí Minh - 2016